



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 63 - SỐ 673 / Kỳ I - 7/2024

ĐIỀU TRA, THU THẬP THÔNG TIN

Thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024



CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 7/2024 (673) Ra hàng tháng. Năm thứ 63
Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN
Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971
Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn
Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản
In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc
Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Tổ chức Lễ ra quân cấp Trung ương Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 tại Hòa Bình

4. Tổng cục Thống kê sẵn sàng thực hiện thành công điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số

Nguyễn Trung Tiến

7. Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm UBĐT Nông Thị Hà: Kết quả Điều tra 53 DTTS năm 2024 là căn cứ quan trọng xây dựng, hoạch định chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số

9. Trưởng đại diện UNFPA tại Việt Nam: Điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 góp phần thu hẹp khoảng cách dữ liệu

11. Lạng Sơn huy động cả hệ thống chính trị tập trung triển khai tốt điều tra, thu thập thông tin thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024

KINH TẾ - XÃ HỘI

15. Những chấm phá đậm nét trong bức tranh kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024

Bích Ngọc

18. Bức tranh tăng trưởng kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024 tiếp tục khởi sắc

Nguyễn Thị Mai Hạnh

21. Sản xuất công nghiệp cả nước 6 tháng đầu năm 2024 tiếp đà phục hồi và tăng trưởng

Phí Thị Hương Nga

24. Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2024 đạt kết quả tích cực

Đinh Thị Thúy Phương

26. Lạm phát trong tầm kiểm soát

Nguyễn Thu Oanh

28. Vài nét thị trường lao động Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024

Phạm Hoài Nam

31. Việt Nam phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đón đầu thị trường chip bán dẫn thế giới

Thu Hoàng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

33. Sự phát triển và các vấn đề nảy sinh trong nền kinh tế Gig

ThS. Nguyễn Quỳnh Anh

39. Đánh giá khả năng sinh lời vốn kinh doanh của các doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

ThS. Trần Thu Hằng

QUỐC TẾ

43. Triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2024 lạc quan hơn so với các dự báo đưa ra trước đó

BẮC KẠN: CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

45. Nỗ lực phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn

Phan Văn Lùng

47. Bắc Kạn: Phát huy hiệu quả Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Trịnh Long

48. Ngành Y tế Bắc Kạn: Nỗ lực với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân

Thành Nam

49. Huyện Pác Nặm: 20 năm xây dựng và phát triển

Minh Châu

51. Huyện Ba Bể: Khai thác tiềm năng phát triển du lịch

Đoàn Châu

52. Trường Cao đẳng Bắc Kạn - Trung tâm đào tạo nghề nghiệp chất lượng cao

Bế Ngọc Tuấn

Giá: 27.000 đ

TỔ CHỨC LỄ RA QUÂN CẤP TRUNG ƯƠNG

ĐIỀU TRA, THU THẬP THÔNG TIN VỀ THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA 53 DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM 2024 TẠI HÒA BÌNH



Sáng ngày 01/7/2024, tại tỉnh Hòa Bình, Tổng cục Thống kê phối hợp với Ủy ban Dân tộc tổ chức Lễ ra quân cấp Trung ương Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024.

Tham dự Lễ ra quân, về phía Ủy ban Dân tộc có Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hầu A Lềnh; về phía Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Thứ trưởng Trần Quốc Phương, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương; về phía tỉnh Hòa Bình có Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hòa Bình Nguyễn Phi Long, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình Đinh Công Sứ; về phía tổ chức quốc tế có Trưởng Đại diện Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc tại Việt Nam Matt Jackson; đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc TCTK, lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo Cục Thống kê, các giám sát viên, tổ trưởng, điều tra viên thống kê tỉnh Hòa Bình.

Phát biểu tại Lễ ra quân, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hầu A Lềnh nhấn mạnh tầm quan trọng của cuộc điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 (Điều tra 53 DTTS 2024). Qua Điều tra sẽ đưa ra các số liệu, chứng cứ tin cậy để giúp các cơ quan Trung ương cũng như các địa phương vùng dân tộc thiểu số có được những đánh giá chính xác về kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đến năm 2024 và dự kiến đến năm 2025, đánh giá 5 năm

triển khai Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030; kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia cũng như kết quả thực hiện công tác dân tộc giai đoạn 2021-2025, chuẩn bị xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia, kế hoạch phát triển giai đoạn tiếp theo 2026-2030; làm cơ sở để các cấp ủy, tổ chức đảng chuẩn bị báo cáo và các văn kiện phục vụ Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hầu A Lềnh cho biết, giai đoạn thu thập thông tin tại địa bàn rất quan trọng. Việc thu thập được thông tin phản ánh đầy đủ, chính xác thực trạng dân số và nhà ở sẽ giúp cho Đảng, Nhà nước xây dựng được những kế hoạch, chiến lược đúng đắn, xây dựng nền tảng cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước và vùng dân tộc thiểu số. Do đó Bộ trưởng mong muốn cuộc Điều tra lần này sẽ tiếp tục



HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

đưa ra những thông tin, dữ liệu chất lượng để Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các ban, bộ, ngành, địa phương xây dựng, hoạch định chiến lược, chính sách dân tộc trong thời gian tới; từng bước khắc phục, giải quyết những khó khăn; đồng thời phát huy mạnh mẽ hơn nữa tiềm năng, thế mạnh của cộng đồng các dân tộc thiểu số và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; tăng cường củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng vững chắc.

Phát biểu tại buổi lễ, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương khẳng định, việc tổ chức thành công Lễ ra quân Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 tại Hòa Bình có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tuyên truyền để các hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh hiểu được mục đích, ý nghĩa của cuộc Điều tra, từ đó tích cực phối hợp với các điều tra viên thống kê để cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời. Đồng thời, Lễ ra quân còn giúp các cấp lãnh đạo và toàn hệ thống chính trị trong Tỉnh hiểu được tầm quan trọng của cuộc Điều tra, qua đó chỉ đạo thực hiện tốt tại địa phương.

Để triển khai thu thập thông tin một cách hiệu quả, góp phần thực hiện thành công cuộc Điều tra, Thứ trưởng Trần Quốc Phương đề nghị: TCTK chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng của UBĐT triển khai cuộc Điều tra theo đúng phương án và tiến độ, trong đó cần lưu ý 3 điểm: (1) Quán triệt đầy đủ tầm quan trọng và ý nghĩa của cuộc điều tra để nâng cao trách nhiệm của công chức từ cơ quan Tổng cục Thống kê đến các Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê cấp huyện trong cả nước.



Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hữu A Lênh phát biểu chỉ đạo tại Lễ ra quân

Phân công trách nhiệm rõ ràng và xây dựng kế hoạch công tác cụ thể trong tập thể Lãnh đạo Tổng cục cũng như lãnh đạo các Cục Thống kê, lãnh đạo các phòng nghiệp vụ liên quan của Cục Thống kê và Chi cục Thống kê trong quá trình tổ chức thu thập thông tin. (2) Tổ chức tốt việc giám sát công tác thu thập thông tin tại địa bàn và việc thực thi nhiệm vụ của lực lượng tham gia điều tra, đảm bảo mục tiêu thu thập thông tin đúng, đủ, đảm bảo chất lượng và tiến độ theo quy định tại Phương án điều tra. Trong quá trình tổ chức điều tra, cần nắm bắt những vướng mắc, khó khăn phát sinh từ cơ sở để xem xét và chỉ đạo xử lý, trường hợp cần thiết có thể ban hành Thông báo nghiệp vụ để thống nhất chung trên toàn quốc. (3) Chỉ đạo các Cục Thống kê cấp tỉnh nói chung và Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình nói riêng phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các cơ quan liên quan và báo, đài tại địa phương đẩy mạnh tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc Điều tra, đặc biệt là trên các kênh phát thanh,

truyền hình dành cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Đối với UBND các xã, phường, thị trấn có địa bàn điều tra, tích cực tuyên truyền về Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 trên hệ thống loa truyền thanh xã, phường, thị trấn bằng các thứ tiếng dân tộc phù hợp với mỗi địa bàn điều tra và kết hợp các hình thức tuyên truyền khác theo hướng dẫn; đôn đốc điều tra viên, tổ trưởng thực hiện tốt công tác thu thập thông tin tại địa bàn đảm bảo tiến độ, chất lượng. Ngoài ra, đề nghị các UBND xã, phường, thị trấn cử đại diện am hiểu thông tin về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương phối hợp cung cấp thông tin Phiếu xã cho điều tra viên theo quy định.

Đối với Tổ trưởng và điều tra viên, nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ được giao, chấp hành những quy định trong Quy trình thu thập thông tin nhằm bảo đảm chất lượng cũng như tiến độ cuộc Điều tra.

Phát biểu hưởng ứng, đồng chí Đinh Công Sứ, Phó Chủ tịch UBND

tỉnh Hòa Bình nhấn mạnh: Với đặc điểm của tỉnh miền núi, đồng bào DTTS chiếm trên 73% dân số của tỉnh, hạ tầng kinh tế - xã hội (KT-XH), thu nhập và đời sống của số đông đồng bào còn gặp nhiều khó khăn thì việc thu thập số liệu thống kê về thực trạng dân số, nhà ở, hôn nhân, y tế, giáo dục, điều kiện sống... vùng DTTS và đồng bào DTTS là hết sức cần thiết, phục vụ đắc lực cho đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các chương trình, dự án phát triển KT-XH cho các vùng DTTS giai đoạn 2021-2025; xây dựng, hoạch định chính sách phát triển giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn tiếp theo.

Cũng tại Lễ ra quân, ông Matt Jackson, Trưởng đại diện Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) tại Việt Nam cho biết: "UNFPA luôn kêu gọi các quốc gia trên toàn thế giới ưu tiên đầu tư vào cải thiện hệ thống dữ liệu dân số, đảm bảo an toàn cho mọi người khi thu thập dữ liệu và đặc biệt làm sao để các cộng đồng bị thiệt thòi được đại diện tham gia. Chỉ khi nào họ được đưa vào hệ thống dữ liệu một cách trung thực với tất cả sự đa dạng của mình, chúng ta mới có thể



Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương phát biểu tại Lễ ra quân

đẩy lùi định kiến và bất bình đẳng, tạo dựng một tương lai kiên cường, hòa bình và thịnh vượng hơn cho tất cả mọi người".

Tại Lễ ra quân, thay mặt cho các điều tra viên (ĐTIV) tỉnh Hòa Bình, bà Phạm Thị Trang, điều tra viên địa bàn xóm Mạ, xã Tú Lý, huyện Đà Bắc khẳng định sẽ tuyệt đối chấp hành sự phân công của các đồng chí Tổ trưởng, giám sát viên huyện, khắc phục các khó khăn để thu thập thông tin đầy đủ

theo phương án quy định, đến tận hộ dân để phỏng vấn ghi phiếu điều tra, kết hợp quan sát tình hình hộ dân cư và phỏng vấn kỹ lưỡng các câu hỏi theo đúng trình tự bảng hỏi, hoàn thành 100% các địa bàn được phân công đúng thời gian quy định.

Ông Triệu Phúc Xuân, Người có uy tín tại xóm Mạ, xã Tú Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình cũng cam kết, với uy tín của mình sẽ tuyên truyền, vận động Nhân dân và các hộ được chọn mẫu điều tra cung cấp thông tin nhiệt tình, chính xác và đầy đủ để cuộc điều tra thành công tốt đẹp.

Kết thúc Lễ ra quân, đoàn công tác của TCTK và UBĐT đã cùng điều tra viên tới một số hộ dân cư để trực tiếp giám sát công tác điều tra, thu thập thông tin tại địa bàn.

Cùng ngày, nhiều địa phương trên cả nước cũng đồng loạt ra quân tiến hành điều tra thu thập thông tin Điều tra 53 DTTS 2024. Theo kế hoạch, cuộc điều tra bắt đầu từ 01/7/2024, kết thúc vào ngày 15/8/2024 và kết quả chính thức sẽ được công bố trong năm 2025./.

Thu Hoàng



Đoàn công tác của TCTK và UBĐT giám sát thực hiện điều tra, thu thập thông tin tại hộ

TỔNG CỤC THỐNG KÊ SẴN SÀNG THỰC HIỆN THÀNH CÔNG ĐIỀU TRA, THU THẬP THÔNG TIN VỀ THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA 53 DÂN TỘC THIỂU SỐ

Nguyễn Trung Tiến

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê



Bắt đầu từ ngày 01/7/2024, Tổng cục Thống kê phối hợp với Ủy ban Dân tộc triển khai thu thập thông tin điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số trên phạm vi cả nước. Kết quả của cuộc điều tra là căn cứ quan trọng để xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030. Hiện tại công tác chuẩn bị cho cuộc điều tra đã hoàn tất, sẵn sàng cho thực hiện thu thập thông tin tại địa bàn.

Điều tra 53 dân tộc thiểu số có ý nghĩa quan trọng với công tác dân tộc

Ngày 05 tháng 01 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số (sau đây viết gọn là Điều tra 53 DTTS). Tổng cục Thống kê phối hợp với Ủy ban Dân tộc đã thực hiện 2 cuộc Điều tra vào năm 2015 và năm 2019. Năm 2024, Tổng cục Thống kê tiếp tục thực hiện cuộc Điều tra lần thứ Ba. Theo đó, ngày 14 tháng 7 năm 2023, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) ký Quyết định số 628/QĐ-TCTK Ban hành Phương án Điều tra 53 DTTS năm 2024.

Điều tra 53 DTTS năm 2024 có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm thu thập thông tin về dân số, nhà ở, hôn nhân, y tế, giáo dục, điều kiện sống... để biên soạn các chỉ tiêu

thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Hệ thống chỉ tiêu thống kê về công tác dân tộc phục vụ xây dựng và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho các vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2030; làm cơ sở cập nhật hệ thống thông tin, dữ liệu thống kê về dân tộc thiểu số tại Việt Nam.

Cuộc Điều tra thực hiện thu thập thông tin tại địa bàn từ ngày 01/7 đến 15/8/2024 tại 54 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gồm 51 tỉnh có xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và 3 tỉnh, thành phố có các xã/phường/thị trấn có nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống là Thành phố Hồ Chí Minh, Long An và Hà Tĩnh).

Điều tra sử dụng phương pháp thu thập thông tin trực tiếp. Các điều tra viên sẽ đến từng hộ để thu thập các thông tin về:

Nhân khẩu học của dân số; Giáo dục; Di cư; Hôn nhân; Sử dụng bảo hiểm y tế; Việc làm; Lịch sử sinh và tình hình sử dụng biện pháp tránh thai của nữ từ 10-49 tuổi và các thông tin về người chết; Nhà ở và điều kiện sinh hoạt; Đất ở, đất sản xuất; Một số loại gia súc chủ yếu; Tình hình tiếp cận dịch vụ công cộng của hộ.

Bên cạnh đó, nội dung điều tra đối với UBND xã gồm các thông tin về: Đặc điểm của xã; Sử dụng điện, đường, giao thông; Trường học và trình độ giáo viên; Nhà văn hóa; Y tế và vệ sinh môi trường; Chợ và cụm/khu công nghiệp; Trình độ của cán bộ, công chức cấp xã; Tôn giáo, tín ngưỡng; Mức độ phủ sóng điện thoại và internet.

Tiêu chí xác định địa bàn điều tra 53 DTTS năm 2024 đã thay đổi so với trước đây. Theo đó, địa bàn điều tra được quy định là địa bàn có số lượng người dân tộc thiểu số đang sinh sống chiếm từ 15%

trở lên so với tổng số dân của địa bàn, thay vì 30% như các cuộc điều tra trước. Với sự đổi mới trên, tổng số huyện được chọn mẫu điều tra đã tăng lên từ 437 huyện năm 2019 (theo danh mục hành chính tại thời điểm Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019) lên 472 huyện, trong đó nhiều huyện có toàn bộ địa bàn được chọn mẫu điều tra. Tổng số địa bàn điều tra được chọn mẫu tăng từ 14.660 địa bàn điều tra năm 2019 lên 14.928 địa bàn điều tra năm 2024.

Công tác chuẩn bị cho Điều tra được thực hiện bài bản

Nhằm thực hiện thành công Điều tra 53 DTTS năm 2024, công tác chuẩn bị được Tổng cục Thống kê thực hiện bài bản, kịp thời. Từ đầu năm 2023, Tổng cục Thống kê đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Dân tộc trong công tác chuẩn bị, từ xác định nội dung điều tra, thiết kế mẫu phiếu điều tra và mẫu tổng hợp kết quả điều tra, xây dựng các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, rà soát và cập nhật địa bàn điều tra, chuẩn bị cho công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát... Đặc biệt, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cuộc Điều tra, Tổng cục Thống kê đã và đang tích cực xây dựng và hoàn thiện các chương trình phần mềm ứng dụng (gồm: Chương trình thu thập thông tin, Chương trình khai thác, công bố kết quả; Chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số), giúp tăng cường quản lý điều tra, rút ngắn thời gian tổng hợp, rà soát số liệu với độ chính xác cao hơn để có thể công bố kết quả điều tra sớm nhất trong năm 2025.

Đây là cuộc điều tra về thực trạng kinh tế - xã hội của các dân tộc thiểu số nên địa bàn điều tra chủ yếu nằm ở khu vực vùng sâu, vùng xa, dân cư phân tán, rất khó khăn cho tổ chức điều tra thống kê,

từ công tác tiếp cận địa bàn, lập bảng kê hộ dân tộc thiểu số đến khâu thu thập thông tin và tổ chức giám sát điều tra. Thời gian thu thập thông tin kéo dài trong 45 ngày, do đó công tác tập huấn, tuyển chọn điều tra viên được các địa phương thực hiện kỹ lưỡng.

Đầu tháng 5/2024, Tổng cục Thống kê tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng chủ chốt tham gia thực hiện cuộc điều tra gồm: công chức của cơ quan Tổng cục Thống kê và Ủy ban Dân tộc, công chức của các Cục Thống kê và Ban Dân tộc của 54 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hội nghị tập huấn cấp trung ương nhằm hoàn thiện phương án điều tra và tổ chức thực hiện theo đúng phương án được ban hành. Hội nghị tập trung nhấn mạnh vào những điểm mới, những nội dung cần chú trọng của phương án điều tra, những lưu ý quan trọng trong các câu hỏi, những sai sót mà các điều tra viên thường mắc phải và hướng dẫn thực hành phần mềm tác nghiệp điều tra trên máy tính và thiết bị di động để bảo đảm thông tin thu được có chất lượng tốt nhất. Bên cạnh đó, những bài tập tình huống cụ thể, những trường hợp đặc biệt cần lưu ý đã được các giảng viên đưa ra làm ví dụ minh họa và thống nhất xử lý tại 54 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau hội nghị tập huấn cấp Trung ương, Cục Thống kê các tỉnh, thành phố tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ cấp tỉnh, cấp huyện cho các điều tra viên, giám sát viên để có các kỹ năng tốt nhất trong thực hiện điều tra.

Điều tra viên là lực lượng trực tiếp tiếp cận các hộ dân tộc thiểu số, cán bộ UBND xã để thu thập thông tin. Kết quả thu thập thông tin đầu vào của điều tra viên là yếu tố quan trọng quyết định

sự chính xác của kết quả cuộc điều tra. Do đó, các Cục Thống kê tỉnh, thành phố đã lựa chọn những người có tinh thần trách nhiệm cao, nắm bắt tốt nghiệp vụ điều tra, sử dụng thành thạo máy tính bảng, điện thoại để thực hiện phiếu điều tra điện tử (CAPI). Đặc biệt các điều tra viên được lựa chọn là những người am hiểu văn hóa của người dân tộc thiểu số và địa bàn được phân công thực hiện điều tra.

Nhằm đảm bảo chất lượng cuộc điều tra, Tổng cục Thống kê rất quan tâm đến công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát ở tất cả các khâu của cuộc điều tra ngay từ ngày đầu tiên của cuộc điều tra (1/7/2024), nhất là công tác kiểm tra, giám sát quá trình thu thập thông tin tại địa bàn. Việc kiểm tra, giám sát thực hiện phiếu điều tra được thực hiện kết hợp đồng thời cả hai hình thức trực tiếp tại địa bàn điều tra và trực tuyến trên hệ thống trang web điều hành để kịp thời xử lý những sai sót, lỗi phát sinh nếu có. Tổng cục Thống kê đã phối hợp với Ủy ban Dân tộc xây dựng kế hoạch của các đoàn giám sát Trung ương nhằm nắm bắt tình hình, chỉ đạo kịp thời đến các địa bàn điều tra.

Công tác tuyên truyền được quan tâm, chú trọng trong tổ chức thực hiện Điều tra 53 DTTS năm 2024. Để đồng bào DTTS hiểu rõ mục đích, ý nghĩa cuộc điều tra cũng như thực hiện tốt nghĩa vụ cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin cho điều tra viên, Tổng cục Thống kê đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng tại Trung ương và địa phương. Nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú đã được triển khai như: Phát sóng trailer, thực hiện các phóng sự,

tin, bài viết trên các đài phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương, báo viết, báo điện tử; Phát thanh chương trình hỏi đáp về cuộc điều tra trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở (cấp xã, thôn/ấp/bản). Tùy từng địa bàn các hình thức cổ động được vận dụng phù hợp như: Dụng cụ gõ, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu tại các nơi công cộng như trụ sở làm việc, trung tâm văn hóa...

Hiện cả nước có gần 29.000 già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số. Đây là lực lượng tạo chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cộng đồng người dân tộc bởi họ không chỉ là những người nắm vững tâm tư, tình cảm, nguyện vọng chính đáng của người dân mà còn luôn đi đầu trong công tác vận động, tuyên truyền đồng bào triển khai thực hiện các văn bản pháp luật, duy trì nếp sống văn hóa. Do đó, Tổng cục Thống kê đã chuẩn bị thư ngỏ bằng tiếng Kinh và được dịch sang 3 thứ tiếng dân tộc (Bana, Ê đê và Giarai) để gửi đến các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số để nghị sự quan tâm, hỗ trợ công tác tuyên truyền, động viên đồng bào dân tộc hợp tác cung cấp thông tin cho điều tra viên.

Điều tra 53 DTTS là một trong những cuộc điều tra quan trọng của ngành Thống kê năm 2024 và nhận được sự quan tâm rất lớn của Lãnh đạo các địa phương. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố đã ban hành công văn chỉ đạo Ban Dân tộc, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, ban, ngành phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê tỉnh thực hiện nghiêm túc Điều tra 53 DTTS năm 2024 trên địa bàn. Đồng thời chỉ đạo Ban dân tộc tỉnh xây dựng kế hoạch tiếp nhận, quản lý, khai thác và sử dụng kết quả Cuộc điều tra trên địa bàn tỉnh; xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra và các báo cáo phân tích sâu theo chuyên đề phục vụ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và xây dựng báo cáo phục vụ đại hội đảng các cấp của địa phương.

Đến thời điểm này, mọi công tác chuẩn bị cho Điều tra 53 DTTS năm 2024 đã hoàn tất, sẵn sàng cho Lễ ra quân vào sáng ngày 01/7 sắp tới. Với sự quan tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị, công tác chuẩn bị bài bản, kỹ lưỡng, công tác tuyên truyền sâu rộng, công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ, đồng bộ... cuộc Điều tra 53 DTTS năm 2024 sẽ được thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

Kết quả cuộc điều tra được xử lý kịp thời, đảm bảo độ tin cậy, chính xác là căn cứ quan trọng để Đảng và Nhà nước xây dựng và ban hành chính sách phù hợp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026-2030 nhanh, bền vững, để "không ai bị bỏ lại phía sau".

PV: Thứ trưởng đánh giá tổng quan về tình hình đời sống kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số thời gian qua?

TT-PCN Nông Thị Hà: Kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2019 cho thấy tình hình KT-XH vùng DTTS&MN còn nhiều khó khăn, là vùng 05 "Nhất": Cơ sở hạ tầng khó khăn nhất; Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao nhất, giảm nghèo thiếu bền vững; Khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thấp nhất; Chất lượng nguồn nhân lực thấp nhất; Quốc phòng, an ninh tiềm ẩn nhiều nguy cơ nhất.

Chính vì vậy, để giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 Quốc hội đã phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Triển khai Nghị quyết 88/2019/QH14, Ủy ban Dân tộc đã tham mưu xây dựng và trình Quốc hội, Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Theo đánh giá sơ bộ của các địa phương, đến nay tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt được một số kết quả tích cực: Cơ sở vật chất được đầu tư, nâng cấp, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo và nâng cao thu nhập và đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đã có 25/52 tỉnh, thành phố đạt chỉ tiêu Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%; 5/52 tỉnh, thành phố đạt mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020; 31/52 tỉnh, thành phố đạt 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 38/52 tỉnh, thành phố đạt trên 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 18/52 tỉnh, thành phố đạt 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 27/52 tỉnh, thành phố đạt và vượt 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 29/52 tỉnh, thành phố đạt và vượt 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 25/52 tỉnh, thành phố đạt 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM UBĐT NÔNG THỊ HÀ: KẾT QUẢ ĐIỀU TRA 53 DTTS NĂM 2024 LÀ CĂN CỨ QUAN TRỌNG XÂY DỰNG, HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ



Sau khi Đề án Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2015, Ủy ban Dân tộc (UBĐT) và Tổng cục Thống kê (TCTK) đã cùng nhau phối hợp thực hiện (các năm 2015, 2019) và đưa ra một bộ số liệu đầy đủ toàn diện, có độ tin cậy để làm căn cứ đánh giá kết quả và xây dựng, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 2024 là lần thứ ba UBĐT và TCTK tiếp tục phối hợp thực hiện Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số. Nhân dịp này, phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện đã có bài phỏng vấn Thứ trưởng, Phó chủ nhiệm (TT-PCN) UBĐT Nông Thị Hà.

Tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc tại các địa phương cơ bản đã được giải quyết. 16/52 tỉnh, thành phố hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định trên 90% số hộ di cư không theo quy hoạch; 14/52 tỉnh, thành phố Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí trên 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở...

Các vấn đề về giáo dục, y tế, an sinh xã hội của đồng bào dân tộc đã và đang ngày càng nâng cao: 36/52 tỉnh, thành phố đạt Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%; 36/52 tỉnh, thành phố đạt Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%; 32/52 tỉnh, thành phố đạt Tỷ lệ học trung học cơ sở trên 95%; 32/52 tỉnh, thành phố đạt Tỷ lệ học trung học phổ thông trên 60%; 33/52 tỉnh, thành phố đạt Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông

trên 90%; 16/52 tỉnh, thành phố đạt và vượt tỷ lệ 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; 34/52 tỉnh, thành phố đạt và vượt tỷ lệ 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; 25/52 tỉnh, thành phố giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%; 26/52 tỉnh, thành phố đạt và vượt tỷ lệ 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số; 29/52 tỉnh, thành phố đạt và vượt tỷ lệ 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 23/52 tỉnh, thành phố có trên 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

Công tác đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ được chú trọng. Tính đến ngày 31/5/2023, tổng số cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) người DTTS của cả nước

là 260.209/2.147.892 người, chiếm 12%, trong đó: Trung ương là 9.390 người (chiếm 3,7% so với tổng số biên chế); địa phương là 250.819 người (chiếm 13,2%).

Số lượng nữ người DTTS là CBCCVC có 151.788/260.209 người, chiếm 58%, trong đó: Trung ương là 4.596/9.390 người (chiếm 48,9% trên tổng số CBCCVC người DTTS ở TW); địa phương là 147.192/250.891 người (58,68%)

Tổng số CBCCVC trẻ người DTTS (dưới 40 tuổi) là 130.074/260.209 người, chiếm 50%, trong đó: Trung ương là 3.844/9.390 người (chiếm 40,9% tổng số CBCCVC người DTTS ở TW); địa phương là 126.230/250.891 người (50,3%).

Tuy nhiên, để có đánh giá chính xác tình hình đời sống kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số sau 4 năm triển khai Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào

dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 căn dựa vào kết quả Điều tra, Thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024.

PV: Đảng và Nhà nước ta luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho đồng bào dân tộc thiểu số. Thứ trưởng nêu rõ tầm quan trọng, sự cần thiết triển khai Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 đối với việc xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số?

TT-PCN Nông Thị Hà: Như tôi đã đề cập ở trên, Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 đã cung cấp nguồn số liệu tin cậy, khoa học để Ủy ban Dân tộc xây dựng và trình Quốc hội, Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo kế hoạch, cuộc điều tra 53 dân tộc thiểu số kỳ này sẽ được tổ chức vào 01/7/2024. Kết quả của cuộc điều tra sẽ là nguồn dữ liệu quan trọng để đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn I: 2021-2025, chuẩn bị xây dựng chương trình mục tiêu, kế hoạch phát triển giai đoạn 2026-2030.

PV: Năm 2024 là lần thứ ba Tổng cục Thống kê và Ủy ban Dân tộc phối hợp thực hiện

Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số (2 cuộc điều tra trước đó thực hiện vào các năm 2015, 2019). Thứ trưởng cho biết sự phối hợp của hai cơ quan trong thực hiện điều tra lần này như thế nào?

TT-PCN UBĐT Nông Thị Hà: Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê đã tích cực phối hợp ngay từ khi bắt đầu xây dựng đề án Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số. Sau khi đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2015, Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê đã khẩn trương rà soát, xây dựng nội dung điều tra, mẫu phiếu điều tra, xác định phân tổ, xây dựng dàn mẫu để xây dựng phương án điều tra. Cuộc điều tra lần thứ nhất được tiến hành từ ngày 01/8 đến 31/8/2018. Đến ngày 29/9/2016, Ủy ban Dân tộc đã phối hợp với Tổng cục Thống kê tổ chức Công bố kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số lần thứ nhất, năm 2015.

Sau 70 năm lịch sử hình thành, phát triển của hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc từ trung ương đến địa phương, lần đầu tiên cơ quan công tác dân tộc đã có một bộ số liệu đầy đủ, toàn diện, có độ tin cậy để làm căn cứ đánh giá kết quả và xây dựng, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng cũng như chính sách phát triển của cả nước nói chung. Cuộc điều tra năm 2024 này là lần thứ ba hai cơ quan hợp tác tổ chức, bộ phận chuyên môn của hai cơ quan đã phối hợp chặt chẽ trong công tác chuẩn bị. Mỗi nội dung đều được

thảo luận, bàn bạc kỹ từ các khâu rà soát, xác định nội dung điều tra, mẫu phiếu, địa bàn điều tra, mức độ đại diện của số liệu, công tác tổ chức, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát... để có sự thống nhất chung nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

PV: Thứ trưởng kỳ vọng gì về kết quả cuộc Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024?

TT-PCN Nông Thị Hà: Với việc áp dụng chuyển đổi số trong điều tra, tôi hy vọng sẽ rút ngắn thời gian tổng hợp, rà soát số liệu để có thể công bố kết quả điều tra sớm nhất trong năm 2025. Kết quả của cuộc Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 sẽ đưa ra các số liệu, chứng cứ tin cậy để giúp các cơ quan Trung ương và các địa phương vùng dân tộc thiểu số có được những đánh giá chính xác về kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đến năm 2025 và định hướng phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030; cũng như các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026-2030; làm cơ sở để các cấp ủy, tổ chức đảng chuẩn bị báo cáo và các văn kiện phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Trong bối cảnh Việt Nam và các quốc gia trên thế giới đã cam kết thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) với tiêu chí "không để ai bỏ lại phía sau" thì thông tin thống kê về dân tộc thiểu số đóng vai trò quan trọng trong điều hành chính sách của các ngành, các cấp thời gian tới.

PV: Trân trọng cảm ơn Thứ trưởng!

TRƯỞNG ĐẠI DIỆN UNFPA TẠI VIỆT NAM: ĐIỀU TRA THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA 53 DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM 2024 GÓP PHẦN THU HẸP KHOẢNG CÁCH DỮ LIỆU

Thời gian qua, Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) đã và đang hỗ trợ kỹ thuật rất nhiều cho Tổng cục Thống kê (TCTK) trong các lĩnh vực. Năm 2024, UNFPA tiếp tục hỗ trợ TCTK chuẩn bị và thực hiện Điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024, bắt đầu vào tháng Bảy. Phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện đã phỏng vấn ông Matt Jackson, Trưởng đại diện của UNFPA tại Việt Nam.



PV: Chính phủ Việt Nam luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến các nhóm dân số có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Ông bình luận thế nào về chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số của Chính phủ thời gian qua?

Ông Matt Jackson: Thời gian qua, Chính phủ Việt Nam có nhiều chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số và đạt được các thành tích rất đáng ghi nhận. Trong vài thập kỷ qua, Chính phủ đã ưu tiên đầu tư nhằm nâng cao mức sống của các nhóm có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là người dân tộc thiểu số. Chương trình mục tiêu quốc gia của Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 có tổng ngân sách 137.665 tỷ đồng, kết hợp nhiều chính sách nhằm cải thiện nơi cư trú, sản phẩm nông nghiệp, cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, bình đẳng giới, cũng như bảo tồn và phát triển văn hóa cho các nhóm dân tộc thiểu số (DTTS). Ngoài ra, hai Chương trình mục tiêu quốc gia khác về giảm nghèo bền vững và phát triển nông thôn mới

cũng hướng tới người dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Nhờ có cam kết chính sách mạnh mẽ này, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể về phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo cho các nhóm có hoàn cảnh khó khăn, trong đó có người DTTS. Tỷ lệ nghèo ở một số nhóm nghèo thường xuyên, bao gồm người DTTS và các hộ gia đình ở vùng Trung du và Miền núi phía Bắc đã giảm ít nhất một nửa trong giai đoạn 2010 - 2020 (Đánh giá Thực trạng Nghèo và Bình đẳng của Việt Nam năm 2022 - Từ Chặng đường Cuối đến Chặng đường Kế tiếp, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam). Công cuộc giảm nghèo của Việt Nam là một thành tựu đáng kinh ngạc, là câu chuyện thành công nổi tiếng toàn cầu trong cuộc chiến chống đói nghèo.

Các can thiệp của UNFPA tập trung giảm tỷ suất tử vong mẹ ở người dân tộc thiểu số, cung cấp các dịch vụ sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục có chất lượng, trong đó có chăm sóc cấp cứu sản khoa, khuyến khích các hành vi

tích cực liên quan đến sức khỏe nhằm chấm dứt những trường hợp tử vong mẹ khi có thể phòng ngừa được ở các xã dân tộc thiểu số xa xôi ở vùng Trung du, miền núi phía Bắc và ở khu vực Tây Nguyên. UNFPA cũng hỗ trợ thu thập và phân tích dữ liệu chất lượng cao để hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhóm dân cư bị thiệt thòi bao gồm cả người dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, vẫn còn khoảng cách giữa nhóm dân số đa số và nhóm DTTS cần Chính phủ đặc biệt quan tâm. Là một quốc gia đa dân tộc, Việt Nam có tổng cộng 53 DTTS, với dân số ước tính khoảng 14,1 triệu người, chiếm khoảng 14,7% tổng dân số cả nước, gần gấp đôi tổng dân số của nước láng giềng là Lào. So với dân tộc Kinh chiếm đa số, người dân tộc thiểu số thường không đạt được tiến bộ tương tự như ở cấp quốc gia và cũng không được hưởng lợi bình đẳng từ quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Ví dụ: Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc cải thiện sức khỏe

sinh sản và sức khỏe tình dục cho toàn dân trong 20 năm qua. Các bằng chứng hiện có cho thấy, mặc dù tỷ suất tử vong mẹ đã giảm từ 233/100.000 ca sinh sống trong những năm 1990 xuống còn 46/100.000 ca sinh sống vào năm 2019, nhưng tỷ lệ này vẫn cao hơn nhiều ở các nhóm DTTS. Ngoài ra, dữ liệu cũng chỉ ra rằng trong khi 96% trẻ sơ sinh được sinh tại các cơ sở y tế có thiết bị và dịch vụ chăm sóc y tế cơ bản thì con số này đối với trẻ sơ sinh thuộc các dân tộc thiểu số chỉ là 30%. Điều này cho thấy sự chênh lệch lớn trong khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng tại Việt Nam (theo Điều tra các chỉ tiêu SDG về trẻ em và phụ nữ Việt Nam năm 2021, Tổng cục Thống kê).

Một ví dụ khác là tuổi thọ trung bình. Mặc dù đã có những tiến bộ trong chăm sóc sức khỏe và các lĩnh vực khác, giúp tăng tuổi thọ trung bình của dân số cả nước lên 73,6 tuổi, nhưng đối với một số cộng đồng DTTS, con số này vẫn thấp hơn nhiều, chẳng hạn như tuổi thọ trung bình của người Mảng là 61,8 tuổi, người Lự là 61 tuổi và ở người La Hủ, con số này chỉ là 59,4 tuổi (Điều tra 53 dân tộc thiểu số năm 2019, Tổng cục Thống kê).

Đây là những số liệu thống kê hữu ích, nêu bật sự chênh lệch còn tồn tại trong các cộng đồng dân tộc thiểu số và những lĩnh vực cần được quan tâm nhiều hơn, đặc biệt là ở cấp chính sách, để đảm bảo rằng các khoản đầu tư có thể mang lại lợi ích cho những nhóm khó tiếp cận nhất, cũng như những nhóm dễ bị tổn thương nhất. Dữ liệu về tình hình của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số hoặc dữ liệu được phân tách theo dân tộc giúp các nhà hoạch định chính sách chắc chắn rằng chính sách có hiệu quả đối với những người dân tộc

thiểu số và bị thiệt thòi, có nguy cơ bị bỏ lại phía sau cao.

PV: UNFPA đã và đang hỗ trợ kỹ thuật rất nhiều cho Tổng cục Thống kê (TCTK) trong các lĩnh vực. UNFPA cũng hỗ trợ TCTK chuẩn bị và thực hiện Điều tra thực trạng kinh tế - xã hội (KT-XH) của 53 dân tộc thiểu số năm 2024, bắt đầu vào tháng Bảy. Ông vui lòng chia sẻ chi tiết những công tác hỗ trợ này?

Ông Matt Jackson: Điều tra thực trạng KT-XH của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách dữ liệu, đặc biệt là liên quan đến biến đổi nhân khẩu học, khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản, việc làm và mức sống. Tất cả những khía cạnh này đều đóng vai trò quan trọng trong việc theo dõi tiến độ của các chính sách mà Chính phủ đưa ra nhằm hướng tới người dân tộc thiểu số trong giai đoạn 2021 - 2025, giúp cải thiện các chỉ số quốc gia về dân tộc thiểu số và quan trọng là cung cấp thông tin cho các quyết định chính sách và hành động trong giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu giảm bớt chênh lệch giữa người Kinh và người DTTS ở Việt Nam.

Với kinh nghiệm tích lũy được từ lần hỗ trợ thực hiện Điều tra thực trạng KT-XH của 53 dân tộc thiểu số năm 2019, UNFPA cam kết tiếp tục hỗ trợ cho Điều tra thực trạng KT-XH của 53 dân tộc thiểu số năm 2024. Chúng tôi đã hợp tác cùng TCTK và Ủy ban Dân tộc (UBDT) nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực cho các điều tra viên, tập trung vào việc nâng cao kiến thức và kỹ năng để họ tiến hành phỏng vấn người dân tộc thiểu số theo cách phù hợp về mặt văn hóa. Bên cạnh đó, chúng tôi sẽ tiếp tục hỗ trợ giám sát việc thu thập dữ liệu, thực hiện phân tích dữ liệu và tạo điều kiện cho các bộ, cơ quan

chính phủ và các bên liên quan khác sử dụng dữ liệu rộng rãi hơn.

PV: Theo Ông, nên làm gì để đảm bảo thực hiện thành công Điều tra về thực trạng KT-XH của 53 dân tộc thiểu số?

Ông Matt Jackson: Nhiều bên liên quan có kỳ vọng cao về việc sử dụng dữ liệu từ Điều tra thực trạng KT-XH của 53 dân tộc thiểu số năm 2024. Do cuộc điều tra sẽ được thực hiện với nhiều nhóm dân tộc thiểu số nên điều cần làm là trang bị cho các điều tra viên địa phương những kỹ năng cần thiết để dẫn dắt các cuộc phỏng vấn một cách tinh tế và phù hợp về mặt văn hóa. Ngoài ra, để giải quyết các rào cản tiềm ẩn về ngôn ngữ, cần hỗ trợ dịch thuật đầy đủ trong toàn bộ quá trình điều tra.

Bên cạnh đó, các thiết bị CNTT như điện thoại thông minh, máy tính bảng hoặc thiết bị tương tự sẽ được dùng cho việc điền bảng câu hỏi. Đổi mới này giúp tăng tốc độ phân tích dữ liệu, đồng thời hạn chế sai sót của con người. Cuộc điều tra chủ yếu được thực hiện ở những khu vực có thể gặp khó khăn trong việc truy cập Internet hoặc hiểu biết về CNTT có thể gặp khó khăn, do đó cần xem xét các phương án thay thế để giải quyết những thách thức tiềm ẩn này.

Dữ liệu thu được từ Điều tra thực trạng KT-XH của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 rất quan trọng bởi những dữ liệu này sẽ mang đến các thông tin chi tiết về thách thức trong quá trình phát triển mà người dân tộc thiểu số gặp phải. UNFPA có lợi thế so sánh về mặt thể chế trong lĩnh vực này. Chúng tôi cam kết tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật cho TCTK và UBDT trong việc phân tích dữ liệu và kết nối dữ liệu với nhiều người sử dụng dữ liệu nhằm đảm bảo không một ai ở Việt Nam bị bỏ lại phía sau.

PV: Trân trọng cảm ơn Ông!



LẠNG SƠN HUY ĐỘNG CẢ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TẬP TRUNG TRIỂN KHAI TỐT ĐIỀU TRA, THU THẬP THÔNG TIN THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA 53 DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM 2024

Ngày 01/7/2024, cùng với các địa phương trong cả nước, Lạng Sơn đồng loạt ra quân thu thập thông tin Điều tra 53 dân tộc thiểu số năm 2024. Tạp chí Con số và Sự kiện có bài phỏng vấn Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn Lương Trọng Quỳnh về thực trạng kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và công tác triển khai Điều tra 53 dân tộc thiểu số năm 2024 nói riêng tại địa bàn.



Phóng viên: Phó Chủ tịch cho biết vài nét về thực trạng tình hình kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương?

Phó Chủ tịch Lương Trọng Quỳnh:

Lạng Sơn là tỉnh miền núi biên giới phía Đông Bắc của Tổ quốc, với diện tích 8.310,2 km². Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 10 huyện và 01 thành phố loại II; 200 đơn vị hành chính cấp xã với 1.646 thôn, tổ dân phố. Dân số của Tỉnh năm 2023 là 807,3 nghìn người, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, gồm các dân tộc như: Nùng, Tày, Dao, Sán Chay, Hoa, Mông... chiếm khoảng 83,91% dân số toàn tỉnh; phần lớn dân số sống ở khu vực nông thôn, miền núi với 76,83%.

Trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền của Tỉnh đã quan tâm thực hiện công tác dân tộc, ưu tiên chăm lo cả vật chất lẫn tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời tạo mọi điều kiện để đồng bào phát triển kinh tế,

ổn định cuộc sống. Nhiều chương trình, dự án, chính sách dân tộc được triển khai hiệu quả, trong đó các Chương trình mục tiêu quốc gia (Giảm nghèo bền vững; Xây dựng nông thôn mới và Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) được tập trung tổ chức thực hiện, phát huy hiệu quả, tạo sự chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Năm 2023, kinh tế của tỉnh Lạng Sơn phát triển khá toàn diện, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 7% so với năm 2022, trong đó: Nông, lâm nghiệp tăng 6,55%; Công nghiệp - xây dựng tăng 8,18%; Dịch vụ tăng 6,77%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. GRDP bình quân đầu người đạt 59,8 triệu đồng/người/năm.

Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 96,1%; tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 80,5%; tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng

nước hợp vệ sinh đạt 98%; tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch đạt 99,9%; 100% xã có điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 98,31%, đã có 285 trường học đạt chuẩn quốc gia.

Công tác xây dựng nông thôn mới cũng đạt những kết quả tích cực. Đến nay, toàn Tỉnh có 98 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 24 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, số tiêu chí bình quân đạt 14,08 tiêu chí/xã. Toàn tỉnh còn 12.397 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 6,02%, giảm 2,9% so với năm 2022; có 18.438 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 8,96%; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số là 95% trên tổng số hộ nghèo, giảm 0,23% so với năm 2022; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số trên tổng số hộ dân tộc thiểu số là 7,05%, giảm 3,37% so với năm 2022.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân luôn được Tỉnh quan tâm và đạt kết quả đáng ghi nhận. Toàn tỉnh Lạng Sơn hiện có 33,3 giường bệnh/vạn dân; 11,3 bác sĩ/vạn dân; tỷ lệ chất thải y tế

được xử lý đạt 100%; 100% người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế; 100% xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Ngoài yếu tố khó khăn đặc thù của tỉnh biên giới như quy mô kinh tế nhỏ, vốn đầu tư ít, trình độ dân trí không đồng đều; địa hình miền núi bị chia cắt phức tạp, khó thu hút đầu tư các nhà đầu tư lớn, thì kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy đã được quan tâm đầu tư xây dựng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, nhất là ở các địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng cao, biên giới; tỷ lệ hộ nghèo là dân tộc thiểu số còn cao (chiếm 95% tổng số hộ nghèo), kết quả giảm nghèo chưa bền vững; quy mô sản xuất, canh tác của đồng bào còn nhỏ lẻ, chưa hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; chất lượng giáo dục và đào tạo ở một số nơi, đặc biệt là những vùng khó khăn chưa được cải thiện nhiều; cơ sở vật chất, hạ tầng giáo dục được đầu tư nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu; tệ nạn xã hội, an ninh, trật tự vùng biên giới còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp.

Trước tình hình đó, tỉnh Lạng Sơn đã và đang tập trung chỉ đạo tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, nhất là tại các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới. Chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện lồng ghép các nguồn vốn Trung ương, các Chương trình mục tiêu quốc gia kết hợp với ngân sách địa phương. Đồng thời triển khai các chương trình, chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập của người dân.

Nhờ đó, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào từng bước được nâng lên, diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc, đổi mới. Nhiều nét văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp được giữ gìn và phát huy. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững.

Phóng viên: Từ ngày 01/7/2024, Tổng cục Thống kê tiến hành Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024. Cuộc điều tra này có ý nghĩa như thế nào đối với việc xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số của địa phương trong giai đoạn tới, thưa Phó Chủ tịch?

Phó Chủ tịch Lương Trọng Quỳnh:

Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 nhằm mục đích cung cấp toàn diện thông tin về dân số và phân bố dân cư, tiếp cận cơ sở hạ tầng, kinh tế, tình trạng nghèo đói, an sinh xã hội, văn hóa, giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; y tế, vệ sinh môi trường nông thôn; cán bộ đảng viên; di cư tự do; tôn giáo, tín ngưỡng; an ninh nông thôn vùng dân tộc thiểu số. Đây sẽ là cơ sở căn bản hình thành hệ thống thông tin, số liệu thống kê, phản ánh thực trạng của 53 dân tộc thiểu số, phục vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc; điều hành, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Cuộc điều tra này không chỉ hướng đến việc đánh giá trình độ phát triển của các dân tộc thiểu số so với mặt bằng chung của cả nước, mà còn đánh giá sự bình đẳng

giữa các dân tộc. Do đó, kết quả cuộc điều tra làm tiền đề để Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lạng Sơn và chính quyền các cấp xây dựng chính sách dân tộc, góp phần khuyến khích, hỗ trợ để đồng bào dân tộc phát huy nội lực, giảm bớt sự chênh lệch giữa trình độ phát triển của các dân tộc.

Cuộc điều tra sẽ đưa ra các số liệu, thông tin tin cậy giúp không chỉ các cơ quan Trung ương mà còn giúp các địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và tỉnh Lạng Sơn nói riêng có được đánh giá chính xác về kết quả thực hiện các chính sách dân tộc và xây dựng định hướng chiến lược phát triển đến năm 2030 cũng như các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Phóng viên: Để thực hiện thành công Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024, Phó Chủ tịch có những lưu ý gì trong thực hiện thu thập thông tin tại địa bàn, đặc biệt về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp giữa chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan?

Phó Chủ tịch Lương Trọng Quỳnh:

Để thực hiện hiệu quả cuộc Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn thì sự vào cuộc, quan tâm, phối hợp của các sở, ban, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện cuộc điều tra có vai trò rất quan trọng. Bên cạnh đó, Ban Dân tộc tỉnh Lạng Sơn phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê, các sở, ban, ngành và chính quyền các cấp triển khai các biện pháp nghiệp vụ, áp dụng công nghệ thông tin để thực hiện

tốt phương án điều tra. Bên cạnh việc triển khai nghiêm túc các công đoạn điều tra, cần đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để chính quyền cơ sở và bà con dân tộc thiểu số đồng tình phối hợp chặt chẽ, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác giúp cuộc điều tra đạt kết quả tốt nhất. Trong đó cần tập trung một số công việc chủ yếu sau:

Thứ nhất, giám sát viên từ cấp tỉnh đến huyện, tổ trưởng điều tra và điều tra viên tham dự đầy đủ, nghiêm túc các buổi tập huấn nghiệp vụ điều tra, nghiên cứu kỹ tài liệu, liên hệ tình hình thực tế của địa phương để nắm vững phạm vi trách nhiệm của mình, cụ thể hoá các vấn đề nghiệp vụ, phương pháp điều tra và cách ghi phiếu.

Thứ hai, thực hiện tốt Lễ ra quân và công tác tuyên truyền, giúp người dân hiểu và hợp tác chặt chẽ trong Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, phối hợp của các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân trong công tác tuyên truyền. Công tác tuyên truyền phải thực hiện thường xuyên, liên tục, có tính kế thừa, có trọng tâm, trọng điểm. Nội dung, hình thức tuyên truyền đa dạng, sinh động phù hợp với ngôn ngữ, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương, đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

Thứ ba, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các khâu trong quá trình điều tra, từ khâu rà soát địa bàn, cập nhật bảng kê hộ điều tra đến suốt quá trình thu thập thông tin tại địa bàn nhằm bảo đảm thu thập thông tin, số liệu đạt hiệu quả; bảo đảm điều tra viên đến đúng hộ, đúng đối tượng điều tra thu thập thông tin theo đúng quy định của Phương án Điều tra, không để xảy ra tình trạng điều tra trùng hay bỏ sót hộ điều tra.

Phóng viên: Trân trọng cảm ơn Phó Chủ tịch!

P.V

NHỮNG CHẤM PHÁ ĐẬM NÉT TRONG BỨC TRANH KINH TẾ VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Bích Ngọc

Kinh tế Việt Nam năm 2024 đã đi được một nửa chặng đường với nhiều mảng sáng đậm nét, tạo đà tăng trưởng cho các quý tiếp theo. Đây là kết quả của sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của các Bộ, ngành, địa phương.

GDP tăng trưởng tích cực

Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2024 của Tổng cục Thống kê vừa mới công bố, kinh tế Việt Nam quý II năm 2024 tiếp tục khởi sắc sau đà tăng trưởng trong quý I, với tốc độ tăng ước đạt 6,93% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 7,99% của quý II/2022 trong giai đoạn 2020-2024.

Tính chung 6 tháng đầu năm, GDP cả nước tăng 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của 6 tháng đầu năm 2022 trong giai đoạn 2020-2024 và cao hơn mức tăng trưởng mục tiêu cận trên tại Nghị quyết 01 đề ra 5,5%-6% là một dấu hiệu tích cực cho mục tiêu tăng trưởng cả năm 2024. Kết quả này cho thấy hiệu quả của những nỗ lực, sát sao, kịp thời trong điều hành Chính sách của Chính phủ, Nhà nước, Bộ ngành và sự cố gắng, quyết tâm của các địa phương, doanh nghiệp, người dân trên con đường khôi phục và phát triển kinh tế.

Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,38%, đóng góp 5,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%, đóng góp 44,28%; khu vực dịch vụ tăng 6,64%, đóng góp 49,76%.

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,55%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 36,44%; khu vực dịch vụ chiếm 43,35%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,66% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2023 là 11,64%; 36,46%; 43,10%; 8,80%).

Nông nghiệp tiếp tục thể hiện tốt vai trò trụ đỡ của nền kinh tế

Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 tăng 3,15% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,27 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành lâm nghiệp tuy tăng 5,34% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 0,09 điểm phần trăm.

Nhờ chủ động khắc phục khó khăn về thời tiết, xâm nhập mặn, kiểm soát dịch bệnh trên đàn vật nuôi sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm nay duy trì tăng trưởng ổn định. Ngành nông nghiệp tiếp tục thể hiện tốt vai trò trụ đỡ của nền kinh tế, vừa đáp ứng nhu cầu nội địa, đảm bảo an ninh lương thực, vừa đóng góp đáng kể cho hoạt động xuất khẩu.

Sản lượng lúa vụ Đông Xuân 2024 đạt 20,32 triệu tấn, tăng 132,5 nghìn tấn (tăng 0,7%) so vụ đông xuân năm trước. Sản lượng cây ăn quả 6 tháng đầu năm đạt khá như: Xoài đạt 629,4 nghìn tấn, tăng 2,3%; cam đạt 519,4 nghìn tấn, tăng 2,4%; sầu riêng đạt 487,7 nghìn tấn, tăng 20,3%; mít đạt 405,8 nghìn tấn, tăng 4,2%... Ngoài ra, một số cây lâu năm tăng cả sản lượng thu hoạch và giá bán so với cùng kỳ như hồ tiêu, cao su, chè...

Khác với tình trạng trước đây thường là “được mùa, mất giá”, trong 6 tháng đầu năm nay nhiều sản phẩm chủ lực trong nông nghiệp “được cả mùa” và “được cả giá”, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông sản và thu nhập của người sản xuất.

Bên cạnh đó, chăn nuôi phát triển ổn định với sản lượng thịt lợn và gia cầm xuất chuồng tăng khá, dịch bệnh được kiểm soát. Diện tích rừng trồng mới và thu hoạch gỗ tăng cao do hoạt động xuất khẩu gỗ khởi sắc, giá gỗ nguyên liệu tăng. Trong 6 tháng đầu năm 2024, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 128,5 nghìn ha, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác đạt 9.928,4 nghìn m³, tăng 6,3%.

Hoạt động nuôi trồng thủy sản tăng trưởng khá, các địa phương chú trọng đầu tư nuôi thâm canh và bán thâm canh một số thủy sản chủ lực. Tính chung 6 tháng

TỐC ĐỘ TĂNG, GIẢM GIÁ TRỊ TĂNG THÊM NGÀNH CÔNG NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024



đầu năm 2024, sản lượng thủy sản ước đạt 4.384,7 nghìn tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước, Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 2.431,4 nghìn tấn, tăng 4,1%. Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 1.953,3 nghìn tấn, tăng 1,0%.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì đà phục hồi

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp duy trì đà tăng trưởng. Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 tăng 7,54% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 8,32% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2020-2024, đóng góp 2,44 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế.

Ngành công nghiệp chủ lực chế biến, chế tạo vẫn là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng bứt phá 8,67%, đóng góp 2,14 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 13,26%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,13%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm. Riêng ngành khai khoáng giảm 7,22%, làm giảm 0,24 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số sản xuất (IIP) 6 tháng đầu năm 2024 của một số ngành

công nghiệp trọng điểm cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 29,0%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 19,8%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 18,5%; sản xuất thiết bị điện tăng 17,8%...

Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 56 địa phương và giảm ở 7 địa phương trên cả nước. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành xây dựng cũng tăng ấn tượng 7,34% trong 6 tháng đầu năm nay. Đây là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2020-2024, đóng góp 0,48 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Việc đẩy mạnh thực hiện giải ngân vốn đầu tư công cùng với đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài đã có tác động lan tỏa tích cực, thúc đẩy hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng.

Sức khỏe doanh nghiệp tiếp tục phục hồi

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, cả nước có gần 80,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký

là 744,2 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 512 nghìn lao động, tăng 6,1% về số doanh nghiệp, tăng 5,2% về vốn đăng ký và tăng 0,4% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt 9,2 tỷ đồng, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2023.

Bên cạnh đó, cả nước có hơn 39,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2023), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2024 lên gần 119,6 nghìn doanh nghiệp, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2023. Bình quân một tháng có 19,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Theo khu vực kinh tế, 6 tháng đầu năm 2024 có 781 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 2,3% so với cùng kỳ năm trước; 19 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 5,3%; 60,7 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 6,4%.

Cũng trong 6 tháng đầu năm 2024, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 71,4 nghìn doanh nghiệp, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước; gần 28,8 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 7,3%; 10,2 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 15,4%. Bình quân một tháng có gần 18,4 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Xuất khẩu tiếp tục xu hướng tăng mạnh trong bối cảnh thương mại toàn cầu gặp nhiều khó khăn

Với sự quyết liệt của Chính phủ chỉ đạo các Bộ ngành, địa phương và sự quyết tâm của doanh nghiệp

đã tận dụng các cơ hội của các hiệp định thương mại tự do, tăng cường việc xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm của Việt Nam ra thị trường quốc tế, đồng thời khẳng định chất lượng hàng hóa của Việt Nam trên thị trường thế giới, kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa cũng đạt kết quả tích cực.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu ước đạt 368,5 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 190,1 tỷ USD, tăng 14,5%; kim ngạch nhập khẩu đạt 178,45 tỷ USD, tăng 17%, phản ánh tín hiệu tốt hoạt động sản xuất trong nước phục hồi so với năm trước (6 tháng đầu năm 2023 giảm 18%). Nhìn lại có thể thấy kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu 6 tháng đầu năm nay đạt cao so với 6 tháng đầu năm các năm 2020-2024.

Trong tổng số 45 mặt hàng xuất khẩu chính, 6 tháng đầu năm 2024 có đến 38/45 (đạt 84,4%) nhóm hàng tăng so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm đến 91,9% tổng trị giá mặt hàng xuất khẩu. Trong đó, một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, như: Điện tử máy tính và linh kiện tăng 28,6%; Điện thoại các loại và linh kiện 11,3%; Máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng 16,2%. Một số mặt hàng xuất khẩu nông lâm sản có lợi thế của Việt Nam tăng so với cùng kỳ năm 2023, như: Cà phê tăng 34,5%; Thủy sản 4,9%; Rau quả tăng 28,2%; Gạo tăng 32%... cho thấy sự chuyển biến tích cực của nhu cầu tại các nền kinh tế đối tác lớn của Việt Nam.

Trong 6 tháng đầu năm 2024 có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,4% tổng kim ngạch xuất khẩu

(có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 65,6%).

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 54,3 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 67 tỷ USD.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 11,6 tỷ USD, đây là mức xuất siêu khá tích cực và là năm thứ hai đạt giá trị xuất siêu lớn trong giai đoạn (2020-2024).

Lượng khách quốc tế tăng cao

Một trong những điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024 là lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng cao so với cùng kỳ năm trước nhờ chính sách thị thực thuận lợi, chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được các địa phương trên cả nước đẩy mạnh.

6 tháng đầu năm 2024, khách quốc tế đến Việt Nam đạt hơn 8,8 triệu lượt người, tăng 58,4% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19. Từ đó đã tác động lan tỏa tích cực đến các ngành dịch vụ lưu trú; ăn uống; vận tải và dịch vụ du lịch lữ hành, đưa tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3.098,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tổng số 8,8 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam 6 tháng đầu năm nay, khách đến bằng đường hàng không đạt 7,4 triệu lượt người, chiếm 83,8% lượng khách quốc tế đến Việt Nam và tăng 51,6% so với cùng kỳ năm trước; bằng đường bộ đạt gần 1,3 triệu lượt người, chiếm 14,3% và tăng 99,0%; bằng đường biển đạt 164,9 nghìn lượt người, chiếm 1,9% và tăng 199,5%.

Kinh tế vĩ mô ổn định nhờ các yếu tố tích cực

6 tháng đầu năm 2024, mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay duy trì xu hướng giảm, tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; hoạt động kinh doanh bảo hiểm ổn định, thị trường chứng khoán duy trì xu hướng tăng trưởng theo đà phục hồi của nền kinh tế. Tính đến thời điểm 24/6/2024, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 1,50% so với cuối năm 2023; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 4,45%.

Tín dụng tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống và tập trung vào các động lực tăng trưởng kinh tế, đáp ứng xu hướng mới như tín dụng xanh, đồng hành cùng quá trình thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050...

Tỷ giá trung tâm được điều hành linh hoạt, phù hợp, đồng bộ với các công cụ chính sách tiền tệ để ổn định thị trường ngoại tệ, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Lạm phát phù hợp, nằm trong mục tiêu Quốc hội đề ra. Bình quân 6 tháng đầu năm 2024, chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng 4,08% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức lạm phát phù hợp để hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nằm trong mục tiêu Quốc hội đề ra cho năm nay từ 4-4,5%. Để đạt mức mục tiêu 4,5% của cả năm 2024 thì dư địa cho bình quân 6 tháng cuối năm là 4,9% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng cục Thống kê dự báo có một số yếu tố thuận lợi cho việc kiểm chế lạm phát trong thời gian tới. Cụ thể, lạm phát toàn cầu đang tiếp tục xu hướng hạ nhiệt giúp Việt Nam giảm bớt áp lực từ kênh nhập khẩu lạm phát. Các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất 6 tháng

cuối năm góp phần giảm chi phí sản xuất, giảm giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng. Với nguồn lương thực, thực phẩm dồi dào, Việt Nam tránh được rủi ro, thách thức về an ninh lương thực đang có khả năng xảy ra ở nhiều nước trên thế giới. Ngoài ra, với kinh nghiệm điều hành giá, sự chỉ đạo quyết liệt, phản ứng kịp thời của Chính phủ sẽ giúp hạn chế tác động cộng hưởng của việc điều chỉnh giá lên lạm phát, ổn định tâm lý kỳ vọng lạm phát. Do đó, khả năng thực hiện đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát mà Quốc hội đề ra cho năm nay là khả thi.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện đạt mức cao nhất của 6 tháng đầu năm trong 5 năm qua

Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2024 (bao gồm: vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài) đạt gần 15,19 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đăng ký cấp mới có 1.538 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 9,54 tỷ USD, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 46,9% về số vốn đăng ký, tập trung vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, hoạt động kinh doanh bất động sản. Trong số 57 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 4,01 tỷ USD, chiếm 42,1% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Đặc khu hành chính Hồng Kông (Trung Quốc), Trung Quốc, Nhật Bản...

Đáng chú ý là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024 ước

đạt 10,84 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 6 tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 8,6 tỷ USD, chiếm 79,3% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1 tỷ USD, chiếm 9,3%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 418 triệu USD, chiếm 3,9%.

Tình hình lao động việc làm có nhiều điểm tích cực

Cũng theo Tổng cục Thống kê, tính chung 6 tháng đầu năm 2024, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 52,5 triệu người, tăng 196,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Lao động có việc làm là 51,4 triệu người, tăng 195,7 nghìn người so với cùng kỳ năm 2023. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 28%, tăng 1,4 điểm phần trăm, điều này cho thấy chất lượng nguồn lao động đang dần được nâng cao. Thu nhập bình quân của người lao động là 7,5 triệu đồng/tháng, tăng 7,4%, tương ứng tăng 519 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Lao động làm việc trong một số ngành kinh tế ghi nhận tốc độ tăng thu nhập bình quân khá so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; hoạt động kinh doanh bất động sản; khai khoáng...

Đời sống dân cư được cải thiện, giáo dục và đào tạo được quan tâm

Tình hình đời sống dân cư trong 6 tháng đầu năm nay được cải thiện hơn. Theo kết quả sơ bộ Khảo sát Mức sống dân cư 2024, ước tính thu nhập bình quân đầu người

1 tháng trong 6 tháng đầu năm nay ước đạt 5,3 triệu đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được các cấp, ngành thực hiện kịp thời, hiệu quả. Theo báo cáo từ địa phương, trong 6 tháng đầu năm nay (tính đến ngày 19/6/2024), lãnh đạo trung ương và địa phương, các ban, ngành, đoàn thể, các nhà hảo tâm cũng đã tổ chức thăm hỏi, động viên và tặng quà cho nhiều đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 là 11,7 nghìn tỷ đồng; hộ nghèo, hộ cận nghèo là hơn 3 nghìn tỷ đồng; người có công, thân nhân người có công với cách mạng là 16,5 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ đột xuất, bất thường phát sinh tại địa phương là gần 70,1 tỷ đồng. Ngoài ra, bảo hiểm xã hội đã cấp phát hơn 26,2 triệu thẻ BHYT/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí cho các đối tượng thụ hưởng.

Theo thông tin từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong 6 tháng đầu năm nay, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã hỗ trợ cho người dân gần 21,3 nghìn tấn gạo.

Năm 2024 được xác định có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong lộ trình đổi mới giáo dục, chuẩn bị các điều kiện để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với ba khối lớp cuối cùng của hệ thống giáo dục phổ thông gồm khối lớp 5, lớp 9 và lớp 12 từ năm học 2024-2025 đảm bảo chất lượng, tiến độ theo Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội.

Theo số liệu ước tính của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tính đến 20/6/2024, cả nước có gần 15.300 trường mầm non, giảm 0,04% so với năm học 2022-2023, có 365,2 nghìn giáo viên mầm non, tăng 2,8% và 4,85 triệu trẻ em đi học

mầm non, giảm 3,4%. Cả nước có 25.901 trường phổ thông. Tổng số giáo viên phổ thông trực tiếp giảng dạy là 829,9 nghìn thầy cô, tăng 2,7%. Tổng số học sinh phổ thông toàn quốc là 18,4 triệu học sinh, tăng 1,6%.

Vẫn có những mảng tối đan xen

Dù sản xuất công nghiệp tăng khá nhưng kết quả đạt được trên nền sản xuất 6 tháng đầu năm 2023 giảm (6 tháng đầu năm 2023 giảm 1,4% so với cùng kỳ năm trước). So sánh với các năm trước đó thì tốc độ tăng 6 tháng đầu năm nay chỉ cao hơn năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6 tháng đầu năm 2021, 2022, cho thấy ngành công nghiệp chưa thể hoàn toàn phục hồi như trước dịch Covid-19.

Nội lực của nền kinh tế chưa mạnh, các doanh nghiệp sản xuất chế biến, chế tạo tuy tăng trưởng tốt nhưng mức độ bền vững còn hạn chế và chưa đồng đều giữa các ngành; khó khăn trong sản xuất còn tiềm ẩn do cầu trong nước và quốc tế chưa khôi phục hoàn toàn; các doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay để phục vụ sản xuất kinh doanh.

Một số ngành trong ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn gặp khó khăn hoặc dấu hiệu phục hồi chưa thực sự rõ nét, chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất ô tô và xe có động cơ giảm 5,5%; sản xuất mô tô, xe máy giảm 3%; sản xuất xi măng, vôi, thạch cao giảm 2%; sản xuất bia và mạch nha ủ men bia giảm 3,9%.

Tuy sức khỏe doanh nghiệp có sự phục hồi song vẫn còn 71,4 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước; gần 28,8 nghìn doanh nghiệp ngừng

hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 7,3%; 10,2 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 15,4%. Bình quân một tháng có gần 18,4 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Ngoài khó khăn từ môi trường kinh doanh bên ngoài, các doanh nghiệp còn đối mặt với những vấn đề nội tại như quy mô và "tuổi thọ" giảm, năng lực cạnh tranh yếu kém, và khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn và thị trường.

Bên cạnh đó, thị trường lao động cũng bộc lộ những hạn chế. Đó là, vẫn có khoảng hơn 70% lao động chưa qua đào tạo từ sơ cấp trở lên, phản ánh chất lượng cung lao động vẫn còn bất cập, hạn chế, chưa đáp ứng cho cầu lao động của một thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập.

Thị trường lao động chưa có sự cải thiện nhiều về chất lượng lao động khi số lao động phi chính thức làm các công việc bấp bênh, thiếu tính ổn định vẫn chiếm tỷ trọng lớn, khoảng hơn 3/5 tổng số lao động có việc làm của cả nước. Tình hình thất nghiệp 6 tháng đầu năm nay chưa có sự cải thiện khi tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 6 tháng đầu năm 2024 là 2,27%, không đổi so với cùng kỳ năm trước.

Kinh tế Việt Nam năm 2024 đã đi được một nửa chặng đường với nhiều mảng sáng đậm nét đan xen cùng một số mảng tối. 6 tháng cuối năm 2024, kinh tế - xã hội Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế nước ta có độ mở lớn, dễ chịu tác động trước những rủi ro, bất ổn của kinh tế thế giới. Hy vọng, Chính phủ Việt Nam tiếp tục có chính sách điều hành linh hoạt, phù hợp với tình hình mới để đạt mục tiêu tăng trưởng từ 6,0-6,5% của năm 2024./.

BỨC TRANH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 TIẾP TỤC KHỞI SẮC

Nguyễn Thị Mai Hạnh

Vụ trưởng Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia - TCTK

Kinh tế tiếp tục phục hồi, GDP quý II tăng 6,93%

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, kinh tế Việt Nam quý II năm 2024 tiếp tục khởi sắc sau đà tăng trưởng trong quý I. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II năm 2024 tăng 6,93%, trong đó: Khu vực I tăng 3,34%, đóng góp tăng 0,38 điểm phần trăm; Khu vực II tăng 8,29%, đóng góp tăng 3,25 điểm phần trăm; Khu vực III tăng 7,07%, đóng góp tăng 3,48 điểm phần trăm.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, GDP tăng 6,42%, trong đó: Khu vực I tăng 3,38%, đóng góp tăng 0,39 điểm phần trăm; Khu vực II tăng 7,51%, đóng góp tăng 2,92 điểm phần trăm; Khu vực III tăng 6,64%, đóng góp tăng 3,28 điểm phần trăm. Trong đó, Khu vực công nghiệp và xây dựng phục hồi tích cực, đặc biệt là ngành công nghiệp chủ lực chế biến, chế tạo; khu vực nông, lâm, thủy sản và dịch vụ vẫn duy trì ổn định.

Kết quả tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm đạt 6,42%, cao hơn mức tăng trưởng mục tiêu cận trên tại Nghị quyết 01 đề ra 5,5%-6% là một dấu hiệu tích cực cho mục tiêu tăng trưởng cả năm 2024. Kết quả này cho thấy hiệu quả của những nỗ lực, sát sao, kịp thời trong điều hành Chính sách của Chính phủ, Nhà nước, Bộ ngành và sự cố gắng, quyết tâm của các địa phương, doanh nghiệp,

người dân trên con đường khôi phục và phát triển kinh tế.

Về góc độ sản xuất, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm đã chủ động khắc phục khó khăn về thời tiết, xâm nhập mặn, kiểm soát dịch bệnh trên đàn vật nuôi, toàn ngành hướng tới tăng trưởng ổn định. Khu vực này đã thể hiện tốt vai trò trụ đỡ của nền kinh tế, vừa đáp ứng nhu cầu nội địa, đảm bảo an ninh lương thực, vừa đóng góp đáng kể cho hoạt động xuất khẩu.

Đặc biệt trong quý II, các mặt hàng xuất khẩu nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng khá tốt cho thấy sự chuyển biến tích cực của nhu cầu tại các nền kinh tế đối tác lớn của Việt Nam.

Tốc độ tăng quý II và 6 tháng của các ngành trong khu vực I lần lượt như sau: Nông nghiệp tăng 2,91% và 3,15%; ngành lâm nghiệp tăng 6,04% và 5,34%; ngành thủy sản tăng 4,05% và 3,76%.

Khu vực công nghiệp, xây dựng 6 tháng đầu năm có nhiều chuyển biến tích cực, đạt mức tăng trưởng tốt. Đặc biệt trong quý II, sản xuất công nghiệp phục hồi tích cực trên nền tăng trưởng khá thấp của cùng kỳ năm 2023 (0,86%), giá trị tăng thêm đạt 8,55% so với cùng kỳ; trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bứt phá với tốc độ tăng đạt 10,04%; ngành sản xuất và phân phối điện tiếp tục tăng trưởng cao, đạt 14,15%

đảm bảo cung ứng điện cho sản xuất kinh doanh và nhu cầu của người dân; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,83% và riêng ngành khai khoáng tăng trưởng âm 9,06% do chủ trương giảm dần sản lượng khai thác khoáng sản trong nước.

Tính chung 6 tháng, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp đạt 7,54%, nhiều ngành cấp 2 có mức tăng trưởng 2 con số. Tuy nhiên, bên cạnh đó một số ngành vẫn còn nhiều khó khăn, chưa hồi phục như sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 3%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 1,7%. Đặc biệt 6 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu tăng trở lại, đảm bảo cung cấp nguyên, nhiên vật liệu và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất trong nước.

Ngành xây dựng có tốc độ tăng trưởng quý II đạt 7,07%, 6 tháng đầu năm đạt 7,34%. Việc đẩy mạnh thực hiện giải ngân vốn đầu tư công cùng với đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài đã có tác động lan tỏa tích cực, thúc đẩy hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng.

Khu vực dịch vụ 6 tháng đầu năm tiếp tục duy trì tăng trưởng khá. Một số ngành dịch vụ thị trường như vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng trưởng tốt trong 6 tháng đầu năm với tốc độ tăng cao hơn thời kỳ 2018-2019 do được hỗ trợ từ nhu cầu

di chuyển tăng mạnh trong những tháng du lịch cao điểm, tốc độ tăng trưởng quý II, 6 tháng lần lượt dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 11,26% và 9,94%; Vận tải kho bãi đạt 11,37% và 11,02%.

Hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng trưởng khá. Một số ngành có mức tăng trưởng thấp so với cùng kỳ và kỳ vọng, tốc độ tăng quý II và 6 tháng lần lượt: Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm đạt 5,74% và 5,18%; nghệ thuật vui chơi giải trí đạt 7,10% và 6,99%; hoạt động dịch vụ khác đạt 5,42% và 5,12%.

Về góc độ sử dụng, tiêu dùng cuối cùng có mức tăng trưởng khá trong 6 tháng đầu năm, với mức tăng quý II và 6 tháng lần lượt là 6,58% và 5,78%, trong đó tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư tăng 7,06% và 6,17%, tiêu dùng cuối cùng của Nhà nước tăng 3,37% và 3,2%. Điều này cho thấy, người dân đã có nhu cầu chi tiêu về thăm quan, du lịch, nghỉ dưỡng nhiều hơn, chi tiêu cơ bản cũng như chi tiêu cho các sở thích cá nhân được cởi mở hơn sau một thời gian dài chịu áp lực từ dịch Covid-19 dẫn tới thay đổi hành vi và thói quen tiêu dùng.

Tích lũy tài sản 6 tháng đầu năm tăng 6,72%, chỉ thấp hơn mức tăng 7,4% năm 2021, cao hơn nhiều mức tăng 2,87% và 3,52% năm 2020, 2022 và mức tăng khiêm tốn 0,92% năm 2023, trong đó, tích lũy tài sản cố định tăng 6,53%. Để đạt được điều này, Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương triển khai đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Bên cạnh đó, nguồn vốn đầu tư của khu vực ngoài nhà nước và khu vực đầu tư nước ngoài được cải thiện rõ nét trong 6 tháng đầu năm 2024.

Xuất khẩu tiếp tục xu hướng tăng mạnh trong bối cảnh thương mại toàn cầu gặp nhiều khó khăn. Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tiếp tục tăng trưởng sôi động trong quý II với mức tăng 16,39%, tính chung 6 tháng tăng trưởng 16,89%. Với kết quả này, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng trong quý II và 6 tháng đầu năm năm 2024. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm đạt 368,53 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ, trong đó xuất khẩu đạt 190,08 tỷ USD, tăng 14,5%, cán cân thương mại hàng hóa 6 tháng đầu năm xuất siêu 11,63 tỷ USD. Trong đó, một số mặt hàng chủ lực chiếm tỷ trọng cao trong giá trị xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm như: Điện tử, máy tính và linh kiện, điện thoại các loại và linh kiện; Máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng; hàng dệt may...

Trong 6 tháng đầu năm nền kinh tế được hỗ trợ bởi các yếu tố thuận lợi như: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã theo dõi sát, nắm chắc tình hình, chủ động có giải pháp ứng phó, thích ứng linh hoạt, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, chắc chắn trước các vấn đề phát sinh, tháo gỡ được nhiều vướng mắc; đồng thời bảo đảm hài hòa giữa xử lý tình huống trong ngắn hạn và phát triển trong trung, dài hạn. Nhu cầu tại các thị trường lớn đang được cải thiện, nhu cầu hàng hóa tăng lên, nhiều doanh nghiệp lớn trong nước đã có đơn hàng mới, vì thế hoạt động sản xuất trong nước từ đó được thúc đẩy và hoạt động xuất, nhập khẩu sôi động trở lại: Đầu tư công tiếp tục được quan tâm và đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân ngay từ những tháng đầu năm, thúc đẩy, thu hút vốn FDI tăng trưởng tốt,

giúp tăng năng lực, mở rộng sản xuất trong nước, tạo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập cho người lao động... đồng thời tạo nền tảng về kết cấu hạ tầng để phục vụ phát triển nhanh và bền vững trong dài hạn. Nhu cầu nội địa từng bước phục hồi dù chưa đạt như kỳ vọng nhờ các biện pháp kích cầu. Chính phủ đang hỗ trợ các hộ gia đình và doanh nghiệp thông qua việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất; giảm 50% thuế bảo vệ môi trường được thực hiện từ đầu năm; đồng thời thực hiện giảm thuế suất VAT từ 10% xuống 8% trong 6 tháng đầu năm và tiếp tục giảm thuế VAT 2% trong 6 tháng cuối năm.

Bên cạnh những thuận lợi, có những khó khăn nền kinh tế phải đối mặt. Đó là áp lực lạm phát trong nước vẫn ở trong tầm kiểm soát nhưng cũng đang tạo áp lực lên chỉ số giá trong nước do điều chỉnh tăng giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý theo lộ trình như điện, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế; giá thịt lợn tăng do giá thức ăn tăng cao, dịch bệnh diễn biến phức tạp; giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu và việc thực hiện chính sách cải cách tiền lương. Mối lo ngại về căng thẳng địa chính trị, cuộc xung đột ở Biển Đỏ, Nga - Ukraina khiến giá hàng hóa, giá xăng dầu, giá cước vận tải tăng... làm gia tăng chi phí sản xuất. Rủi ro tỷ giá cùng với việc đẩy mạnh nhập khẩu để phục vụ sản xuất sẽ gây áp lực lên giá nguyên liệu đầu vào. Nội lực của nền kinh tế chưa mạnh, các doanh nghiệp sản xuất chế biến, chế tạo tuy tăng trưởng tốt nhưng mức độ bền vững còn hạn chế và chưa đồng đều giữa các ngành; khó khăn trong sản xuất

còn tiềm ẩn do cầu trong nước và quốc tế chưa khôi phục hoàn toàn; các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay để phục vụ sản xuất kinh doanh. Thị trường bất động sản có tín hiệu phục hồi nhưng còn khó khăn nhất là về quy trình, thủ tục phát triển các dự án nhà ở xã hội. Bên cạnh đó, doanh nghiệp bất động sản tiếp tục đối mặt khó khăn về thanh khoản, dòng tiền.

Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong 6 tháng cuối năm

Trong nửa đầu năm 2024, nền kinh tế thế giới vẫn đang ở mức phục hồi chậm, tình hình thế giới nhiều bất ổn, khó dự báo. Tuy nhiên, tính đến tháng 6/2024, các tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan hơn về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 so với các dự báo đưa ra trước đó (tăng từ 0,1-0,3 điểm phần trăm)... điều này sẽ tác động tích cực đến kinh tế Việt Nam 6 tháng cuối năm.

Theo đó, Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng cuối năm sẽ có nhiều thuận lợi hơn khi thời tiết bước sang mùa mưa, tình trạng nắng hạn và xâm nhập mặn không còn là mối lo ngại với người sản xuất nông nghiệp.

Với sự phục hồi của kinh tế thế giới, công nghiệp 6 tháng đầu năm đã có tăng trưởng đáng ghi nhận là tiền đề cho tăng trưởng 6 tháng cuối năm. Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý III khả quan hơn quý II với 40,7% doanh nghiệp đánh giá tốt hơn, 42,2% doanh nghiệp giữ ổn định là một tín hiệu tốt cho sự phục hồi của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong những tháng tới.

Ngành dịch vụ có cơ hội phát triển trong 6 tháng cuối năm

khi quý III tiếp tục là mùa du lịch cao điểm, khai thác tốt hoạt động du lịch sẽ lan tỏa mạnh tới khối ngành dịch vụ thị trường. Bên cạnh đó, có những ngày nghỉ lễ kéo dài, mùa tựu trường và nhu cầu mua sắm cao điểm vào cuối năm sẽ tác động tích cực tới khối ngành dịch vụ.

Tiêu dùng trong nước vẫn là yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với lợi thế thị trường tiêu thụ hơn 100 triệu dân. Một số yếu tố kích thích tiêu dùng trong nước 6 tháng cuối năm như: Chính sách giảm thuế VAT 2% đến hết năm đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ; chính sách tăng lương cơ sở từ ngày 01/7/2024 sẽ mang lại nhiều ý nghĩa cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần nâng cao đời sống, tăng tiêu dùng và năng suất lao động, đóng góp vào tăng trưởng GDP 6 tháng cuối năm.

Thương mại quốc tế của Việt Nam đang có xu hướng tăng mạnh do nhu cầu thế giới dần cải thiện, sản xuất trong nước phục hồi. Xuất khẩu Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt trong những tháng cuối năm, đặc biệt với những mặt hàng chủ lực như: Điện tử máy tính và linh kiện, máy móc thiết bị phụ tùng, một số sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản...

Đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh, đẩy nhanh và có nhiều giải pháp sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công trong 6 tháng cuối năm để hoàn thành mục tiêu, nhằm tháo gỡ khó khăn, dẫn dắt, thúc đẩy, thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế khác, tạo việc làm, góp phần tăng cường an sinh xã hội, cũng như tạo nền tảng về kết cấu hạ tầng để phục vụ phát triển nhanh và bền vững trong dài hạn.

Căn cứ diễn biến tình hình thế giới, kết quả hoạt động kinh tế trong nước 6 tháng đầu năm và một số nhận định về tình hình kinh tế 6 tháng cuối năm, và nếu không có biến động lớn, có khả năng Việt Nam sẽ đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm 2024 trong khoảng 6-6,5%. Tuy nhiên, để đạt mức tăng trưởng cận trên khoảng 6,5% vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, cần tiếp tục thực hiện những giải pháp quyết liệt nhằm duy trì ổn định tình hình kinh tế - chính trị - xã hội; đảm bảo các cân đối vĩ mô; kiểm soát tốt lạm phát; phát huy hiệu quả, linh hoạt các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đã được đề ra trong các Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế 6 tháng cuối năm.

Một số giải pháp cần được lưu ý:

Trên góc độ sản xuất, các ngành, lĩnh vực cần bám sát tình hình sản xuất kinh doanh để chủ động ứng phó với rủi ro phát sinh, tập trung vào các chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giải phóng nguồn lực cho khu vực doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành dịch vụ thị trường; Ngành điện đảm bảo cung ứng đầy đủ cho sản xuất và tiêu dùng.

Tăng cường gắn kết lưu thông với sản xuất, đẩy mạnh liên kết chuỗi nhằm kết nối cung cầu; đảm bảo phân phối sản phẩm hàng hóa gắn với quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm; Thúc đẩy mạnh mẽ mô hình chuỗi liên kết phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp và xuất khẩu.

(Xem tiếp trang 30)

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CÁ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 TIẾP ĐÀ PHỤC HỒI VÀ TĂNG TRƯỞNG

Phí Thị Hương Nga

Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng - TCTK



Bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước

Trong tháng 6/2024, nhiều tổ chức quốc tế đánh giá triển vọng kinh tế thế giới năm 2024 có dấu hiệu ổn định dần sau những năm chịu cú sốc, triển vọng tăng trưởng được cải thiện đáng kể so với những dự báo từ đầu năm, nhưng nhìn chung vẫn duy trì nhịp tăng trưởng chậm với mức tương đương năm 2023 (từ 2,6% đến 3,2%). Nhu cầu giao dịch hàng hóa trong năm 2024 tăng trở lại với khối lượng thương mại hàng hóa thế giới dự báo tăng 2,6% trong năm 2024 và 3,3% trong năm 2025 (theo WTO); và dự báo tăng 2,5% trong năm 2024 (theo WB). Tuy nhiên, tình hình thế giới vẫn đang tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường: Cạnh tranh gay gắt

giữa các nước lớn; xung đột leo thang (Nga-Ukraina, Biển Đỏ, Dải Gaza); giá đôla Mỹ, giá vàng tăng cao; giá dầu thô, hàng hóa cơ bản, dịch vụ vận tải biến động mạnh; chính sách tiền tệ ở nhiều nước chưa rõ xu hướng; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tác động nặng nề, đặc biệt là tình trạng thời tiết bất thường do ảnh hưởng luân phiên của El Nino trong những tháng đầu năm và La Nina trong nửa cuối năm có thể gây nên những cơn bão lớn và đày đặc ở các vùng ven biển.

Trong nước, kinh tế 6 tháng đầu năm 2024 ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,42% so với cùng kỳ năm trước; vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 1.451,3 nghìn tỷ đồng,

tăng 6,8%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3.098,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt trên 368,5 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ, trong đó: Xuất khẩu tăng 14,5%, nhập khẩu tăng 17%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 11,63 tỷ USD. Sản xuất công nghiệp tiếp tục đà phục hồi và tăng trưởng, chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ở ngưỡng trên 50 điểm trong 4/5 tháng đầu năm, thể hiện sản xuất trong nước được mở rộng.

Kết quả sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024

Sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá

6 tháng đầu năm 2024, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2024 tăng 5,9%; ước quý II/2024 tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước). Trong đó, ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 7,32 điểm phần trăm vào mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp; ngành khai khoáng giảm 5,5%, làm giảm 0,86 điểm phần trăm; ngành sản xuất, phân phối điện tăng 13%, đóng góp 1,16 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước

và xử lý nước thải, rác thải tăng 6,3%, đóng góp 0,10 điểm phần trăm vào mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp.

Xét theo công dụng sản phẩm công nghiệp, 6 tháng đầu năm 2024, chỉ số sản xuất của sản phẩm trung gian dùng cho quá trình sản xuất tiếp theo tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước; sản phẩm dùng cho tích lũy và tiêu dùng cuối cùng tăng 8,7%; sản phẩm là tư liệu sản xuất tăng 10,3% (trong đó: Công cụ sản xuất giảm 6,1%; nguyên vật liệu tăng 13,2%); sản phẩm tiêu dùng của dân cư tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 6 tháng đầu năm 2024 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm từ cao su, plastic tăng 29%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 19,8%; sản xuất hóa chất, sản phẩm hóa chất tăng 18,5%; sản xuất thiết bị điện tăng 17,8%; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ tăng 17,4%; khai thác quặng kim loại tăng 16,7%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 13,1%; sản xuất và phân phối điện tăng 13%; sản xuất kim loại và dẹt cùng tăng 12,6%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 12,3%. Ở chiều ngược lại, một số ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước: Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 11,7%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị giảm 9,2%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 3%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 1,7%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 6 tháng đầu năm 2024 tăng cao so với cùng kỳ năm trước gồm: Thép thanh, thép góc tăng 34,5%; vải dệt từ sợi tự nhiên

tăng 18,4%; đường tinh chế tăng 18,2%; thép cán tăng 17,3%; phân hỗn hợp NPK tăng 13,7%; điện sản xuất tăng 12,2%; đường kính tăng 10,7%; sơn hóa học tăng 10,1%; phân ure tăng 9,9%; sữa bột tăng 9%; xăng, dầu các loại tăng 8,9%. Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu giảm so với cùng kỳ năm trước: Khí hóa lỏng (LPG) giảm 18,5%; khí đốt thiên nhiên giảm 16%; tivi các loại giảm 9,6%; dầu thô khai thác giảm 6,6%; bia các loại và sắt, thép thô cùng giảm 4,1%; nhôm giảm 3,9%; ô tô giảm 3,2%; điện thoại di động giảm 2,8%; xe máy giảm 1,3%.

Theo địa phương, có 56/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm 2023; trong đó những tỉnh, thành phố có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng cao gồm: Trà Vinh tăng 58,9%; Khánh Hòa tăng 46,4%; Phú Thọ tăng 33,8%; Bắc Giang tăng 26,5%; Lai Châu tăng 20,5%; Bình Phước tăng 16,6%; Thanh Hóa tăng 15,8%; Hà Nam tăng 15,3%; Hải Phòng tăng 15,2%; Cao Bằng tăng 14,4%; Nam Định tăng 14,3%; Hải Dương tăng 13,9%; Tây Ninh tăng 13,5%; Quảng Ninh tăng 13,3%; Ninh Thuận tăng 13,1%; Bình Thuận tăng 13%; Vĩnh Long tăng 12%. Ở chiều ngược lại, có 7/63 tỉnh, thành phố giảm so với cùng kỳ năm trước gồm: Quảng Ngãi giảm 7,6%; Sơn La giảm 4,1%; Hà Tĩnh giảm 3,2%; Hà Giang giảm 1,2%; Gia Lai giảm 0,9%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 0,8%; Hòa Bình giảm 0,3%.

Trong ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo, chỉ số tiêu thụ tăng cao hơn chỉ số sản xuất

6 tháng đầu năm 2024, chỉ số tiêu thụ ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,8% so với

cùng kỳ năm trước (cao hơn 2,3 điểm % so với chỉ số sản xuất ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo). Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao: Sản xuất thiết bị điện tăng 38%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 34,6%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính tăng 20,4%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 20%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 19,8%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 17,7%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 15,5%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 14,9%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số tiêu thụ 6 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ năm 2023: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 2,2%; sản xuất đồ uống giảm 1,3%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 1%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 0,7%.

Tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục xu hướng giảm

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 30/6/2024 dự kiến tăng 9,6% so cùng thời điểm năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 39,9%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 23,5%; dẹt giảm 23,3%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 14,5%; sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 14,1%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 12,9%; sản xuất da và các sản phẩm từ da giảm 11,5%; sản xuất trang phục giảm 4,5%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao: Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 41,1%; sản xuất thiết bị điện tăng 29,1%; sản xuất đồ uống tăng 28,9%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính tăng 18,2%; sản xuất

than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 18,1%; sản xuất chế biến thực phẩm và in, sao chép bản ghi cùng tăng 13,6%.

Tỷ lệ tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân 6 tháng đầu năm 2024 là 76,9%, trong đó một số ngành có tỷ lệ tồn kho cao: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu 185,7%; sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đầu 139%; dệt 128%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa 121,2%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất 119,5%; sản xuất xe có động cơ 112,7%; sản xuất chế biến thực phẩm 107,6%.

Kết quả sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 ghi nhận một số điểm tích cực

Thứ nhất, sản xuất công nghiệp tăng trưởng tích cực: Sản xuất công nghiệp tiếp tục đà phục hồi từ quý I/2024 và tăng trưởng với xu hướng rõ nét hơn trong quý II/2024, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng sau cao hơn tháng trước, quý sau cao hơn quý trước: Quý I/2024 tăng 5,9%; quý II/2024 ước tăng 9,5%; 6 tháng đầu năm 2024 ước tăng 7,7% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, có 3/4 số ngành công nghiệp cấp I (gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải) tăng so cùng kỳ năm trước với mức tăng lần lượt là: 8,5%; 13,0% và 6,3%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm giai đoạn 2020-2024

Đơn vị tính: %

	2020	2021	2022	2023	Ước 2024
Toàn ngành công nghiệp	102,8	109,0	108,4	98,6	107,7
Khai khoáng	92,2	94,0	104,5	98,0	94,5
Công nghiệp chế biến, chế tạo	104,6	111,2	109,2	98,2	108,5
Sản xuất và phân phối điện	102,0	108,5	105,9	100,8	113,0
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	103,1	105,8	103,7	105,9	106,3

Thứ hai, ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo (ngành chiếm trên 74% giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp) tiếp tục đà tăng trưởng với xu hướng rõ nét hơn, 6 tháng đầu năm tăng 8,5% so cùng kỳ, trong khi cùng kỳ năm trước giảm 1,8%. Nhiều ngành quan trọng thuộc công nghiệp chế biến, chế tạo 6 tháng đầu năm 2024 tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Một số ngành xuất khẩu chủ lực tăng trưởng khá:

Nhóm ngành điện, điện tử: Ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học, một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của nước ta trong thời gian qua, có sự phục hồi rõ nét nhất, quý I/2024 tăng 0,3%, quý II/2024 tăng 17,4%, 6 tháng đầu năm tăng 8,6%; sản xuất pin và ắc quy tăng 55,6%. Nhóm ngành gỗ và sản phẩm gỗ: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 19,8%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 12,3%. Nhóm ngành dệt, may, da giày: Dệt tăng 12,6%; sản xuất da và sản phẩm có liên quan tăng 9,1%; sản xuất trang phục tăng 5,7%. *Thứ ba*, ngành sản xuất và phân phối điện 6 tháng đầu năm nay tăng 13% so cùng kỳ (cùng kỳ năm trước tăng 0,8%), ngành điện đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của dân cư.

Thứ tư, một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn có chỉ số IIP tăng cao như: Bắc Giang tăng 26,5%; Thanh Hóa tăng 15,8%; Hải Phòng tăng 15,2%; Hải Dương tăng 13,9%; Quảng Ninh tăng 13,3%; Vĩnh Phúc tăng 9,9%; Thái Nguyên tăng 7%.

Thứ năm, trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, tồn kho sản phẩm giảm thể hiện qua chỉ số sản xuất tăng, chỉ số tiêu thụ tăng cao hơn sản xuất, chỉ số tồn kho giảm. Cụ thể: Chỉ số sản xuất tăng 8,5%, chỉ số tiêu thụ sản tăng 10,8% (mức tăng chỉ số tiêu thụ cao hơn 2,3 điểm phần trăm so với chỉ số sản xuất), chỉ số tồn kho thời điểm 30/6/2024 dự kiến tăng 9,6% so với cùng thời điểm năm trước, thấp hơn nhiều so với mức tồn kho tăng 19,9% cùng thời điểm năm 2023. Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân 6 tháng đầu năm 2024 là 76,9%, thấp hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ năm 2023 là 83,1%.

Bên cạnh các điểm tích cực, sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 còn một số khó khăn:

Một là, sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng khá nhưng trên nền sản xuất 6 tháng đầu năm 2023 giảm (6 tháng đầu năm 2023 giảm 1,4% so với cùng kỳ năm trước). Tốc độ tăng 6 tháng đầu năm nay chỉ cao hơn năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6 tháng đầu năm 2021, 2022.

Hai là, ngành khai khoáng (ngành đóng góp 16% trong giá trị tăng thêm của toàn ngành công nghiệp) 6 tháng đầu năm giảm 5,5%, trong khi cùng kỳ năm trước giảm 2%. Trong đó, đáng chú ý ngành khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm sâu 11,7% (trong đó: Khai thác dầu thô giảm 6,7%, khai thác khí đốt giảm 16%).

Ba là, một số ngành trong trong ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn gặp khó khăn hoặc dấu hiệu phục hồi chưa thực sự rõ nét, chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất ô tô và xe có động cơ giảm 5,5%; sản xuất mô tô, xe máy giảm 3%; sản xuất xi măng, vôi, thạch cao giảm 2%; sản xuất bia và mạch nha ủ men bia giảm 3,9%.

Bốn là, một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn tăng ở mức thấp hoặc giảm: Đồng Nai tăng 6,6%; Quảng Nam tăng 5,8%; TP. Hồ Chí Minh và Bình Dương cùng tăng 5,6%; Bắc Ninh tăng 5,5%; Hà Nội tăng 5%; Đà Nẵng tăng 3,8%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 0,8%; Quảng Ngãi giảm 7,6%.

Một số giải pháp tháo gỡ khó khăn

Để hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trong các tháng còn lại của năm 2024, đề xuất một số giải pháp chủ yếu, hỗ trợ sản xuất công nghiệp tháo gỡ khó khăn, ổn định và phát triển sản xuất.

- Do giá dầu thô, khí đốt trên thế giới vẫn ở mức cao, chi phí logistics tăng, giá nguyên nhiên vật liệu đầu tăng, do vậy doanh nghiệp rất cần Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương có các chính sách để ổn định giá nguyên vật liệu, giá dịch vụ đầu vào để giảm áp lực về chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Có giải pháp hỗ trợ, giải quyết khó khăn về vốn của doanh nghiệp, tiếp tục duy trì hạ lãi suất cho vay, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vay vốn ưu đãi thuận lợi, nhanh chóng.

- Tìm kiếm thị trường đầu ra thông qua các chính sách kích cầu tiêu dùng trong nước, tuyên truyền để “người Việt Nam tiêu dùng hàng Việt Nam”; hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Đẩy mạnh hoạt động có hiệu quả trong ngăn chặn hàng nhập lậu, chống chuyển giá, gian lận nhãn mác trong các doanh nghiệp.

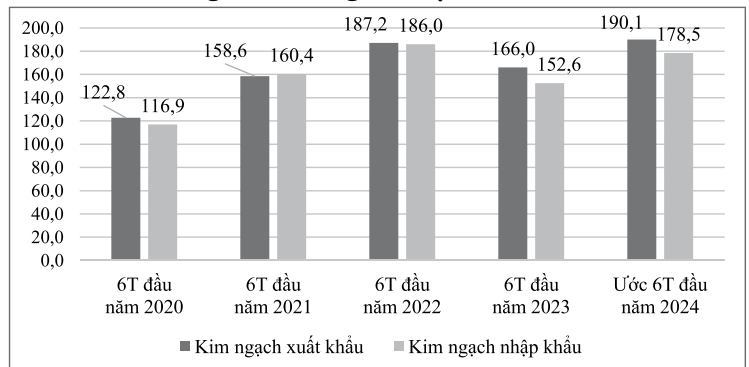
- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giải ngân nhanh đầu tư công tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Hỗ trợ đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, đặc biệt là trong các ngành dệt, may, da giày, điện tử./.

Một số tổ chức quốc tế nhận định năm 2024 thương mại toàn cầu tăng, cầu tiêu dùng thế giới hồi phục, lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm về mức mục tiêu... Trong đó, Ngân hàng thế giới dự báo năm 2024 tăng trưởng thương mại toàn cầu đạt 2,5%; Tổ chức thương mại thế giới dự báo tăng 2,6% so với năm 2023. Một số thị trường chiếm tỷ trọng giá trị xuất khẩu lớn của Việt Nam, như: Hoa Kỳ và châu Âu (EU) các tháng đầu năm 2024 đang kiểm chế được lạm phát giúp sức mua tăng lên, theo đó doanh thu bán lẻ hàng hóa duy trì xu hướng tích cực. Trong nước, hoạt động sản xuất hồi phục, nhiều doanh nghiệp ngành dệt may nhận đủ đơn hàng đến quý III và cuối năm 2024...

Một trong những điểm sáng của kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024 là kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đạt kết quả tích cực. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu ước đạt 368,5 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 190,1 tỷ USD, tăng 14,5%; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 178,5 tỷ USD, tăng 17%. Đây là số ước đạt khá cao so với trong 6 tháng đầu năm các năm (2020-2024).

Đồ thị 1. Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm giai đoạn (2020-2024)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Điểm đáng lưu ý 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu giảm 11,3%; nhập khẩu giảm 18% so với cùng kỳ năm trước, do vậy tính chung 6 tháng đầu năm 2024 kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tăng lần lượt 14,5% và tăng 17% so với cùng kỳ năm 2023, được tính trên nền số liệu kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu năm 2023 giảm so với năm 2022. Tuy nhiên so với 6 tháng đầu năm các năm giai đoạn 2020-2024, kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt trị giá cao nhất và kim ngạch nhập khẩu ước đạt giá trị ở vị trí thứ hai so với 6 tháng đầu năm các năm giai đoạn 2020-2024.

Kim ngạch nhập khẩu ước 6 tháng đầu năm 2024 tăng, phản ánh tín hiệu tốt hoạt động sản xuất trong nước phục hồi so với năm 2023.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu ước đạt 11,6 tỷ USD, đây là mức xuất siêu khá tích cực và là năm thứ hai đạt giá trị xuất siêu lớn

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 ĐẠT KẾT QUẢ TÍCH CỰC

Đinh Thị Thúy Phương

Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ

trong giai đoạn 2020-2024. Phân tích kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2024, theo một số phân tổ như: Loại hình kinh tế, mặt hàng, thị trường, cụ thể như sau:

- *Xét theo loại hình kinh tế:* Khu vực kinh tế nước ngoài duy trì vai trò dẫn dắt với tỷ trọng xuất khẩu và nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2024 lần lượt đạt 71,9% và 63,2%. Kim ngạch xuất khẩu tăng 12,3%; nhập khẩu tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2023.

Khu vực kinh tế trong nước phục hồi khá, với kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm ước tăng 20,7% so với cùng kỳ 2023, tốc độ tăng cao hơn mức tăng chung 6,2 điểm phần trăm (tăng chung 14,5%) và cao hơn 8,4 điểm phần trăm mức tăng của khu vực kinh tế nước ngoài (12,3%). Kim ngạch nhập khẩu ước tăng 22,3% so với cùng kỳ năm 2023, cao hơn 5,3 điểm phần trăm mức tăng chung (17,0%) và cao hơn 8,3 điểm phần trăm mức tăng của khu vực đầu tư nước ngoài (14,1%).

- *Xét theo mặt hàng:* Trong tổng số 45 mặt hàng xuất khẩu chính, tính chung 6 tháng đầu năm 2024, có 38/45 (đạt 84,4%) nhóm hàng tăng so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm đến 91,9% tổng trị giá mặt hàng xuất khẩu. Trong đó, một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, như: Điện tử máy tính và linh kiện tăng 28,6%; Điện thoại các loại và linh kiện 11,3%; Máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng 16,2%. Một số mặt hàng xuất khẩu nông, lâm sản có lợi thế của Việt Nam tăng so với cùng kỳ năm 2023, như: Cà phê tăng 34,5%; Thủy sản 4,9%; Rau quả tăng 28,2%; gạo tăng 32%...

Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng phục vụ gia công, sản xuất một số mặt hàng chủ lực ước tăng cao, như: Hàng điện tử, máy tính và linh kiện tăng 26,7%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 14,6%; điện thoại các loại và linh kiện tăng 21,9%... Hàng sợi dệt tăng 20,4%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép tăng 17,5%; vải tăng 10,8%; bông tăng 9,0%...

- *Xét theo thị trường:* Trị giá hàng xuất khẩu tăng trưởng khá mạnh so với cùng kỳ năm trước, ở hầu hết



các thị trường chủ lực của Việt Nam, như: Trung Quốc ước tăng 5,3%; Hoa Kỳ ước tăng 22,1%; Thị trường EU ước tăng 14,1%.

Có được kết quả đó là nhờ Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ ngành, địa phương và sự quyết tâm của doanh nghiệp tận dụng các cơ hội của các hiệp định thương mại tự do, tăng cường xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm của Việt Nam ra thị trường quốc tế, đồng thời khẳng định chất lượng hàng hóa của Việt Nam được thế giới tin dùng. Bên cạnh đó, phản ánh xu hướng cầu thế giới về một số mặt hàng của Việt Nam duy trì xu hướng tích cực, hoạt động sản xuất trong nước phục hồi, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu trong thời gian tới. Tuy nhiên, thời gian tới, để nâng cao hơn nữa kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa cần thực hiện đồng bộ và hiệu quả một số nhóm giải pháp sau:

Một là, đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền rộng rãi về các ưu đãi tại các Hiệp định FTA, đồng thời phổ biến cách thức tận dụng tối đa các cơ hội mở cửa thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang các thị trường đã ký FTA.

Hai là, tiếp tục đổi mới hoạt động xúc tiến thương mại, trong đó tập trung thúc đẩy ở mức cao nhất chương trình chuyển đổi số trong các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu trong và ngoài nước.

Ba là, nâng cao hiệu quả và điều tiết tốt tốc độ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu biên giới giữa Việt Nam và các nước, nhằm tiết kiệm chi phí thời gian thông quan hàng hóa./

LẠM PHÁT TRONG TẦM KIỂM SOÁT

Nguyễn Thu Oanh

Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá - TCTK

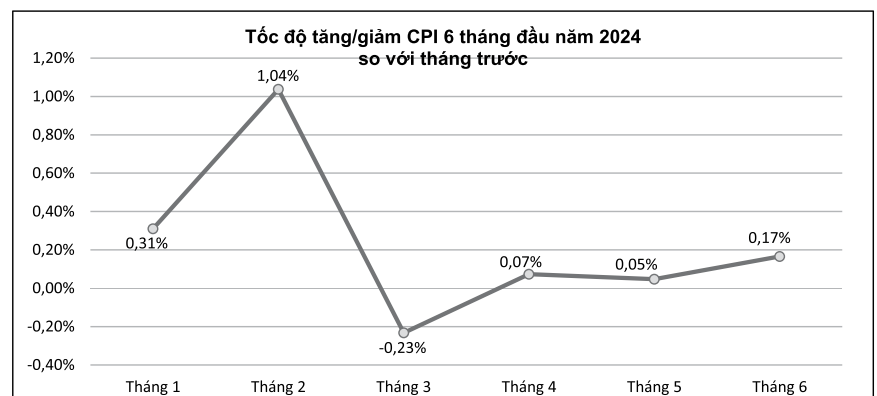
Lạm phát 6 tháng đầu năm 2024

Trong nửa đầu năm nay, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột quân sự Nga - Ukraine và tại dải Gaza kéo dài, bất ổn leo thang trên Biển Đỏ. Kinh tế thế giới tiếp tục trải qua giai đoạn khó khăn, tăng trưởng chậm, triển vọng phát triển trong ngắn hạn và trung hạn còn nhiều thách thức, lãi suất ngân hàng của các nước vẫn ở mức khá cao. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tác động nặng nề, đặc biệt tình trạng nắng nóng, hạn hán vì hiện tượng El Nino dẫn đến nguy cơ mất an ninh lương thực tiềm ẩn tại một số quốc gia và khu vực.

Lạm phát toàn cầu đang có biểu hiện đi ngang sau một thời gian giảm nhanh nhưng trước bức tranh kinh tế khó đoán định khiến xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn vẫn chưa rõ rệt. Lạm phát của Mỹ tháng 5/2024 tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước. Tại cuộc họp tháng 6/2024, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 5,25%-5,5% nhằm đưa lạm phát về mức mục tiêu 2%. Trong tháng 5/2024, lạm phát của khu vực đồng Euro tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước; Pháp tăng 2,3%; Đức tăng 2,4%; Tây Ban Nha

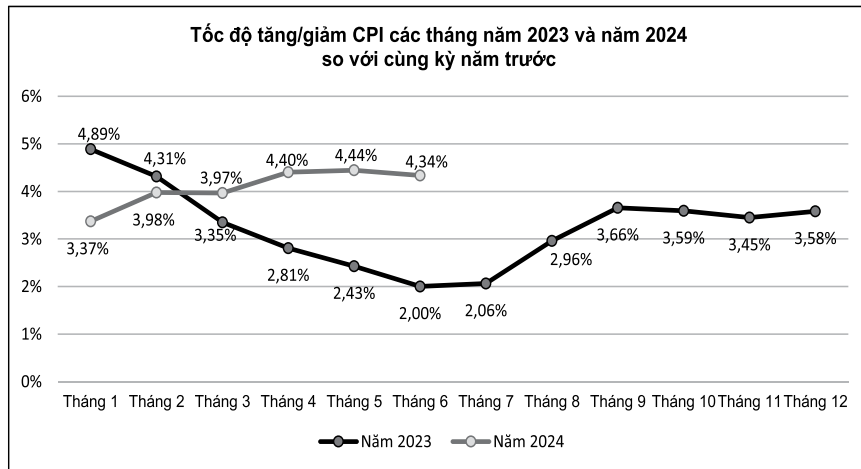
tăng 3,6%. Tại châu Á, lạm phát tháng 5/2024 của Lào tăng 25,77% so với cùng kỳ năm trước; Ấn Độ tăng 4,75%; Phi-lip-pin tăng 3,9%; Xin-gapo tăng 3,1%; In-đô-nê-xi-a tăng 2,84%; Hàn Quốc tăng 2,7%. Lạm phát của Việt Nam được kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2024 tăng 4,34% so với cùng kỳ năm trước.

Trong nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế như: Đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, dịch vụ; giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; tổ chức, theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu để có biện pháp điều hành phù hợp. Theo đó, giá hàng hóa và dịch vụ trên thị trường nhìn chung không có biến động bất thường, lạm phát trong tầm kiểm soát. CPI quý II/2024 tăng 4,39% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 6 tháng đầu năm nay, CPI tăng 4,08%.



So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng các tháng đầu năm nay có xu hướng tăng, giảm đan xen theo quy luật tiêu dùng trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Tháng 01/2024, CPI tăng 0,31% do một số địa phương thực hiện tăng giá dịch vụ y tế, Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và giá gạo trong nước tiếp tục tăng theo giá gạo xuất khẩu. Sang tháng 2/2024, CPI tăng cao nhất 1,04% do là

tháng có Tết Nguyên đán Giáp Thìn nên nhu cầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ của người dân tăng cao, giá gạo, giá xăng dầu tăng theo giá thế giới. Tháng 3/2024, CPI giảm 0,23% do nhu cầu của người dân giảm sau dịp Tết Nguyên đán, đặc biệt là lương thực, thực phẩm. Từ tháng 4/2024 đến tháng 6/2024, CPI tăng lần lượt 0,07%, 0,05% và 0,17% chủ yếu do giá xăng dầu, thịt lợn và điện sinh hoạt tăng. Trong 6 tháng đầu năm 2024, bình quân mỗi tháng CPI tăng 0,23% so với tháng trước.



So với cùng kỳ năm trước, khác với xu hướng của năm 2023, CPI các tháng nửa đầu năm 2024 có xu hướng tăng. Từ mức 3,37% trong tháng Một lên mức cao nhất 4,44% vào tháng Năm. Sang tháng Sáu, CPI bắt đầu theo xu hướng tăng chậm lại, mức tăng còn 4,34%. Tính chung 6 tháng đầu năm nay, CPI tăng 4,08% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm học 2023-2024, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế. Ngoài ra, nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống cũng tăng giá do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng cao.

Như vậy, với mức CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2024 tăng 4,08% so với cùng kỳ năm trước, để lạm phát cả năm lên mức 4,5% thì dư địa cho lạm phát bình quân 6 tháng cuối năm là 4,9%.

Bên cạnh đó, hiện nay có một số yếu tố thuận lợi cho việc kiểm chế lạm phát trong thời gian tới. Cụ thể, lạm phát toàn cầu đang tiếp tục xu hướng hạ nhiệt, giúp Việt Nam giảm bớt áp lực từ kênh nhập khẩu lạm phát. Các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất 6 tháng cuối năm góp phần giảm chi phí sản xuất, giảm giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng. Với nguồn lương thực, thực phẩm dồi dào, Việt Nam tránh được rủi ro, thách thức về an ninh lương thực đang có khả năng xảy ra ở nhiều nước trên thế giới. Ngoài ra, với kinh nghiệm điều hành giá, sự chỉ đạo quyết liệt, phản ứng kịp thời của Chính phủ sẽ giúp hạn chế tác động cộng hưởng của việc điều chỉnh giá lên lạm phát, ổn định tâm lý kỳ vọng lạm phát.

Do đó, khả năng thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát mà Quốc hội đề ra cho năm nay từ 4-4,5% là khả thi.

Giải pháp kiểm soát lạm phát những tháng cuối năm

Mặc dù dư địa để điều hành lạm phát cả năm theo mục tiêu của Quốc hội đề ra còn không ít nhưng thị trường giá cả trong nước

phụ thuộc khá nhiều vào thị trường quốc tế, trong khi tình hình thế giới hiện nay rất phức tạp và khó dự báo. Vì vậy, để kiểm soát lạm phát trong những tháng còn lại của năm thì Chính phủ, Bộ, ngành và các địa phương cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Chủ động theo dõi sát diễn biến kinh tế, giá cả các hàng hóa chiến lược trên thị trường thế giới, diễn biến của các xung đột, căng thẳng địa chính trị để kịp thời cảnh báo các nguy cơ tác động đến mặt bằng giá cả hàng hóa và dịch vụ ở trong nước.

Đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, dịch vụ, nhất là đối với xăng dầu và các mặt hàng chiến lược có khả năng bị ảnh hưởng từ sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu.

Đối với việc tăng giá các hàng hóa và dịch vụ do Nhà nước quản lý cần được lên kế hoạch, có lộ trình cụ thể, cần có sự đánh giá tác động tới lạm phát khi điều chỉnh giá. Không nên điều chỉnh nhiều loại giá cùng một thời điểm. Tránh điều chỉnh giá cùng với thời điểm tăng lương. Không nên điều chỉnh giá điện sinh hoạt khi thời tiết nắng nóng, làm gia tăng chi phí cho người dân, đồng thời cân nhắc mức điều chỉnh giá hợp lý, không nên tăng quá cao tại một thời điểm. Ngoài ra, việc điều chỉnh giá dịch vụ công không nên dồn vào cuối năm, vào dịp Lễ, Tết là thời điểm nhu cầu tiêu dùng cao vì nếu chỉ số giá liên tục tăng cao sẽ tạo ra lạm phát kỳ vọng lớn và tạo áp lực điều hành lạm phát cho năm 2025.

Ngoài ra, cần phải tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra./

VÀI NÉT THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Phạm Hoài Nam

Vụ trưởng Vụ Thống kê Dân số và Lao động - TCTK

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động, số người có việc làm quý II năm 2024 tăng so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước. Lao động phi chính thức vẫn chiếm tỷ trọng lớn, khoảng hơn 3/5 tổng số lao động có việc làm của cả nước. Thu nhập bình quân tháng của người lao động giảm so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động tăng so với quý trước và giảm so với cùng kỳ năm trước. Tình hình thất nghiệp thanh niên 15-24 tuổi duy trì mức cao, tỷ lệ này tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động tăng so với quý trước và không thay đổi so với cùng kỳ năm trước.

Điểm sáng của thị trường lao động 6 tháng đầu năm 2024 thể hiện ở một số điểm sau:

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý II năm 2024 là 52,5 triệu người, tăng 148,6 nghìn người so với quý trước và tăng 217,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt gần 52,5 triệu người, tăng 196,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý II năm 2024 là 68,6%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với quý trước. Lao động có việc làm quý II năm 2024

Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) nhận định rằng Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang đối mặt với nhiều thách thức lớn đối với thị trường lao động và công bằng xã hội. Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế tương đối chậm lại, thị trường lao động vẫn duy trì tăng trưởng việc làm ở mức trung bình trong dài hạn và tỷ lệ thất nghiệp gần như không thay đổi.

đạt hơn 51,4 triệu người, tăng 126,6 nghìn người, tương ứng tăng 0,25% so với quý trước và tăng 217,4 nghìn người, tương ứng tăng 0,42% so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam vẫn đang ở thời kỳ cơ cấu dân số vàng với quy mô dân số trong độ tuổi lao động dồi dào

và tăng hàng năm, đây là lợi thế để bổ sung lực lượng lao động, bao gồm cả lao động có việc làm.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, lao động có việc làm đạt 51,4 triệu người, tăng 195,8 nghìn người (tương ứng tăng 0,38%) so với 6 tháng đầu năm 2023.

Tỷ lệ lao động Việt Nam có bằng cấp hoặc chứng chỉ đạt mức 28,1% quý II/2024. Tỷ lệ này tăng 0,3 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam, giống như nhiều quốc gia khác, đang trải qua một quá trình phát triển kinh tế và công nghiệp hóa nhanh chóng. Trong một nền kinh tế ngày càng toàn cầu hóa và công nghiệp hóa, nhu cầu về nhân lực có trình độ cao và có kỹ năng đặc biệt là rất quan trọng. Do đó, nhận thức về sự cần thiết của việc duy trì và phát triển kỹ năng thông qua việc học tập



liên tục đang tăng lên trong cộng đồng lao động Việt Nam. Mở rộng cơ sở giáo dục cũng có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc tăng cường tỷ lệ lao động qua đào tạo liên tục. Việt Nam đã chú trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục và mở rộng cơ sở hạ tầng giáo dục để cung cấp cơ hội học tập cho nhiều người dân hơn. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tiếp tục học tập và nâng cao trình độ sau khi tham gia vào lực lượng lao động.

Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý II năm 2024 là 7,5 triệu đồng, giảm 137 nghìn đồng so với quý trước và tăng 490 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của người lao động trong quý II năm nay giảm so với quý trước, là xu hướng quan sát thường thấy trong các năm gần đây. Thu nhập của lao động quý II thường giảm so với quý I do các khoản thu nhập phụ trội bổ sung từ tiền làm thêm cuối năm và tiền thưởng dịp Tết Nguyên đán thường được chi trả chủ yếu trong quý I.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, thu nhập bình quân tháng của người lao động là 7,5 triệu đồng, tăng 7,4%, tương ứng tăng 519 nghìn đồng so với cùng kỳ năm 2023.

Quý II/2024, thu nhập bình quân tháng của lao động tăng lên ở hầu hết các ngành kinh tế so với cùng kỳ năm trước. Một số ngành ghi nhận tốc độ tăng thu nhập bình quân khá: Thu nhập bình quân tháng của lao động làm trong ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải là 9,1 triệu đồng, tăng 17,4%, tương ứng tăng 1,3 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước là 11,2 triệu đồng,

tăng 15,2%, tương ứng tăng 1,5 triệu đồng; ngành khai khoáng là 11,3 triệu đồng, tăng 12,5%, tương ứng tăng 1,3 triệu đồng; ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm là 12,4 triệu đồng, tăng 10,6%, tương ứng tăng 1,2 triệu đồng; ngành hoạt động kinh doanh bất động sản là 11,2 triệu đồng, tăng 6,9%, tương ứng tăng 721 nghìn đồng.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, lao động làm việc trong một số ngành kinh tế ghi nhận tốc độ tăng thu nhập bình quân khá so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nhập bình quân tháng của lao động làm trong ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước là 11,2 triệu đồng, tăng 13,9%, tương ứng tăng 1,4 triệu đồng; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải là 9,0 triệu đồng, tăng 12,3%, tương ứng tăng 981 nghìn đồng; ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm là 12,7 triệu đồng, tăng 11,7%, tương ứng tăng 1,3 triệu đồng; ngành hoạt động kinh doanh bất động sản là 11,7 triệu đồng, tăng 11,1%, tương ứng tăng 1,2 triệu đồng; ngành khai khoáng là 11,0 triệu đồng, tăng 8,5%, tương ứng tăng 866 nghìn đồng.

Tình hình thất nghiệp có cải thiện nhờ việc tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các sàn giao dịch việc làm, so với quý trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2024 là 2,24%, giảm 0,02 điểm phần trăm so với quý trước. Đây là mức thường quan sát được ở thị trường lao động Việt Nam khi chưa xuất hiện đại dịch Covid-19. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của khu vực thành thị tiếp tục duy trì dưới mức 3%, tính từ thời điểm quý I năm 2022

(quý I các năm 2022, 2023, 2024 lần lượt là: 2,88%; 2,66% và 2,64%).

Bên cạnh những điểm sáng, tích cực thị trường lao động 6 tháng đầu năm 2024 cũng bộc lộ một số hạn chế, như:

Chất lượng cung lao động vẫn còn bất cập, hạn chế, chưa đáp ứng cho cầu lao động của một thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập (khoảng hơn 70% lao động chưa qua đào tạo từ sơ cấp trở lên).

Thị trường lao động chưa có sự cải thiện nhiều về chất lượng lao động khi số lao động phi chính thức làm các công việc bấp bênh, thiếu tính ổn định vẫn chiếm tỷ trọng lớn, khoảng hơn ba phần năm tổng số lao động có việc làm của cả nước.

Trong 5 tháng đầu năm 2024, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn với 66,1 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm trước; 23,3 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ giải thể, giảm 8,8%; và gần 8 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 8,4%. Trung bình mỗi tháng có 19,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Ngoài khó khăn từ môi trường kinh doanh bên ngoài, các doanh nghiệp còn đối mặt với những vấn đề nội tại như quy mô và "tuổi thọ" giảm, năng lực cạnh tranh yếu kém, và khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn và thị trường¹. Do vậy, tình hình thiếu việc làm quý này cao hơn quý trước.

Tình hình doanh nghiệp khó khăn với bình quân khoảng 20 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường lao động trong 6 tháng đầu năm là nguyên nhân chính

1. Nguồn: <https://baodautu.vn/kho-khan-van-de-nang-doanh-nghiep-d215889.html>

dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động tăng lên trong quý này so với quý trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý II năm 2024 là 2,29%, tăng 0,05 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,01 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,27%, không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tình hình thất nghiệp 6 tháng đầu năm nay chưa có sự cải thiện hơn so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên vẫn dao động quanh mức 2,2% như thời kỳ trước dịch Covid-19 xuất hiện.

Trong quý II năm 2024, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên 15-24 vẫn duy trì mức cao với 8,01%², tăng 0,02 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,60 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. So với tỷ lệ thất nghiệp chung, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên luôn cao hơn. Do thanh niên là lực lượng trẻ, nên nhu cầu có việc làm cao hơn các lực lượng khác vì vậy họ bắt buộc tìm kiếm việc làm. Bên cạnh đó, họ thường được trang bị các kiến thức tốt hơn với trình độ cao hơn nên họ có nhiều cơ hội để lựa chọn hơn nên khi tham gia thị trường lao động, họ có thể không chấp nhận làm các công việc tạm thời thu nhập thấp, họ sẽ trì hoãn đến khi tìm được công việc như ý.

2. Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên 15-24 tuổi của quý II, giai đoạn 2019-2023 tương ứng là 6,5%; 7,60%; 7,47%; 7,63%; 7,41%;

Bảng 1. Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp thanh niên (15-24 tuổi) của Việt Nam

	Quý II năm 2019*	Quý II năm 2020	Quý II năm 2021	Quý II năm 2022	Quý II năm 2023	Quý II năm 2024
Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động (%)	2,18	2,85	2,62	2,32	2,30	2,29
Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên 15-24 (%)	6,50	7,60	7,47	7,63	7,41	8,01

Bảng 2. Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp thanh niên (15-24 tuổi) của một số nước trong khu vực

Quốc gia	Năm	Tỷ lệ thất nghiệp 15-24 (%)	Tỷ lệ thất nghiệp (%)
Indonesia	2023	13,12	3,31
Lao	2022	2,26	1,21
Myanmar	2020	4,88	1,48
Philippines	2022	6,86	2,60
Singapore	2022	8,43	3,59
Thailand	2023	4,37	0,73
Timor-Leste	2022	3,41	2,34

BỨC TRANH TĂNG TRƯỞNG...

(Tiếp theo trang 20)

Tiếp tục tìm kiếm và tích cực mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, chủ động áp dụng khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và tính cạnh tranh. Xây dựng các kênh phân phối sản phẩm, mở rộng việc tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử, từ đó thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa trong nước và xuất khẩu.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số nhằm nâng cao năng suất lao động, tạo ra các sản phẩm mới giúp ngành công nghiệp hỗ trợ, phụ trợ phát triển. Thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới (kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức và các lĩnh vực mới nổi như chip, bán dẫn, AI...).

Đảm bảo nguồn cung trong nước; ổn định hàng xuất khẩu; bám sát diễn biến thị trường để xác định nhu cầu hàng hóa, nhằm giảm thiểu hàng tồn kho của doanh nghiệp, góp phần kiểm soát lạm phát đặc biệt khi chính sách tăng lương cơ sở bắt đầu được thực hiện vào ngày 01/7/2024.

Trên góc độ sử dụng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công; đặc biệt sát sao kiểm tra, giám sát thực hiện hiệu quả vốn đầu tư công để đảm bảo hoàn thành mục tiêu và lan tỏa tới các ngành kinh tế khác.

Ưu tiên kích cầu đầu tư vào các dự án sắp hoàn thành, nhanh chóng đưa vào sử dụng các dự án có quy mô, có tiềm năng, góp phần trực tiếp duy trì và mở rộng năng lực sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Xây dựng và thực hiện mạnh mẽ các chính sách, chương trình thúc đẩy tiêu dùng hộ dân cư. Phát triển và đa dạng hóa các kênh phân phối hàng hóa, dịch vụ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ đáp ứng nhu cầu người dân; Đẩy mạnh triển khai các hoạt động kích cầu tiêu dùng nội địa tại các địa phương có các sản phẩm đặc thù, lợi thế.

Đối với xuất, nhập khẩu, tiếp tục đổi mới hoạt động xúc tiến thương mại, tranh thủ tối đa cơ hội, xu hướng phục hồi của các thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu, tận dụng tốt và tiếp tục đẩy nhanh đàm phán, ký kết, thúc đẩy các hiệp định thương mại song phương và đa phương để mở rộng thị trường đầu ra cho các sản phẩm của Việt Nam trong 6 tháng cuối năm./

VIỆT NAM PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH CÔNG NGHIỆP BÁN DẪN ĐÓN ĐẦU THỊ TRƯỜNG CHIP BÁN DẪN THẾ GIỚI

Thu Hường



Trong bối cảnh hiện nay, ngành công nghiệp bán dẫn đang có xu hướng đa dạng hóa, chuyển dịch chuỗi liên kết, cung ứng, sản xuất, nghiên cứu sang các quốc gia, trong đó có Việt Nam, đây là cơ hội và cũng là thách thức với chúng ta. Điều này đòi hỏi phải có hạ tầng, thể chế và nhân lực phù hợp để đáp ứng yêu cầu phát triển, thu hút đầu tư ngành công nghiệp bán dẫn. Đặc biệt, nếu chuẩn bị tốt nguồn nhân lực, Việt Nam sẽ nhận được sự tin tưởng của các đối tác, xúc tiến thu hút đầu tư, phát triển chuỗi sản xuất và cung ứng bán dẫn.

Cơ hội để phát triển nhân lực ngành bán dẫn

Ngành công nghiệp bán dẫn là hạt nhân của ngành công nghiệp điện tử, có vai trò rất quan trọng, là nền tảng của 3 sự chuyển đổi mang tính cách mạng: Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi thông minh. Từ năm 2001 đến năm 2021, ngành công nghiệp bán dẫn toàn cầu đã tăng 14% mỗi năm, đạt doanh thu gần 600 tỷ USD tính đến năm 2023. Ngành bán dẫn được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, đạt đến 1.000 tỷ USD vào năm 2030.

Hiện nay, Việt Nam có nhiều thuận lợi để phát triển nhân lực ngành bán dẫn. Theo đó, về chủ trương, chính sách, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định mục tiêu phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 569/QĐ-TTg,

ngày 11/5/2022 về Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, trong đó xác định công nghiệp bán dẫn là ngành công nghệ cao, được ưu tiên.

Gần đây, tại Nghị quyết số 124/NQ-CP, ngày 7/8/2023, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030; giao Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Chiến lược phát triển ngành bán dẫn Việt Nam đến năm 2030.

Đặc biệt, Kết luận số 64-KL/TW, ngày 18/10/2023 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kinh tế-xã hội năm 2023-2024 đã yêu cầu: "Tập trung đào tạo 50.000-100.000 nhân lực chất lượng cao cho ngành sản xuất chip bán dẫn đến năm 2025 và năm 2030".

Về cơ sở hạ tầng, Việt Nam đã thành lập Trung tâm Đổi mới

sáng tạo quốc gia (NIC) và nhiều khu công nghệ thông tin tập trung đang hoạt động, kỳ vọng là hạt nhân thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và phát triển ngành bán dẫn. Nhiều doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu đang có định hướng phát triển trong lĩnh vực công nghệ bán dẫn như: Viettel, VNPT, FPT, CMC... Các doanh nghiệp này có thể phối hợp, hỗ trợ trong công tác đào tạo nguồn nhân lực, cũng như sử dụng chính nguồn nhân lực qua đào tạo này.

Các địa phương như: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh... cũng đang rất ráo và quyết tâm thu hút, tạo điều kiện và dành nhiều nguồn lực cho phát triển nhân lực bán dẫn, cũng như xây dựng hệ sinh thái cho ngành bán dẫn.

Việt Nam cũng đã ký Biên bản ghi nhớ hợp tác với Hoa Kỳ về phát triển hệ sinh thái ngành công nghiệp bán dẫn, trong đó có nhấn mạnh đến việc hợp tác phát triển nguồn nhân lực cho ngành. Các tập đoàn hàng đầu như: NVIDIA, Samsung, Synopsys... cũng có

sự quan tâm, định hướng nghiên cứu, đầu tư, phát triển, hướng tới xây dựng “cứ điểm” sản xuất bán dẫn tại Việt Nam.

Tại buổi làm việc về Đề án “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” vào tháng 4/2024, Thủ tướng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Duy Đông cho biết, thị trường chip bán dẫn thế giới dự kiến đạt doanh thu 1.000 tỉ USD vào năm 2030. Vì vậy đến năm 2030 cần khoảng 1 triệu lao động cho tất cả các khâu thiết kế, sản xuất, lắp ráp, đóng gói, kiểm thử chip.

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp bán dẫn lớn đang tìm cách đa dạng hóa chuỗi cung ứng, tận dụng nguồn nhân lực trẻ, có trình độ tại các nước châu Á, trong đó có Việt Nam. Vì vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ước tính đến năm 2030, Việt Nam cần khoảng 15.000 kỹ sư thiết kế, 35.000 kỹ sư làm việc trong các nhà máy sản xuất chip bán dẫn; đồng thời sẽ tạo ra 154.000 việc làm gián tiếp, đóng góp 360.000 tỷ đồng vào GDP.

Hiện nay, Việt Nam có khoảng 240 trường đại học, trong đó gần 160 trường có chuyên ngành đào tạo kỹ thuật, có khả năng chuyển đổi để đào tạo nhân lực bán dẫn; có 35 cơ sở đào tạo đang đào tạo các ngành có liên quan đến công nghiệp bán dẫn.

Thực tế cho thấy, trong 20 năm qua, Việt Nam đã đào tạo ra hàng trăm nghìn lập trình viên, hàng triệu nhân lực công nghệ thông tin, đây là cơ sở quan trọng khẳng định khả năng đào tạo 50.000-100.000 nhân lực ngành bán dẫn đến năm 2030.

Đây sẽ là tiền đề quan trọng, cơ hội thuận lợi cho Việt Nam nắm bắt, tham gia vào ngành công nghiệp bán dẫn thông qua phát triển

nhân lực bán dẫn chất lượng cao, để gặt hái những lợi ích từ ngành công nghiệp bán dẫn

Lối đi riêng đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn

Tại Hội nghị về Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp bán dẫn vào tháng 4/2024, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã yêu cầu cần xác định rõ quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để đạt được mục tiêu đào tạo nhân lực cho ngành bán dẫn. Theo đó, Thủ tướng cho rằng, cần coi đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp bán dẫn là “đột phá của đột phá” trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đặc biệt, cần đa dạng hóa các loại hình đào tạo như: Đào tạo cơ bản, đào tạo lại, đào tạo chuyển đổi, đào tạo kỹ năng, đào tạo kỹ sư, đào tạo tiến sĩ, đào tạo trong nước và ngoài nước, đào tạo thông qua sản xuất kinh doanh.

Đồng thời, đa dạng hóa các nguồn lực cho đào tạo phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn, gồm nguồn lực nhà nước, xã hội, nhân dân, phát huy quan hệ Nhà nước - xã hội - thị trường, đẩy mạnh hợp tác công - tư trong đào tạo.

Với các quan điểm trên, Thủ tướng nhấn mạnh, cần hoàn thiện thể chế cho công tác đào tạo nguồn nhân lực bán dẫn với cơ chế, chính sách ưu đãi, đặc thù. Cùng với đó, tập trung đầu tư cho hạ tầng phục vụ đào tạo nguồn nhân lực bán dẫn, gồm cơ sở đào tạo, nhà trường, phòng thí nghiệm, nơi sản xuất... Đào tạo đội ngũ giáo viên, giảng viên, xây dựng chương trình, giáo trình phù hợp.

Xây dựng phương thức đào tạo cả tiệm cận và đột phá, cả trước mắt và lâu dài. Đồng thời, huy động, đa dạng hóa nguồn lực

của Nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp, hợp tác công - tư.

Ngoài ra, nhiều chuyên gia cho rằng, cần đào tạo chuyên sâu cho các giảng viên; mở rộng mạng lưới đào tạo, hỗ trợ đào tạo ngành công nghiệp bán dẫn và các ngành liên quan.

Để đáp ứng nhu cầu cấp bách tham gia vào chuỗi bán dẫn trong 24 tháng tới, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng cho rằng, cần áp dụng hình thức đào tạo ngắn hạn, nâng cao, chuyển đổi từ các ngành gần, ngành phù hợp, sang ngành công nghiệp bán dẫn. Song song đó, hình thức đào tạo chính quy cũng sẽ được triển khai trên cơ sở hợp tác chặt chẽ 3 nhà là “Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp” và liên kết quốc tế trong xây dựng, nhập khẩu chương trình, thu hút chuyên gia quốc tế về Việt Nam giảng dạy.

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng cũng cho rằng, phải tập trung đào tạo lại và đào tạo trực tiếp trong ngắn hạn. Các nước khác muốn đào tạo một kỹ sư điện tử làm về công nghiệp bán dẫn phải đào tạo trong khoảng 2 năm, nhưng ở Việt Nam chỉ cần 3-6 tháng hoặc 12 tháng. Hiện nay, Việt Nam đang có khoảng 600.000 đến 700.000 kỹ sư các ngành công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, kỹ sư điện tử... Đội ngũ này nếu được đào tạo lại hoặc đào tạo chuyển tiếp thì chỉ cần từ 3 - 6 tháng là có thể sẵn sàng cho công nghiệp bán dẫn.

Để làm được điều này, theo Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng, cần giáo viên, người hướng dẫn, cơ sở vật chất và lời giải ở đây là sự hợp tác giữa doanh nghiệp và đại học, đầu tư cơ sở vật chất của Nhà nước và các cơ sở đào tạo. Việc đào tạo thu hút giáo viên bán dẫn nước ngoài

SỰ PHÁT TRIỂN VÀ CÁC VẤN ĐỀ NẢY SINH TRONG NỀN KINH TẾ GIG

ThS. Nguyễn Quỳnh Anh

Viện Đào tạo quốc tế - Học viện Chính sách và Phát triển

Tóm tắt

Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin trên toàn thế giới, nền kinh tế Gig đã phát triển và lan tỏa theo một xu hướng không thể đảo ngược ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Đây vừa là cơ hội đồng thời cũng là thách thức đối với không chỉ người lao động mà còn cả doanh nghiệp, Nhà nước và các cơ sở giáo dục, đào tạo nguồn lao động.

Từ khóa: Nền kinh tế Gig, việc làm, người lao động, công việc online, việc làm

Summary

According to the advance of Science technology and Information technology globally, the Gig economy has been developing and spreading irreversibly in many nations all over the world, including Vietnam. This is not only the opportunities but also challenges for labor, entrepreneurs, Vietnam Government and education institutions such as universities, colleges, and vocational schools.

Keywords: Gig economy, labor, online jobs, employment

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nền kinh tế Gig, hay có thể được hiểu là nền kinh tế hợp đồng, thực chất đã tồn tại từ nhiều thập niên và chứng kiến sự tiến bộ mang tính cách mạng trong những năm gần đây. Thông qua việc áp dụng sự phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ số, người sử dụng lao động có thể tiếp cận nguồn lao động đa dạng với chi phí hợp lý và tiếp kiệm hơn. Đồng thời, nền kinh tế Gig cũng giúp người lao động gia tăng thu nhập, đồng thời cũng giảm căng thẳng và đảm bảo được sự cân bằng giữa công việc và thời gian cá nhân (Phạm Văn Hiếu, 2023).

Theo LinkedIn (2023), giá trị của nền kinh tế Gig toàn cầu là 413.930 triệu Đô la Mỹ vào năm 2022

lúc này là ưu tiên nhất. Nhà nước đầu tư vào cơ sở vật chất cho công nghiệp bán dẫn cần đầu tư tập trung tại một chỗ và các cơ sở đào tạo sẽ dùng chung.

Theo Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Thế Duy, đào tạo nguồn nhân lực về vi mạch phải chia ra làm mấy cấp độ và đặc biệt là liên quan đến tìm đầu ra. Cấp độ đầu tiên chúng ta cần quan tâm trong giai đoạn hiện nay, phục vụ mục tiêu đầu ra lớn nhất - là các doanh nghiệp nước ngoài đang có ở Việt Nam, cũng như sẽ chuyển về Việt Nam. Nhóm thứ hai là "outsourcing" cho các doanh nghiệp nước ngoài. Hiện nay, doanh nghiệp FPT đang có cách làm rất phù hợp, tức là đào tạo, thiết kế để outsourcing. Điều này rất phù hợp với kinh nghiệm đã khá thành công trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Cách đó triển khai trên diện rộng, ngay giai đoạn đầu tiên để đáp ứng nhu cầu và áp dụng nhanh.

Tiếp theo là đào tạo trung hạn và dài hạn, đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ. Đào tạo này không chỉ phục vụ riêng thị trường, mà còn phục vụ xây dựng tiềm lực quốc gia.



Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Kim Sơn cho biết, Bộ xác định các yếu tố then chốt nhằm thúc đẩy tăng số lượng và chất lượng đào tạo ở lĩnh vực công nghiệp bán dẫn. Theo đó, sẽ có nhiều sinh viên giỏi theo học ngành này. Chương trình đào tạo và nguồn tài liệu sẽ được cập nhật thường xuyên và hiện đại; có đủ nguồn lực giảng viên có trình độ và kỹ năng cao; có đủ hệ thống phòng thí nghiệm thực hành hiện đại cho các môn học; có sự hợp tác hiệu quả giữa các doanh nghiệp và các trường đại học nước ngoài để giúp nâng cao tính thực tiễn trong quá trình học của sinh viên; gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo khác.

Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tập trung đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách mang tính đột phá, các chương trình đào tạo tài năng, các chương trình đầu tư trọng điểm. Khi các chương trình này được phê duyệt sẽ tạo sự đột biến căn bản về số lượng và nâng cao chất lượng trong việc đào tạo nguồn nhân lực./.

và được dự đoán là sẽ đạt mốc 918.944,83 triệu Đô la Mỹ. Tại Việt Nam, trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ cùng nguồn lao động trẻ sẵn sàng học hỏi và nhanh chóng quen thuộc với các phương thức làm việc mới, nền kinh tế Gig sẽ mở ra nhiều cơ hội, tiềm năng việc làm đa dạng cho người lao động. Đồng thời, điều này cũng đặt ra nhiều thách thức cần có sự chung tay hợp tác của Nhà Nước, doanh nghiệp, các tổ chức bảo vệ quyền lợi người lao động, các cơ sở nghiên cứu và đào tạo,... để tận dụng tối đa thế mạnh và định hướng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong nền kinh tế Gig.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về nền kinh tế Gig và các vấn đề liên quan nhưng đến nay vẫn chưa có một định nghĩa hoàn toàn thống nhất trên toàn cầu. Tuy nhiên, bản chất sự khác biệt giữa nền kinh tế Gig với nền kinh tế truyền thống nằm ở hình thức lao động ngắn hạn, có tính linh hoạt cao, mang tính tạm thời và không thường xuyên. Theo định nghĩa của Từ điển Cambridge (2023), nền kinh tế Gig là “phương thức làm việc dựa trên việc người lao động làm các công việc tạm thời hoặc các phần công việc riêng lẻ, mỗi phần công việc được trả lương riêng biệt, hơn là làm việc cho một chủ lao động”.

Nền kinh tế Gig đã có dấu hiệu khởi đầu từ cuộc Đại suy thoái kinh tế toàn cầu giai đoạn 1920-1930, khi tỉ lệ thất nghiệp gia tăng một cách đáng báo động và đạt đỉnh 24,9% vào năm 1933 (Stanley Lebergott, 1948) và người lao động sẵn sàng làm bất kì công việc phụ nào (việc làm ngắn hạn theo hợp đồng hay theo ngày)

bên cạnh công việc toàn thời gian của họ để duy trì cuộc sống. Điều tương tự cũng xảy ra lần nữa trong cuộc khủng hoảng tài chính thế giới 2007-2009 và đại dịch Covid-19. Khi nền kinh tế phục hồi, rất nhiều người lao động đã tiếp tục theo đuổi cách thức làm việc tương tự. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng nhận ra đây là một xu hướng làm việc gia tăng lợi thế cạnh tranh cho họ thông qua việc có thể điều chỉnh nhu cầu thuê lao động một cách linh hoạt và có chi phí sản xuất rẻ hơn. Kể từ khi nền tảng số đầu tiên ra đời năm 2009 và được sử dụng từ năm 2011, theo thời gian, các trang web online, các nền tảng xã hội (social network), các app công nghệ lần lượt xuất hiện như Upwork, Amazon, Uber... đã tạo nên bước đột phá nhờ áp dụng sự tiến bộ của Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI), Vạn vật kết nối (Internet Of Things – IoT), Dữ liệu lớn (Big Data), Điện toán đám mây (Cloud),... cho phép kết nối trực tiếp nguồn cung và cầu lao động trên toàn thế giới. Những bước tiến đột phá trong các lĩnh vực đó đã phát triển trở thành nền móng cơ sở của mô hình kinh tế mới này (Izabela Ostoj, 2019, tr 386-388).

Trong 10-20 năm gần đây, với sự lớn mạnh không ngừng của các nền tảng kỹ thuật số và các app ứng dụng công nghệ, nền kinh tế Gig đã lan tỏa mạnh mẽ tại nhiều quốc gia phát triển và đang phát triển, bao gồm cả Việt Nam. Ngày nay, các nền tảng số đã trở thành trung gian chính kết nối người sử dụng lao động (doanh nghiệp, nhà thầu, chính phủ, khách hàng cá nhân...) kết nối người lao động tự do qua các dịch vụ vận tải (Grab, Didi, Bee...), dự án lập trình (Clickworker, Freelancer...), các hợp đồng ngắn hạn như dọn nhà, phiên dịch, thu âm được đăng trên

Facebook hay Upwork. Ngân hàng Thế giới (2023) đã thống kê được 545 nền tảng việc làm Gig online trên khắp thế giới, phục vụ khách hàng và người lao động tại 186 quốc gia. Người lao động có thể là những người làm nghề tự do; chuyên gia tư vấn độc lập; các nhà thầu tư nhân; công nhân hợp đồng tạm thời. Họ được tự do lựa chọn địa điểm và thời gian làm việc, đối tác làm việc linh hoạt theo nhu cầu, năng lực và sở thích của họ. Hiện nay, các nhà nghiên cứu (Izabela Ostoj, 2019, tr 386-388) đã phân loại người lao động Gig thành hai nhóm chính:

- Nhóm làm việc online trên các nền tảng điện toán đám mây.
- Nhóm làm việc offline theo các đơn đặt hàng qua các phần mềm di động số.

Nhóm người lao động số một thường là những chuyên gia, lập trình viên, nhà thiết kế, phiên dịch viên... có bằng cấp chuyên môn cao. Họ tiếp nhận các dự án, hoàn thành công việc và kết nối với bên sử dụng lao động trên phạm vi toàn cầu thông qua các nền tảng tương tự như Upwork, Freelancer. Nhóm người lao động số hai, ngược lại, gồm những đối tượng làm các công việc truyền thống không yêu cầu trình độ học vấn cao như lái xe, dọn dẹp, vận chuyển thức ăn qua các phần mềm di động như UberFood, Didi, Grab... Lực lượng lao động này đang trở thành thành phần chính trong nền kinh tế Gig do yêu cầu đầu vào và rào cản gia nhập thấp, cùng với nhu cầu gia tăng của các ngành dịch vụ.

Phương pháp nghiên cứu

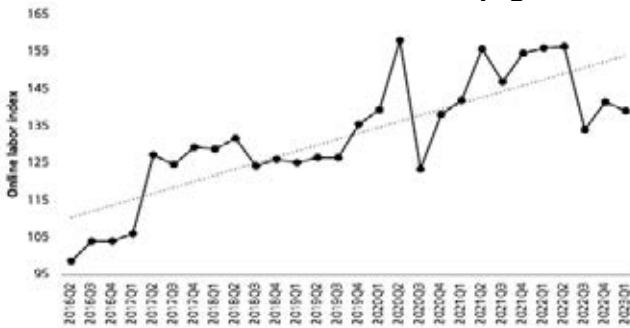
Bài viết sử dụng phương pháp thống kê và so sánh các dữ liệu thứ cấp được tổng hợp thông qua các báo cáo, nghiên cứu của các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế, từ đó đánh giá được sự phát triển và lợi ích nền kinh tế Gig

đem lại. Kết hợp với phương pháp phân tích vấn đề thông qua góc nhìn kinh tế-xã hội để tìm hiểu hiện trạng và các vấn đề nảy sinh. Qua đó, tác giả đưa ra những kết luận và kiến nghị mang tính xây dựng để tận dụng các ích lợi nền kinh tế Gig đem lại cho người lao động và doanh nghiệp, đồng thời giải quyết một phần khó khăn thách thức đang tồn tại.

HIỆN TRẠNG VÀ LỢI ÍCH CỦA NỀN KINH TẾ GIG

Do tính chất đặc thù của nền kinh tế Gig và sự khác biệt trong phương pháp thu thập dữ liệu, rất khó thống kê và đánh giá chính xác số lượng người lao động thuộc về nền kinh tế này. Tuy nhiên, theo báo cáo mới nhất năm 2023 mang tên “Publication: Working Without Borders: The Promise and Peril of Online Gig Work” do Ngân hàng Thế giới tiến hành, số người đang tham gia nền kinh tế Gig nằm trong khoảng 154 triệu đến 435 triệu người, chiếm tỉ lệ 4,4% đến 12,5% nguồn lực lao động toàn cầu. So với thống kê năm 2015 với số lượng khoảng 48 triệu người lao động Gig, có thể thấy rằng lực lượng lao động này đã phát triển thành một bộ phận quan trọng của nguồn nhân lực toàn cầu và nền kinh tế thế giới. Chỉ số nhu cầu sử dụng lao động online cũng tăng thêm 41% trong giai đoạn 2016 đến đầu quý I năm 2023.

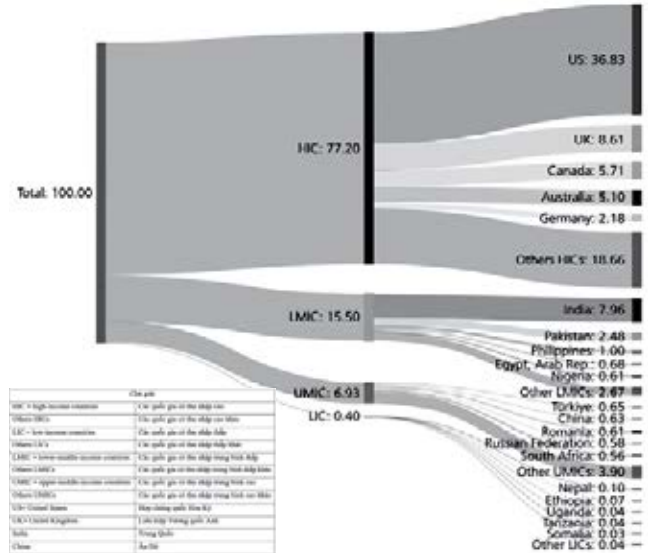
Hình 1: Biểu đồ chỉ số nhu cầu lao động Online



Nguồn : Ngân hàng Thế giới, 2023

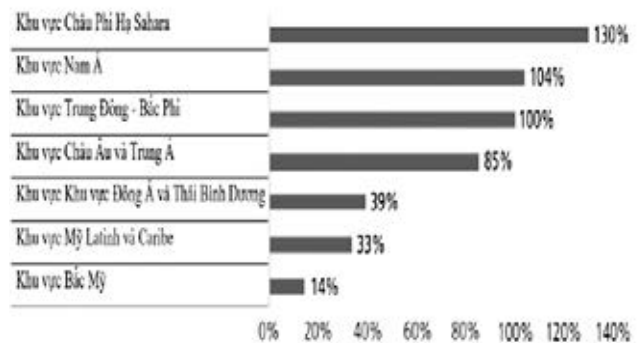
Nhu cầu lao động online của các nước phát triển có thu nhập cao đang chiếm phần lớn tỉ trọng (77,2%) như: Mỹ (36,83%), Vương Quốc Anh (8,61%), Canada (5,71%), Australia (5,1%); theo sau là các quốc gia có thu nhập trung bình thấp (15,5%) và các quốc gia có thu nhập trung bình cao (6,93%). Tuy nhiên, tốc độ phát triển của các nền tảng số và nhu cầu lao động online ở các quốc gia đang phát triển, có thu nhập bình quân vừa và thấp đang tăng trưởng nhanh hơn các quốc gia đã phát triển (Hình 3). Điều này chứng tỏ giá trị và tiềm năng vô hạn của nền kinh tế Gig, đồng thời mở ra khả năng thúc đẩy nền kinh tế tại các quốc gia có thu nhập vừa và thấp, đồng thời thu hẹp khoảng cách thu nhập cao-thấp giữa các quốc gia khác nhau.

Hình 2: Nhu cầu lao động online phân bố theo quốc gia và thu nhập quốc gia năm 2022



Nguồn : Ngân hàng Thế giới, 2023

Hình 3: Tốc độ tăng trưởng việc làm trên các nền tảng lao động số phân bố theo khu vực giai đoạn 2016- 2020



Nguồn : Ngân hàng Thế giới, 2023

Lợi ích của nền kinh tế Gig đối với người lao động

Nền kinh tế Gig cùng với những nền tảng công nghệ online đã định nghĩa lại khái niệm công việc và mở ra nhiều cơ hội việc làm hơn cho người lao động. Đồng thời, loại hình kinh tế mới này cũng đem lại lợi ích cho người sử dụng lao động, doanh nghiệp thông qua việc cắt giảm chi phí môi giới, cho phép môi trường làm việc linh động hơn và hợp đồng việc làm mang tính thời vụ.

Thứ nhất, sự linh hoạt và đa dạng của nền kinh tế Gig cho phép họ có thể cung cấp dịch vụ, sức lao động của mình cho nhiều khách hàng cùng một lúc. Ví dụ như một lái xe Grab Car có thể chở nhiều khách hàng thông qua dịch vụ ghép chuyến của Grab; hay một nhà thiết kế đồ họa có thể nhận nhiều dự án của các công ty khác nhau cùng một lúc, miễn là hoàn thành

trong thời gian hợp đồng quy định. Điều này đồng nghĩa với việc gia tăng thu nhập cho người lao động. Ngoài ra, họ được quyền tự do đàm phán mức thù lao và tự chủ phân phối khối lượng công việc, cường độ lao động, cũng như thời gian làm việc. Các nền tảng số hiện nay có thể phân loại công việc dựa trên kỹ năng, chuyên môn cần áp dụng. Từ đó, người lao động có khả năng tiếp cận các dự án phù hợp với khả năng, sở thích của bản thân và đạt được thu nhập nhờ năng lực và đam mê cá nhân đó. Bên cạnh đó, thông qua hệ thống phân loại và mô tả yêu cầu công việc, người lao động có thể phân tích nhu cầu thực tế của thị trường và phát triển kiến thức chuyên môn để bắt kịp với các xu hướng mới.

Thứ hai, những nhóm người lao động như phụ nữ, người khuyết tật, người nhập cư, người đã đến tuổi hưu trí có nhu cầu tìm kiếm việc làm có thể tận dụng nền kinh tế Gig để giảm bớt những yếu tố cạnh tranh trên thị trường công việc. Trên toàn cầu (Ngân hàng Thế giới, 2022), tỉ lệ nữ giới tham gia lực lượng lao động so với nam giới trên thế giới là 68%. Tại Việt Nam, tỉ lệ này trong giai đoạn 2012-2022 lên tới 85-89%. Với tỉ lệ năm 2022 là 88,06%, điều này đồng nghĩa với mỗi 100 nam giới tham gia lao động cũng sẽ có 88 người phụ nữ đang làm việc. Đồng thời những người lao động nữ cũng phải gánh vác nhiều công việc nhà hơn nam giới. Tổ chức Phụ nữ của Liên Hợp Quốc (2023) đã chỉ ra thời gian dành cho các công việc nhà không công mỗi ngày ở phụ nữ là 275 phút so 170 phút của nam giới. Tính linh hoạt đặc trưng của nền kinh tế Gig hỗ trợ phụ nữ có thể cân bằng tốt hơn công việc và cuộc sống gia đình bao gồm các công việc nội trợ, chăm sóc và đưa đón con nhỏ.

Bên cạnh đó, Việt Nam còn có khoảng 7 triệu người khuyết tật (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 2023). Với sự hỗ trợ không ngừng về mặt chính sách, kinh tế, kỹ thuật và giáo dục đào tạo của các cơ quan bộ, ngành Chính phủ, một bộ phận không nhỏ người khuyết tật hiện nay hoàn toàn có kiến thức và năng lực làm việc như người bình thường. Với các công việc Gig cho phép làm việc tại nhà, họ có thể vượt qua các rào cản tồn tại trong các công việc truyền thống, từ đó nâng cao sự tự chủ và chế tạo nguồn sinh kế ổn định hơn. Điều này không chỉ giúp những người lao động khuyết tật hòa nhập tốt hơn với xã hội, hướng đến cuộc sống đầy đủ và hạnh phúc mà còn giảm bớt gánh nặng bảo trợ xã hội của Ngân quỹ Nhà nước. Tương tự, các đối tượng khác như người già đã về hưu, người nhập cư tại Việt Nam và trên thế giới có thể tận dụng lợi ích của nền kinh tế Gig để gia tăng thu nhập và xây dựng nền tảng tài chính vững chắc hơn.

Lợi ích của nền kinh tế Gig đối với doanh nghiệp

Một là, nền kinh tế Gig cũng cho phép có thể tìm kiếm người lao động, đặc biệt với các công việc, dự án có thể hoàn thành từ xa, từ bất kì quốc gia nào trên thế giới mà không bị trói buộc bởi các giới hạn thông thường như vị trí địa lý, giới tính, tình trạng hôn nhân, quốc tịch, tôn giáo. Theo David và David (2017), sự đa dạng trong lực lượng lao động của một doanh nghiệp chính là một tấm gương phản ánh đặc điểm của người tiêu dùng. Các nhóm người lao động khác nhau có thể thấu hiểu nhu cầu, năng lực và hành vi mua sắm của các nhóm đối tượng khách hàng khác nhau. Do đó, các doanh nghiệp có thể thiết kế, tiếp cận và cung cấp các sản phẩm,

dịch vụ bám sát với nhóm khách hàng mục tiêu trên thị trường nhờ nguồn lực nhân sự đa dạng.

Hai là, nguồn cung lao động đa dạng có thể tăng năng suất, hiệu quả lao động và tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp. Các nhiệm vụ lao động được liệt kê và phân loại trên các nền tảng trực tuyến, các doanh nghiệp có thể lựa chọn người lao động dựa trên trình độ và thù lao lao động. Như vậy, các doanh nghiệp có thể tiết kiệm một phần chi phí tuyển dụng và đào tạo. Với các công việc có độ khó thấp, doanh nghiệp có thể phân phối cho nhóm lao động có trình độ thấp và chỉ yêu cầu thù lao rẻ. Ngược lại, các nhiệm vụ yêu cầu trình độ, kinh nghiệm và năng lực cao có thể được tìm đến các chuyên gia trên toàn thế giới nhờ sự toàn cầu hoá và tiến bộ mạnh mẽ của hệ thống thông tin liên lạc. Với số lượng các nền tảng số và nguồn cung lao động Gig đang tăng trưởng, mức lương cũng dao động theo, cho phép các doanh nghiệp lựa chọn các “gói dịch vụ” đắt hay rẻ tùy theo nhu cầu và năng lực của công ty. Đặc biệt với các doanh nghiệp start-up, các doanh nghiệp vừa và nhỏ không có đủ sức mạnh tài chính để thu hút và giữ chân các chuyên gia tại các vị trí toàn thời gian, các nền tảng số là nguồn cung nhân sự chất lượng với chi phí hợp lý. Ngoài ra, mỗi tổ chức kinh doanh đều có các tháng cao điểm trong năm. Sử dụng lao động Gig trong giai đoạn này là một trong các biện pháp tiết kiệm mà vẫn đảm bảo hiệu quả vận hành của doanh nghiệp.

NHỮNG VẤN ĐỀ NẢY SINH TRONG NỀN KINH TẾ GIG

Thứ nhất, tính chất phi truyền thống của nền kinh tế Gig, có nghĩa là người lao động sẽ được phân loại như các nhà thầu tư nhân hay các lao động tự do. Điều này,

ảnh hưởng đến vấn đề thuế thu nhập và các quỹ phúc lợi xã hội theo Luật Lao Động. Người lao động Gig có thể sẽ phải tự tiếp cận với các phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, quỹ hưu trí, các chương trình đào tạo mà các doanh nghiệp thường cung cấp cho nhân viên của họ. Các nền tảng số, ở một mức độ nào đó, có thể sử dụng các thuật toán để phân phối, quản lý, giám sát công việc. Điều này tương tự như một phần của mối quan hệ lao động thông thường giữa “nhân viên” và “doanh nghiệp”. Tuy nhiên, một số nền tảng số không kí hợp đồng lao động và trở thành chủ lao động. Các nền tảng này chỉ hoạt động như bên trung gian kết nối doanh nghiệp với người lao động và thu phí dựa trên hoạt động này. Điều này có nghĩa là các nền tảng không phải gánh trách nhiệm nộp thuế, cung cấp các loại quỹ bảo hiểm, hay bảo vệ người lao động Gig trong các trường hợp tai nạn xảy ra. Theo Ngân hàng Thế giới (2023), tại nhiều quốc gia đang phát triển, nơi chế độ an sinh xã hội còn chưa hoàn thiện, tỉ lệ người lao động tự do tự tham gia các chương trình an sinh công cộng còn thấp. Điều này tiềm ẩn các rủi ro về mặt lâu dài cho người lao động khi họ về hưu hay gặp các vấn đề về sức khỏe hay tai nạn.

Thứ hai, mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động trở nên thiếu bền vững vì đặc trưng nền kinh tế Gig là các công việc mang tính thời vụ và linh hoạt. Người lao động tự do phải gánh chịu nhiều rủi ro hơn so với nhân viên các doanh nghiệp thông thường vì sự an toàn của một công việc bị xóa bỏ (Guyen và các cộng sự, 2020). Sau khi dự án hay nhiệm vụ kết thúc,

không có gì đảm bảo doanh nghiệp sẽ tiếp tục liên lạc và tái làm việc với người lao động Gig. Họ sẽ phải vừa hoàn thành nhiệm vụ hiện tại, vừa phải liên tục tìm kiếm các công việc tiếp theo để đảm bảo thu nhập. Mặt khác, người lao động toàn thời gian truyền thống cũng sẽ lâm vào tình trạng bấp bênh hơn vì phải cạnh tranh với nhân viên thời vụ Gig - nguồn lao động chấp nhận mức lương rẻ hơn và có sự linh hoạt hơn về khả năng tuyển dụng. Theo định hướng tái cấu trúc mang tính chiến lược dài hạn, các doanh nghiệp thường có xu hướng cắt giảm các chi phí, trong đó có chi phí nhân sự hoặc thuê ngoài (outsourcing) để tăng lợi nhuận và đảm bảo sự tồn tại của mình trong thị trường.

Thứ ba, còn tồn tại việc bóc lột nhân viên do thiếu hụt các quy định và tiêu chuẩn về hợp đồng lao động và việc làm Gig, các tổ chức bảo vệ quyền lợi lao động phi truyền thống nói chung và lao động Gig nói riêng. Quyền lực thương lượng tập thể (Collective bargaining) để đảm bảo lợi ích nhóm thường được diễn ra giữa đại diện người lao động, thường là công đoàn và doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong nền kinh tế Gig, việc thành lập các tổ chức thống nhất để bảo vệ quyền lợi cho người lao động Gig rất khó khăn do đặc điểm thời vụ không thường xuyên, linh hoạt, tính kĩ thuật số và trải rộng toàn cầu của nền kinh tế Gig (Novitz, 2020). Chỉ riêng tính khác biệt về luật pháp giữa các quốc gia đã đặt ra thách thức không nhỏ cho việc quản lý và bảo vệ quyền lợi chính đáng của cả hai bên người lao động và người sử dụng lao động. Các tổ chức công đoàn truyền thống có thể đoàn kết người lao động thường hoạt động theo khu vực và thường không thể theo dõi hoạt động mang tính

toàn cầu hoá của nền kinh tế Gig. Vì vậy, người lao động Gig khó có thể đoàn kết và duy trì lợi thế đàm phán để bảo vệ quyền lợi bản thân. Ngoài ra, các lao động Gig không chỉ tham dự một nền tảng số để tiếp nhận công việc. Sự đan xen và phức tạp của vị trí địa lý và các nền tảng online, sự thiếu hụt các tổ chức mang tính chất tương tự công đoàn, sức ảnh hưởng ít ỏi của một cá nhân không đủ để bảo vệ quyền lợi chung cho cả một nhóm. Điều này có thể dẫn tới sự bóc lột lao động thông qua việc đè thấp mức lương tối thiểu, không đóng các khoản phí bảo hiểm và an sinh xã hội cho người lao động Gig.

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Đối với các cơ quan Nhà nước

Chính phủ và các bộ ngành hoạch định chính sách có thể hợp tác với các nền tảng số để tiếp cận người lao động phi truyền thống và người lao động Gig. Các nền tảng việc làm này thường lưu trữ thông tin cá nhân, phương thức liên hệ cũng như tài khoản số tiếp nhận thù lao lao động. Các dữ liệu này vô cùng cần thiết và hữu ích trong việc xác nhận, truy thu, đăng kí và xây dựng các chính sách thuế, bảo hiểm và an sinh cho người lao động (Ng'weno và Porteus, 2018). Các nền tảng số có thể hợp tác với chính phủ các quốc gia như một kênh trung gian để người lao động tự do tìm hiểu, tham gia chương trình an sinh xã hội như bảo hiểm y tế công cộng, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Ngược lại, Nhà Nước có thể thông qua các nền tảng này cung cấp các loại hỗ trợ trực tiếp như các khoản chi trả bảo hiểm và phúc lợi công cộng, các chương trình đào tạo học nghề, tìm kiếm việc làm, nâng cao tri thức

cho người lao động Gig. Điều này đảm bảo các quyền lợi thiết yếu của người lao động và duy trì sự ổn định kinh tế-xã hội.

Đồng thời, các chính sách và quy định quản lý kinh tế Gig, Bảo hiểm xã hội, Thuế... cũng cần được nghiên cứu, cập nhật và phổ cập rộng rãi để theo kịp sự phát triển nhanh chóng của kinh tế. Đây là vấn đề cấp thiết để đảm bảo Ngân sách của Nhà Nước, tránh các trường hợp thất thoát do thiếu kiến thức, mập mờ, trốn thuế của người lao động, doanh nghiệp và các nền tảng trung gian.

Đối với các cơ sở giáo dục và người lao động

Xu hướng hội nhập toàn cầu trong nền kinh tế Gig đã đặt ra một số yêu cầu mới với người lao động, đặc biệt là thế hệ trẻ thường có xu hướng tìm kiếm sự tự do trong công việc và tự chủ tài chính sớm. Điều này đặt ra các mục tiêu cho các cơ sở giáo dục như các trường đại học, học viện, cao đẳng cần tập trung đào tạo các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên để có thể tiếp cận và nắm bắt cơ hội việc làm. Ngôn ngữ đã và đang trở thành một rào cản lớn với người lao động trẻ trong quá trình học hỏi kinh nghiệm, hòa nhập và tìm kiếm việc làm trên các nền tảng số mang tính toàn cầu (Ngân hàng Thế giới, 2023). Việc sử dụng thành thạo một loại ngôn ngữ phổ biến toàn cầu như tiếng Anh để tìm kiếm cơ hội, trao đổi công tác với đồng nghiệp, hiểu biết yêu cầu của khách hàng trở thành một nhu cầu cấp thiết trong nền kinh tế Gig.

Bên cạnh đó, chương trình đào tạo cũng nên được thiết kế để trang bị vững vàng cả về kiến thức chuyên môn và thực hành cho người học, tăng cường áp dụng các ứng dụng của khoa học kỹ thuật như phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, Big Data... để nâng cao

hiệu suất và hiệu quả công việc, bắt kịp với xu hướng và nhu cầu đa dạng trong nền kinh tế Gig. Các môn học như Thuế và Hệ thống Thuế, Pháp luật đại cương, Pháp luật doanh nghiệp... cần được đổi mới và tăng cường giảng dạy các trường hợp thực tế, giúp người học hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân khi tham gia thị trường lao động nói chung và thị trường việc làm Gig nói riêng.

Ngoài ra, do tính chất thời vụ, để đảm bảo số lượng công việc duy trì thu nhập, người lao động Gig cần được tăng cường đào tạo các kỹ năng mềm như: Kỹ năng giao tiếp, tạo lập và duy trì mối quan hệ với đối tác, kỹ năng hợp tác và đàm phán với khách hàng, tác phong làm việc chuyên nghiệp để khách hàng tái ký hợp đồng và đề xuất thêm các đối tác mới. Các định hướng này cần là một bộ phận quan trọng trong chương trình đào tạo cho học sinh, sinh viên để có thể tự tin đương đầu với các thách thức, biến đổi của thị trường lao động trong tương lai./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội (2023), *Hoàn thiện cơ chế pháp luật về người khuyết tật*, truy cập ngày 15/3/2024 từ <https://www.molisa.gov.vn/baiviet/239512>
2. Fred R. David and Forest R. David (2017), *Strategic Management Concepts and Cases: A Competitive Advantage Approach*, (16th edition), Florence, SC: Pearson education
3. Guven, Melis, Himanshi Jain, Jehan Arulpragasam, and Iffath Sharif (2020), *Social Insurance for the Informal Sector Can Be a Lifeline for Millions in Africa*, World Bank blog, truy cập ngày 15/3/2024 từ <https://blogs.worldbank.org/en/african/social-insurance-informal-sector-can-be-lifeline-millions-africa>
4. Izabela Ostoj (2019), *THE GROWTH OF THE GIG ECONOMY – BENEFITS AND TREATS TO LABOR*, 41st International Scientific Conference on Economic and Social Development, Belgrade, 386-388.
5. LinkedIn (2023), *2023 Global Gig Economy Market Share, Demand, and*

SWOT: 2030 Outlook, truy cập ngày 16/3/2024 từ <https://www.linkedin.com/pulse/2023-global-gig-economy-market-share-demand-swot#:~:text=%E2%80%9CThe%20global%20Gig%20Economy%20market,Freelancer>

6. Ng'weno, A., and Porteous, D. (2018), *Let's Be Real: The Informal Sector and the Gig Economy Are the Future, and the Present, of Work in Africa*, Center for Global Development, truy cập ngày 15/3/2024 từ <https://www.cgdev.org/publication/lets-be-real-informal-sector-and-gig-economy-are-future-and-present-work-africa>

7. Ngân Hàng Thế Giới (2022), *Ratio of female to male labor force participation rate (%) (national estimate)*, truy cập ngày 13/3/2024 từ <https://data.worldbank.org/indicator/SL.TLF.CACT.FM.NE.ZS>

8. Ngân Hàng Thế Giới, *Publication: Working Without Borders: The Promise and Peril of Online Gig Work*, truy cập ngày 13/3/2024 từ <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/40066>

9. Novitz, T. (2020), *The Potential for International Regulation of Gig Economy Issues*, *King's Law Journal*, 31 (2), 275–86, truy cập ngày 13/3/2024 từ <https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/09615768.2020.1789442>

10. Phạm Văn Hiếu (2023), *Người lao động trong nền kinh tế GIG: cơ hội và thách thức cho thị trường lao động Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Dự Báo, số 16, tháng 6/2023, truy cập ngày 16/3/2024 từ <https://kinhtevadubao.vn/nguoi-lao-dong-trong-nen-kinh-te-gig-co-hoi-va-thach-thuc-cho-thi-truong-lao-dong-viet-nam-27981.html>

11. Stanley Lebergott (1948), *Labor force, employment, and unemployment, 1929–39: estimating methods*, U.S. Bureau of Labor Statistics, truy cập ngày 11/3/2024 từ <https://www.bls.gov/opub/mlr/1948/article/pdf/labor-force-employment-and-unemployment-1929-39-estimating-methods.pdf>

12. Tổ chức Phụ nữ của Liên Hiệp Quốc (2023), *Strategic Note Brochure - UN Women Viet Nam (2022 - 2026)*, truy cập ngày 16/3/2024 từ <https://vietnam.un.org/en/248861-strategic-note-brochure-un-women-viet-nam-2022-2026>

13. Từ điển Cambridge (n.d), *Meaning of gig economy in English*, truy cập ngày 11/3/2024 từ https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/gig-economy#google_vignette

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SINH LỜI VỐN KINH DOANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP LOGISTICS NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

ThS. Trần Thu Hằng

Trường Đại học Công nghệ Đông Á

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm phân tích thực trạng quy mô vốn kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2019 - 2023, từ đó đánh giá khái quát khả năng sinh lời vốn kinh doanh của các doanh nghiệp này.

Từ khóa: logistics, doanh nghiệp logistics niêm yết, vốn kinh doanh, khả năng sinh lời.

Đặt vấn đề

Nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2019 – 2023 có thể chia thành 02 phân đoạn có sự biến động ngược chiều nhau. *Thứ nhất*, phân đoạn 2019 – 2021, nền kinh tế chịu tác động nghiêm trọng từ đại dịch Covid-19, khi các biện pháp ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh đã gây ra những ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động logistics, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, đình trệ các hoạt động kinh doanh, sụt giảm doanh thu, kim ngạch xuất khẩu cũng như thu hẹp quy mô sản xuất và cắt giảm lao động. *Thứ hai*, phân đoạn 2022 – 2023, nền kinh tế phục hồi sau đại dịch, việc phát triển mạnh mẽ ngành công nghiệp phụ trợ, hoạt động thương mại điện tử gia tăng sẽ khiến logistics trở thành một lĩnh vực thu hút đầu tư và có nhiều cơ hội phát triển; đồng thời, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EU) EVFTA cũng mang đến nhiều cơ hội và ưu đãi dành cho các doanh nghiệp logistics. Như vậy, có thể thấy sự biến động của nền kinh tế có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngành logistics.

Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên mẫu gồm 39 doanh nghiệp logistics niêm yết, trong đó có 17 doanh nghiệp niêm yết tại sàn HNX và 22 doanh nghiệp niêm yết tại sàn HOSE.

Về quy mô vốn kinh doanh

Đối với các doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HNX, qua biểu đồ 01 có thể thấy: Nhìn chung

giai đoạn 2019-2023, phần lớn các doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HNX có quy mô kinh doanh dưới 1.000 tỷ đồng (chiếm 88%).

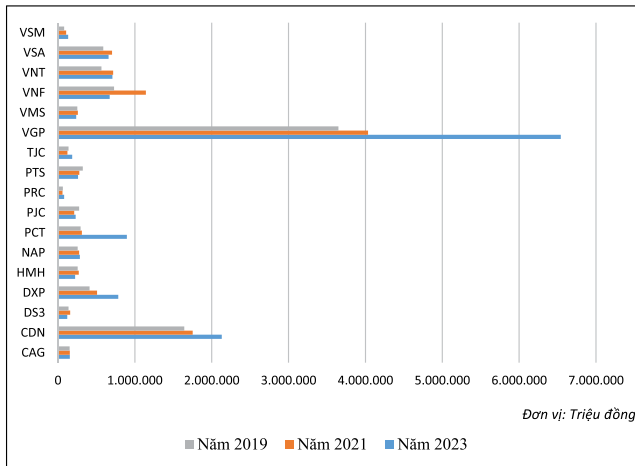
Trong phân đoạn 2019-2021, với sự bùng nổ của đại dịch Covid-19 các doanh nghiệp logistics vẫn tăng quy mô vốn kinh doanh (chiếm 76%), trong đó: Tăng mạnh nhất là Công ty cổ phần Vinafreight (VNF) với 413 tỷ đồng, tăng 57%, có 04 doanh nghiệp (chiếm 24%) giảm quy mô vốn kinh doanh; trong đó giảm mạnh nhất là Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội (PJC) với 62 tỷ đồng, giảm 23%.

Trong phân đoạn 2022-2023 với sự phục hồi của nền kinh tế sau đại dịch Covid-19, 100% các doanh nghiệp logistics đã tăng quy mô vốn kinh doanh, trong đó tăng mạnh nhất là Công ty Cổ phần Cảng Rau quả (VGP), vốn kinh doanh trung bình năm 2023 so với năm 2021 đã tăng 6.511 tỷ đồng, tăng 161%.

Đối với các doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HOSE, qua biểu đồ 02 có thể thấy: phần lớn các doanh nghiệp có quy mô kinh doanh trên 1.000 tỷ đồng (chiếm 68%).

Trong phân đoạn thời gian bùng nổ đại dịch Covid-19, hầu hết các doanh nghiệp logistics cũng vẫn tăng quy mô vốn kinh doanh (chiếm 73%), trong đó: Tăng mạnh nhất là Công ty cổ phần Hàng không VietJet (VJC) với 4.453 tỷ đồng, tăng 10%; có 06 doanh nghiệp (chiếm 23%) giảm quy mô vốn kinh doanh, trong đó giảm mạnh nhất là Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO (VTO) với mức giảm 2.051 tỷ đồng, giảm 54%.

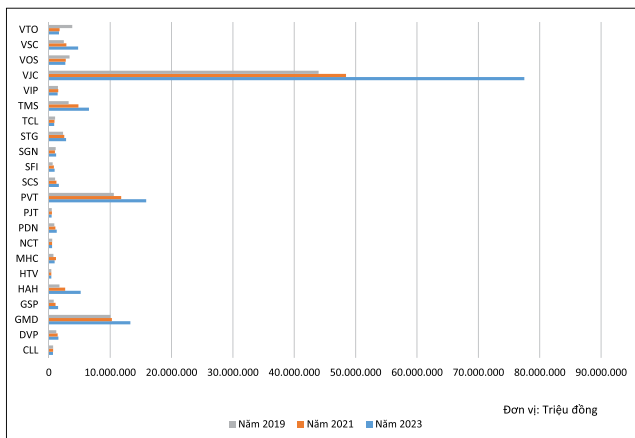
Biểu đồ 01: Quy mô vốn kinh doanh của doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HNX



(Nguồn: Tổng hợp BCTC các công ty niêm yết)

Trong phân đoạn thời gian phục hồi nền kinh tế sau đại dịch Covid-19, 100% các doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HOSE đều tăng quy mô vốn kinh doanh, trong đó tăng mạnh nhất vẫn là Công ty cổ phần Hàng không VietJet (VJC), vốn kinh doanh trung bình năm 2023 so với trung bình năm 2021 đã tăng 55.181 tỷ đồng với tỷ lệ tăng 114%.

Biểu đồ 02: Quy mô vốn kinh doanh của doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HOSE



(Nguồn: Tổng hợp BCTC các công ty niêm yết)

Về lợi nhuận sau thuế

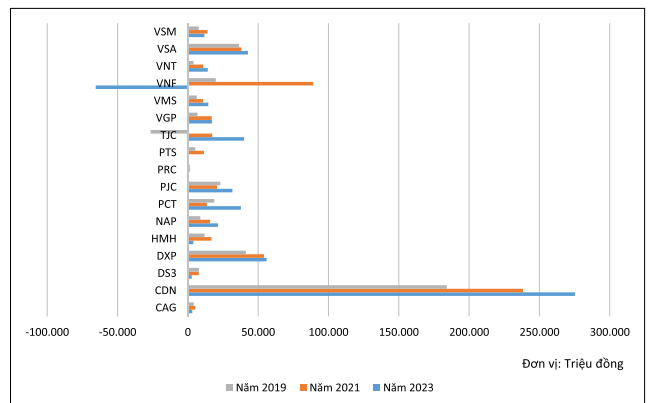
Trên sàn HNX, qua biểu đồ 03 có thể thấy: Nhìn chung giai đoạn 2019-2023, kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp logistics đều có lãi. Năm 2023, công ty có lãi lớn nhất là Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng (CDN) với số tiền là 275 tỷ đồng. Riêng có Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC) bị lỗ năm 2019 và Công ty cổ phần Vinafreight (VNF) bị lỗ năm 2023. Mặc dù hầu hết các công ty logistics

kinh doanh đều có lãi nhưng lợi nhuận cũng có sự biến động như sau:

Trong phân đoạn 2019-2021, có 76% doanh nghiệp logistics tăng lợi nhuận sau thuế, trong đó tăng mạnh nhất là Công ty cổ phần Vinafreight (VNF), tăng 69 tỷ đồng với tỷ lệ 351%. Có 04 doanh nghiệp (chiếm 24%) giảm lợi nhuận sau thuế, trong đó giảm mạnh nhất là Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific (PCT), giảm 5 tỷ đồng với tỷ lệ 28%.

Trong phân đoạn 2022-2023, có 59% doanh nghiệp logistics tăng lợi nhuận sau thuế, trong đó tăng mạnh nhất là Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng (CDN) có lợi nhuận sau thuế năm 2023 so với năm 2021 đã tăng 37 tỷ đồng, với tỷ lệ 16%. Có 07 doanh nghiệp (chiếm 41%) giảm lợi nhuận sau thuế, trong đó giảm mạnh nhất là Công ty cổ phần Vinafreight (VNF), giảm 155 tỷ đồng với tỷ lệ 173%.

Biểu đồ 03: Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HNX



(Nguồn: Tổng hợp BCTC các công ty niêm yết)

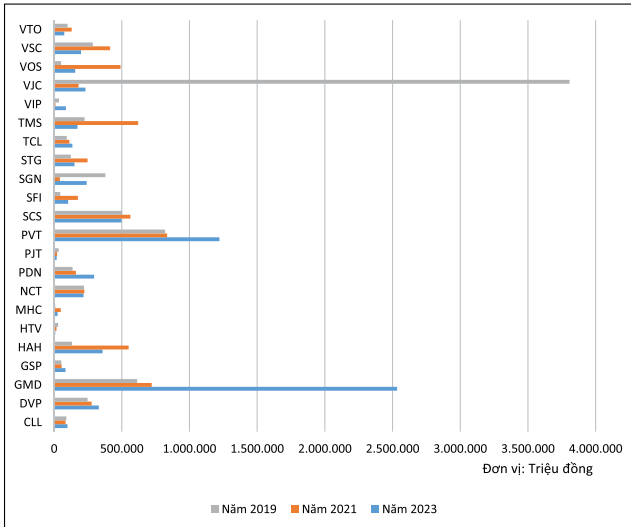
Trên sàn HOSE, kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp logistics niêm yết giai đoạn 2019-2023 đều có lãi. Năm 2023, Công ty Cổ phần Gemadept (GMD) có số lãi lớn nhất là 2.534 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp trong giai đoạn này có chiều hướng biến động như sau:

Trong phân đoạn 2019-2021, 73% doanh nghiệp logistics tăng lợi nhuận sau thuế, tăng mạnh nhất là Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOS), tăng 439 tỷ đồng với tỷ lệ 860%. Có 07 doanh nghiệp (chiếm 27%) giảm lợi nhuận sau thuế, trong đó giảm mạnh nhất là Công ty cổ phần Hàng không VietJet (VJC), giảm 3.627 tỷ đồng với tỷ lệ 95%.

Trong phân đoạn 2022-2023, là giai đoạn nền kinh tế phục hồi nhưng chỉ có 45% doanh nghiệp logistics tăng lợi nhuận sau thuế, trong đó tăng mạnh nhất là Công ty Cổ phần Gemadept (GMD), năm 2023 lợi nhuận sau thuế tăng 1.813 tỷ đồng với tỷ lệ 252%.

Có 12 doanh nghiệp (chiếm 55%) giảm lợi nhuận sau thuế, trong đó giảm mạnh nhất là Công ty Cổ phần Transimext (TMS), giảm 448 tỷ đồng với tỷ lệ 72%.

Biểu đồ 04: Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HOSE

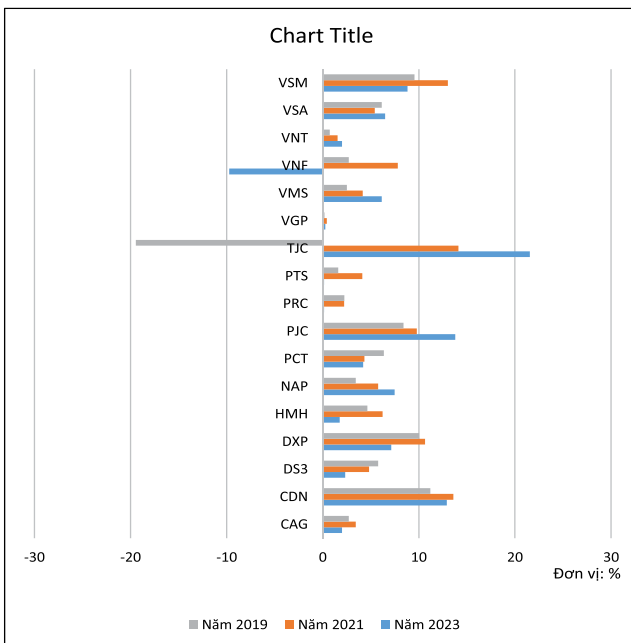


(Nguồn: Tổng hợp BCTC các công ty niêm yết)

Về khả năng sinh lời của vốn kinh doanh

Hệ số khả năng sinh lời của vốn kinh doanh (ROA) là chỉ tiêu phản ánh bình quân 1 đồng vốn kinh doanh sử dụng trong kỳ sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này càng cao cho thấy hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh càng cao.

Biểu đồ 05: Khả năng sinh lời tài sản của doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HNX

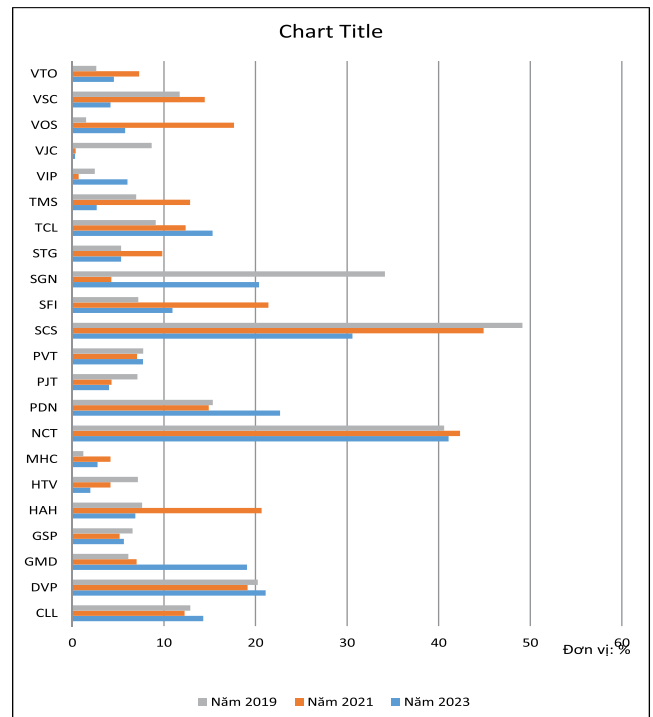


(Nguồn: Tổng hợp BCTC các công ty niêm yết)

Trên sàn HNX, trong phân đoạn 2019-2021, có 76% doanh nghiệp logistics tăng ROA, trong đó Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC) là doanh nghiệp có ROA cao nhất và sự gia tăng của ROA cũng cao nhất. Cụ thể ROA năm 2021 của TJC là 14,11%, tăng 33,56% so với năm 2019. Đạt được kết quả này là do trong giai đoạn này TJC đã giảm quy mô vốn kinh doanh nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn tăng. Có 04 doanh nghiệp (chiếm 24%) giảm ROA, trong đó giảm mạnh nhất là Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific (PCT), nguyên nhân là do năm 2021 công ty đã tăng quy mô vốn kinh doanh nhưng lợi nhuận sau thuế lại bị giảm mạnh.

Trong phân đoạn 2022-2023, có 35% doanh nghiệp logistics tăng ROA, trong đó Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC) vẫn là doanh nghiệp có ROA cao nhất và sự gia tăng của ROA cũng cao nhất. Cụ thể ROA năm 2023 của TJC là 21,54%, tăng 7,44% so với năm 2021. Trong giai đoạn này, TJC đã tăng cả quy mô vốn kinh doanh và lợi nhuận sau thuế nhưng lợi nhuận sau thuế có sự gia tăng cao hơn sự gia tăng của vốn kinh doanh. Có 11 doanh nghiệp (chiếm 65%) giảm ROA, trong đó giảm mạnh nhất là Công ty cổ phần Vinafreight (VNF), ROA giảm 17,53%, nguyên nhân là do năm 2023 công ty đã tăng quy mô vốn kinh doanh nhưng lợi nhuận sau thuế lại bị giảm mạnh.

Biểu đồ 06: Khả năng sinh lời tài sản của doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HOSE



(Nguồn: Tổng hợp BCTC các công ty niêm yết)

Trên sàn HOSE, trong phân đoạn 2019-2021, có 50% doanh nghiệp logistics tăng ROA, trong đó Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCS) là doanh nghiệp có ROA cao nhất, đạt mức 44,91% ở năm 2021. Tuy nhiên, doanh nghiệp có ROA tăng mạnh nhất là Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOS), ROA năm 2021 tăng 16,14% so với năm 2019. Đạt được kết quả này là do trong giai đoạn này VOS đã giảm quy mô vốn kinh doanh nhưng lợi nhuận sau thuế lại tăng rất lớn. Trong số 50% doanh nghiệp còn lại giảm ROA, thì giảm mạnh nhất là Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (SGN), ROA năm 2021 giảm 29,87% so với năm 2019, nguyên nhân là do năm 2021 công ty đã giảm quy mô vốn kinh doanh, lợi nhuận sau thuế cũng bị giảm nhưng lợi nhuận sau thuế có tốc độ giảm lớn hơn.

Trong phân đoạn 2022-2023, có 41% doanh nghiệp logistics tăng ROA, trong đó Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (NCT) là doanh nghiệp có ROA lớn nhất, đạt mức 41,09% và Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế (SGN) là doanh nghiệp có ROA tăng mạnh nhất, ROA năm 2023 của SGN tăng 16,13% so với năm 2021. Năm 2023 SGN đã tăng cả quy mô vốn kinh doanh và lợi nhuận sau thuế nhưng lợi nhuận sau thuế có tốc độ tăng cao hơn so với vốn kinh doanh. Trong số 59% doanh nghiệp còn lại có ROA giảm thì giảm mạnh nhất là Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCS), ROA giảm 14,33%, nguyên nhân là do năm 2023 công ty đã tăng quy mô vốn kinh doanh nhưng lợi nhuận sau thuế lại bị giảm mạnh.

Kết luận

Qua phân tích khả năng sinh lời vốn kinh doanh của doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2019 – 2023 có thể thấy các doanh nghiệp đều đã có những phản ứng trong từng bối cảnh cụ thể của nền kinh tế. Trong giai đoạn khó khăn chịu tác động lớn bởi đại dịch Covid-19 nhưng phần lớn các doanh nghiệp logistics niêm yết vẫn tăng quy mô vốn kinh doanh và gia tăng lợi nhuận. Trong giai đoạn phục hồi nền kinh tế, 100% các doanh nghiệp này đều tăng quy mô vốn kinh doanh, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế tăng trưởng chậm hơn thậm chí giảm, đã làm giảm ROA của hơn 50% doanh nghiệp niêm yết. Mặc dù vậy, kết quả này vẫn được các chuyên gia đánh giá là phù hợp với triển vọng phát triển nền kinh tế./.

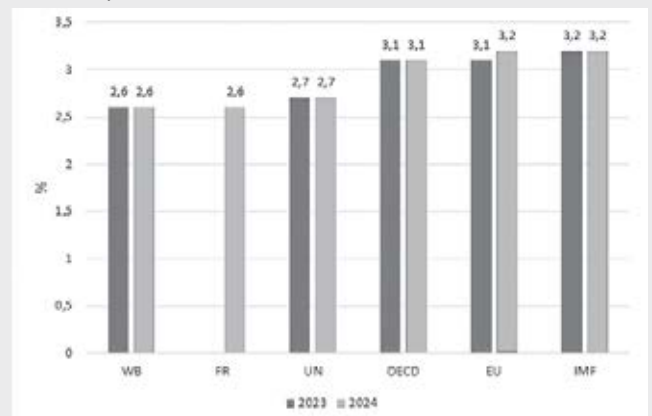
Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Văn Vân (2015), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.
2. Báo cáo tài chính của 39 doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2024 lạc quan hơn so với các dự báo đưa ra trước đó

Tại thời điểm tháng 6/2024, các tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan hơn về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 so với các dự báo đưa ra trước đó. Cụ thể, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2024 đạt 2,6% (tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo tháng 01/2024); Fitch Ratings (FR) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 đạt 2,6%, tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 3/2024; Liên Hợp Quốc (UN) nhận định nền kinh tế thế giới đạt mức tăng trưởng 2,7% trong năm 2024 (tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo tháng 01/2024); Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 3,1% (tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo tháng 02/2024); Liên minh châu Âu (EU) dự báo kinh tế toàn cầu năm 2024 tăng trưởng 3,2% (tăng 0,1 điểm phần trăm so với tăng trưởng năm 2023); Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) nhận định nền kinh tế thế giới đạt mức tăng trưởng 3,2% năm 2024, điều chỉnh tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo tháng 01/2024.

Hình 1. Đánh giá tăng trưởng toàn cầu năm 2023 và dự báo năm 2024 của các tổ chức quốc tế



Nguồn: WB, FR, UN, OECD, EU và IMF

Tổng quan biến động thị trường thế giới

Thương mại hàng hóa toàn cầu cải thiện dần trong năm 2024

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) nhận định tăng trưởng thương mại sẽ cải thiện dần trong năm 2024 bất chấp xung đột khu vực và căng thẳng địa chính trị. Khối lượng thương mại hàng hóa thế giới dự báo tăng 2,6% trong năm 2024 và 3,3% trong năm 2025 do nhu cầu giao dịch hàng hóa tăng trở lại sau khi suy giảm vào năm 2023. Giá năng lượng cao và lạm phát kéo dài đã tác động đến nhu cầu đối với hàng hóa sản xuất phục vụ thương mại, nhưng nhu cầu này

TRIỂN VỌNG KINH TẾ TOÀN CẦU NĂM 2024 LẠC QUAN HƠN SO VỚI CÁC DỰ BÁO ĐƯA RA TRƯỚC ĐÓ



sẽ phục hồi khi áp lực lạm phát giảm bớt và thu nhập thực tế của hộ gia đình được cải thiện.

WB dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu đạt 2,5% trong năm 2024, cải thiện đáng kể so với mức 0,2% của năm trước nhưng vẫn thấp hơn tốc độ trung bình của hai thập kỷ trước đại dịch (2000-2019).

Lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm về mức mục tiêu

OECD nhận định lạm phát chung đã giảm ở hầu hết các nền kinh tế nhờ thực hiện các chính sách thắt chặt tiền tệ, giá năng lượng thấp hơn và áp lực chuỗi cung ứng tiếp tục giảm. Lạm phát thực cũng giảm mạnh ở hầu hết các quốc gia do bội thu các loại cây trồng chủ chốt như lúa mì và ngô. Lạm phát trung bình của các nền kinh tế phát triển giảm từ 9,9% trong Quý IV/2022 xuống còn 3,0% trong Quý I/2024. Lạm phát ở Trung Quốc vẫn ở mức rất thấp, chỉ 0,1% trong tháng 03/2024. Khoảng 1/3 nền kinh tế trên toàn cầu có lạm phát chung hiện ở mức bằng hoặc dưới mức mục tiêu. WB và IMF cùng đồng quan điểm khi cho rằng lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm nhưng vẫn ở trên mức mục tiêu ở hầu hết các nền kinh tế phát triển và ở khoảng 1/4 các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi. IMF tính toán lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ giảm từ mức trung bình 6,8% vào năm 2023 xuống còn 5,9% vào năm 2024.

Theo WB, dự báo giá hàng hóa trung bình sẽ giảm nhẹ nhờ nguồn cung được cải thiện. Rủi ro địa chính trị tiếp diễn khiến giá dầu Brent trung bình được dự báo ở mức 84 USD/thùng trong năm 2024 trong bối cảnh OPEC+ cắt giảm một phần nguồn cung. Giá khí đốt tự nhiên đã giảm gần 28% trong Quý I/2024 so với quý trước, trong bối cảnh sản xuất tăng trưởng mạnh, thời tiết mùa đông ôn hòa và hàng tồn kho tăng cao. Giá khí đốt tự nhiên của Hoa Kỳ dự báo sẽ ổn định trong thời gian tới. Giá khí đốt tự nhiên ở châu Âu tăng trở lại trong Quý II/2024, phản ánh rủi ro nguồn cung dai dẳng liên quan đến xung đột đang diễn ra.

Hầu hết giá kim loại tương đối ổn định trong Quý I/2024. Tuy nhiên, trong số các kim loại quý, giá vàng đạt mức cao kỷ lục, bởi những lo ngại về địa chính trị và lực mua của các ngân hàng trung ương. Trong Quý II/2024, giá đồng đô la Mỹ tăng cao kỷ lục do lo ngại về nguồn cung, giá nhôm tiêu chuẩn tăng vọt sau khi áp dụng các lệnh trừng phạt mới đối với Liên bang Nga. Giá kim loại, ngoại trừ kim loại quý, được dự báo sẽ ít thay đổi trong giai đoạn 2024-2025, nhưng vẫn cao hơn nhiều so với mức trước đại dịch.

Giá hàng hóa nông nghiệp gần như không đổi trong Quý I/2024 và giá nông nghiệp trung bình dự báo sẽ giảm trong năm 2024 và 2025. Giá lương thực, thực phẩm

được dự báo giảm 6% trong năm 2024, phản ánh nguồn cung dồi dào về ngũ cốc và dầu ăn. Tuy nhiên, thời tiết không ổn định và các hạn chế hoặc gián đoạn thương mại ngày càng tăng có thể đẩy giá cao hơn. Chỉ số giá lương thực, thực phẩm của FAO (FFPI) đạt mức 120,4 điểm trong tháng 5/2024, tăng 1,1 điểm (0,9%) so với tháng 4/2024. Mặc dù tăng nhẹ so với tháng trước, FFPI trong tháng 5/2024 vẫn giảm 3,4% so với cùng kỳ năm trước và thấp hơn 24,9% so với mức đỉnh 160,2 điểm trong tháng 3/2022.

Điều kiện tài chính đã nói lỏng

OECD cho rằng các điều kiện tài chính toàn cầu gần đây đã nói lỏng nhưng lãi suất thực vẫn ở mức cao. Sau khi giảm vào cuối năm 2023, ở hầu hết các nền kinh tế, lợi suất trái phiếu chính phủ dài hạn danh nghĩa đã tăng kể từ đầu năm 2024, phản ánh sự thay đổi kỳ vọng của thị trường về lộ trình tương lai của lãi suất chính sách ở các nền kinh tế phát triển lớn và gia tăng phí bảo hiểm định kỳ. Đồng đô la Mỹ đã tăng giá về mặt danh nghĩa kể từ tháng 01/2024 kéo theo sự mất giá tiền tệ ở các thị trường mới nổi có lạm phát cao. WB đồng quan điểm với OECD khi cho rằng các điều kiện tài chính toàn cầu đã dịu bớt kể từ năm 2023.

Tỷ lệ thất nghiệp đạt mức thấp

Theo UN, trong 4 tháng đầu năm 2024, tỷ lệ thất nghiệp đạt mức thấp và một số lĩnh vực

đang thiếu hụt lao động trầm trọng. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) điều chỉnh dự báo về tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu năm 2024, ở mức 4,9%, giảm 0,3 điểm phần trăm so với dự báo 5,2% trong tháng 11/2023. Điều chỉnh này chủ yếu xuất phát từ tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn dự kiến ở Trung Quốc, Ấn Độ và các nước có thu nhập cao. Tỷ lệ thất nghiệp 4,9% đồng nghĩa có 402 triệu người không có việc làm nhưng muốn làm việc trong năm 2024, trong đó 183 triệu người thất nghiệp, 137 triệu người nằm trong lực lượng lao động tiềm năng và 82 triệu người đang trong độ tuổi lao động, nhưng không mong muốn tìm việc. Ước tính của ILO cho thấy thị trường lao động toàn cầu vẫn thiếu hụt việc làm đáng kể.

Một số nhân tố rủi ro tác động tới triển vọng kinh tế thế giới

WB chỉ ra năm nhân tố rủi ro chính làm giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong thời gian tới, gồm:

Thứ nhất, gia tăng xung đột vũ trang và rủi ro địa chính trị. Rủi ro liên quan đến xung đột vũ trang đã tăng mạnh do xung đột đang diễn ra ở Trung Đông, các cuộc tấn công vào tàu thuyền ở Biển Đỏ, tình trạng an ninh suy giảm rõ rệt ở các khu vực châu Phi cận Sahara và xung đột đang diễn ra tại U-crai-na. Nếu xung đột ở Trung Đông gia tăng, nguồn cung dầu có thể bị gián đoạn đáng kể và giá hàng hóa sẽ tăng đột biến, có khả năng làm suy yếu các nỗ lực đưa lạm phát trở lại mục tiêu trên toàn cầu. Sự không chắc chắn xung quanh diễn biến của cuộc xung đột Nga - U-crai-na sẽ tiếp tục gây rủi ro cho thị trường hàng hóa cũng như an ninh khu vực. Sự kết hợp của nhiều cuộc xung đột vũ trang và tác động dây chuyền có nguy cơ làm trầm trọng thêm

sự bất ổn về môi trường địa chính trị, cản trở đầu tư, làm suy giảm tâm lý của cả người tiêu dùng và doanh nghiệp, đồng thời làm tăng biến động tài chính.

Thứ hai, sự phân mảnh và không chắc chắn về chính sách thương mại. Gia tăng các hạn chế thương mại sẽ khiến triển vọng tăng trưởng toàn cầu suy giảm đáng kể, làm chuyển hướng thương mại khỏi nhà cung cấp có chi phí thấp nhất, dẫn đến sự gián đoạn đối với chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc tái cấu trúc chuỗi cung ứng rất tốn kém và có thể dẫn đến tổn thất phúc lợi khi các công ty dành nguồn lực để tìm kiếm nhà cung cấp thay thế. Sự bất ổn ngày càng tăng trong chính sách thương mại và sự suy yếu hơn nữa của hệ thống thương mại đa phương có thể tác động tiêu cực đến tăng trưởng. Trong ngắn hạn, sự không chắc chắn về gia tăng chính sách thương mại có thể làm chậm hoạt động đầu tư kinh doanh ở các nền kinh tế phát triển, các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi. Về lâu dài, chuỗi cung ứng kém hiệu quả có thể làm giảm lợi nhuận trên vốn, gây trở ngại cho tăng trưởng năng suất.

Thứ ba, lãi suất cao hơn trong thời gian dài hơn. Lạm phát dai dẳng và lãi suất chính sách cao hơn ở Hoa Kỳ và các nền kinh tế phát triển khác sẽ đè nặng lên tăng trưởng toàn cầu. Cùng với chi phí đi vay tăng cao, lạm phát cao ở các nền kinh tế phát triển sẽ làm giảm thu nhập thực tế và chi tiêu của người tiêu dùng. Nhiều ngân hàng trung ương tại các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi cũng có thể trì hoãn hoặc làm chậm quá trình nới lỏng tiền tệ, một phần để ngăn chặn rủi ro lạm phát có thể xảy ra do đồng tiền mất giá. Theo đó, tăng trưởng toàn cầu

chậm lại do sự kết hợp của các điều kiện tài chính thắt chặt hơn và mức tăng thu nhập thực tế yếu hơn. Ngoài ra, nhu cầu bên ngoài yếu hơn sẽ làm giảm tăng trưởng xuất khẩu ở các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi.

Thứ tư, tăng trưởng yếu hơn dự kiến ở Trung Quốc. Tăng trưởng yếu hơn ở Trung Quốc có thể có tác động lan tỏa bất lợi thông qua thị trường hàng hóa và thương mại toàn cầu, ảnh hưởng đến sự phục hồi thương mại toàn cầu, làm giảm hoạt động ở các nền kinh tế phụ thuộc vào thương mại. Mặc dù khả năng hội nhập của Trung Quốc vào thị trường tài chính toàn cầu vẫn còn hạn chế, nhưng sự suy giảm mạnh này có thể tạo ra tác động lan tỏa tài chính bất lợi. Trong bối cảnh nợ công và tư nhân ở mức cao và ngày càng tăng, tốc độ tăng trưởng chậm hơn ở Trung Quốc và những lo ngại về rủi ro tài chính gia tăng có thể khiến các cơ quan chức năng phải kiểm chế tăng trưởng tín dụng và chuyển hướng sang củng cố tài chính.

Thứ năm, thiên tai xảy ra thường xuyên hơn với tác động ngày càng nghiêm trọng hơn. Tần suất và mức độ nghiêm trọng của thiên tai đã tăng lên theo thời gian và dự kiến sẽ còn tăng hơn nữa do biến đổi khí hậu, gây rủi ro đối với tăng trưởng toàn cầu. Các hiện tượng như El Niño và La Niña đang diễn ra có nguy cơ tác động tiêu cực đến sản lượng nông nghiệp, tạo áp lực lên giá trong thời gian tới. Những hiện tượng thời tiết này có thể trở nên cực đoan hơn và tăng tần suất trong các kịch bản phát thải khí nhà kính cấp tính hơn, gây thiệt hại về lâu dài. Các hiện tượng thời tiết cực đoan cũng có thể làm gia tăng lây lan dịch bệnh.

Nguồn: Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế - TCTK



NỖ LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC KẠN

Phan Văn Lùng

Phó Cục trưởng phụ trách Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn

Với sự thống nhất quan điểm chỉ đạo và chủ động tháo gỡ vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước, cùng với nhiều giải pháp quyết liệt phù hợp với thực tiễn, bức tranh kinh tế - xã hội của Bắc Kạn thời gian qua tiếp tục có nhiều khởi sắc.

Vượt khó khăn thách thức, tiếp tục phát triển

Năm 2023, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Kạn vẫn đạt 6,33%, xếp thứ 6 trong vùng và đứng thứ 33 trên cả nước. Tổng sản phẩm GRDP (theo giá so sánh) đạt 8.840 tỷ đồng, GRDP bình quân đạt 50,3 triệu đồng/người, tăng 4 triệu đồng so với năm 2022. Sau 6 tháng đầu năm 2024, Bắc Kạn tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá, tổng sản phẩm GRDP theo giá so sánh đạt 4.128 tỷ đồng, tăng trưởng 5,45%.

Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, bảo đảm mục tiêu an ninh lương thực, góp phần xây dựng nông thôn mới. Năm 2023, nhiều chính sách hỗ trợ, nhiều giải pháp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất đã đưa khu vực nông - lâm nghiệp đạt mức tăng trưởng 4,39%. Công nghiệp - xây dựng tiếp đà phát triển mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng đạt 9,9%; khu vực dịch vụ tăng 6,09%. Sau 6 tháng năm 2024, nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì đà tăng trưởng 3,63%, công nghiệp - xây dựng tăng 7,05% và khu vực dịch vụ tăng 5,8%.



Lãnh đạo UBND tỉnh trao Biên bản ghi nhớ cho 18 nhà đầu tư, doanh nghiệp tại hội nghị công bố Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Là Tỉnh có nguồn lực ngân sách nhà nước rất hạn chế, song Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP) luôn được Bắc Kạn dành nhiều sự ưu tiên. Đến cuối năm 2023, bình quân toàn Tỉnh đạt 12,11 tiêu chí/xã; 1 đơn vị cấp huyện hoàn thành xây dựng nông thôn mới, 23 xã nông thôn mới, 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 63 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới. Đến cuối năm 2023, Tỉnh có thêm 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và tổng số sản phẩm OCOP của Tỉnh là 202 sản phẩm.

Công tác quy hoạch được Bắc Kạn đẩy mạnh theo hướng phát triển đô thị gắn với phát huy các giá trị văn hóa lịch sử và du lịch. Ngày 30/11/2023, tỉnh Bắc Kạn công bố Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đây là cơ sở để Tỉnh hoạch định các kế hoạch phát triển một cách đồng bộ, hiệu quả.

Cùng với phát triển kinh tế, các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục,

lao động, việc làm... được quan tâm chăm lo toàn diện. Các đơn vị, địa phương đã tích cực đẩy mạnh giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Chính sách an sinh xã hội, chế độ chính sách đối với người có công, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người lao động được thực hiện theo quy định.

Dấu ấn đậm nét trong lĩnh vực văn hóa - xã hội là sự sôi động, hấp dẫn đến từ các sự kiện, văn hóa, thể thao được Bắc Kạn tổ chức thành công, như: Giải vô địch bóng chuyền hơi toàn quốc; Giải Việt dã tỉnh Bắc Kạn lần thứ XX; Lễ hội văn hóa “Chợ tình Xuân Dương”; “Tuần Văn hóa – Du lịch Bắc Kạn” gắn với trải nghiệm nông nghiệp Bí xanh thơm Ba Bể; Sự kiện “Sắc thu hồ Ba Bể”; Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch các dân tộc tỉnh Bắc Kạn.

Nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư

Để tạo xung lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Bắc Kạn tập trung nhiều giải pháp để thu hút



đầu tư, trong đó tập trung nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng khu, cụm công nghiệp và đẩy mạnh chuyển đổi số. Cụ thể, trong 02 năm qua, Bắc Kạn đã huy động được hàng nghìn tỷ đồng từ các nguồn vốn Trung ương, ODA để ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp mạng lưới giao thông huyết mạch tạo thành mạng lưới giao thông đường bộ liên hoàn, kết nối trung tâm tỉnh đến các tỉnh lân cận và các huyện, xã. Trong năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024, một loạt dự án, công trình trọng điểm được triển khai, thực hiện như: Dự án trọng điểm xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn – hồ Ba Bể, kết nối sang Na Hang (Tuyên Quang), Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh (trong huyện Ba Bể), Dự án xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể...

Cùng với hạ tầng giao thông, tỉnh Bắc Kạn tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số để nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. Ngày 25/4/2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 278/KH-UBND về triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Theo đó, Bắc Kạn sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện thủ tục cải cách hành chính trên môi trường điện tử để nâng cao tính công khai, minh bạch, tiết kiệm chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

Để tăng sức hút cho địa phương, tỉnh Bắc Kạn giao Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp sẵn sàng đồng hành, hỗ trợ các nhà đầu tư từ bước khảo sát vị trí, tìm kiếm địa điểm đầu tư, làm thủ tục thành lập doanh nghiệp đến hỗ trợ thủ tục pháp lý để được cấp chủ trương đầu tư và giải quyết thủ tục hành chính sau khi chấp thuận chủ trương như: Đất đai, môi trường, cấp phép xây dựng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, các ưu đãi đầu tư... sớm đưa dự án vào sản xuất kinh doanh.

Nhờ giải pháp kịp thời, tháo gỡ khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp, Bắc Kạn đã sàng lọc, chọn lọc và hỗ trợ nhiều nhà đầu tư thực chất, mong muốn triển khai các dự án để khai thác tiềm năng lợi thế của Tỉnh. Trong năm 2023 và nửa đầu năm 2024, bên cạnh những tập đoàn quan tâm đầu tư vào lĩnh vực du lịch, nghỉ dưỡng (tiêu biểu Onsen Fuji) một số dự án khai thác và chế biến sâu khoáng sản cũng được triển khai xây dựng như: Dự án đầu tư xây dựng nhà máy luyện chì công suất 5.000 tấn/năm của Công ty TNHH Hoàng Nam Bắc Kạn; Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng chì kèm khu vực Ba Bể, xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn của Công ty TNHH Ngọc Linh./.

Trong giai đoạn 2021-2025, Bắc Kạn được phân bổ hơn 3.000 tỷ đồng để thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Chương trình MTQG 1719). Với nguồn vốn này, quan điểm chung của Tỉnh là tập trung khai thác hiệu quả lợi thế, tiềm năng của từng địa phương; ưu tiên tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đồng bộ; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình triển khai, Tỉnh chỉ đạo các sở, ngành bám sát văn bản chỉ đạo; hướng dẫn và tiến độ triển khai để kịp thời tham mưu để có những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương đồng bộ, kịp thời, đi kèm với đó là tăng cường hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ ở các xã để cán bộ ở cấp xã triển khai nhiệm vụ một cách nhuần nhuyễn.

Nhờ các hướng dẫn kịp thời, các đơn vị, địa phương khắc phục vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai các chương trình, dự án thành phần. Tiêu biểu như ở huyện Pác Nặm (địa phương khó khăn nhất của Tỉnh), đến năm 2023, Huyện đã triển khai 4 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng về chăn nuôi và trồng trọt tại 2 xã Bằng Thành và Bộc Bó và triển khai 2 dự án chăn nuôi lợn thịt bản địa, quy mô 100 con/dự án ở xã Bằng Thành, 1 dự án trồng lê quy mô 5ha và 1 dự án chăn nuôi bò sinh sản quy mô 30 con tại xã Bộc Bó. Còn tại huyện Bạch Thông, trong năm 2023, Huyện được giao gần 60 tỷ đồng cho 10 dự án phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS và miền núi từ nguồn lực của Chương trình MTQG 1719. Huyện đang tập trung tháo gỡ những khó khăn,



Hội viên phụ nữ thôn Khuổi Nhàng, xã Hòa Mục (Chợ Mới) được truyền thông về bình đẳng giới



BẮC KẠN: PHÁT HUY HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT - XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Trịnh Long

Trong điều kiện các nguồn lực của địa phương còn hạn chế, Bắc Kạn đã tranh thủ các nguồn lực đầu tư từ các Chương trình MTQG, đặc biệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đầu tư và hỗ trợ cho Nhân dân và các địa phương. Các Dự án, Tiểu dự án được triển khai hiệu quả đã góp phần xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, thúc đẩy sản xuất và gia tăng thu nhập, nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc.



Mô hình liên kết trồng bí xanh ở Ba Bể mang lại thu nhập cao cho người dân DTTS trong Huyện

vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Với sự quyết liệt triển khai của các địa phương, tính đến cuối năm 2023, Bắc Kạn đã phân bổ trên 2.000 tỷ đồng cho 10 dự án thành phần của chương trình này. Từ nguồn vốn được giao, hiện đã có 334 công trình thiết yếu được đầu tư, nâng cấp sửa chữa; gần 500 hộ dân được hỗ trợ làm nhà ở; 170 mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị để tạo sinh kế ở các địa phương được tổ chức thực hiện. Nhờ vậy, sản xuất nông - lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có bước chuyển biến tích cực theo hướng đổi mới

cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ và sản xuất hàng hóa. Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chăn nuôi, trồng rừng cũng đã tạo điều kiện trực tiếp cho đồng bào DTTS và miền núi vươn lên, ổn định cuộc sống.

Nhờ các nguồn vốn quý từ các Chương trình MTQG, Bắc Kạn đang nỗ lực làm thay đổi diện mạo cũng như tạo "bệ phóng" phát triển mới cho địa phương, cho đồng bào các dân tộc anh em trong tỉnh vươn lên thoát nghèo, làm giàu theo hướng bền vững. Những sự chuyển biến trong đời sống vùng dân tộc thiểu số Bắc Kạn góp phần vào sự phát triển chung của Tỉnh. Cụ thể, năm 2023, Bắc Kạn có 23/29 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch;

tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 6,33%, xếp thứ 33 so với cả nước; giảm 2,76% hộ nghèo...

Đến năm 2024, Bắc Kạn được phân bổ trên 1.200 tỷ đồng cho 3 Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó nguồn vốn đầu tư hơn 657 tỷ đồng và vốn sự nghiệp gần 550 tỷ đồng. Ông Phạm Duy Hưng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn cho biết: Việc Quốc hội thông qua Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù trong thực hiện các chương trình MTQG sẽ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện 3 Chương trình MTQG tại các địa phương. Về phía Tỉnh, đã chỉ đạo quyết liệt các địa phương, đơn vị, bắt tay vào thực hiện các nhiệm vụ ngay từ ngày đầu, tháng đầu của năm. Đặc biệt là với từng Chương trình, Tỉnh đồn đốc và thường xuyên kiểm tra tiến độ dự án ở các địa phương, đơn vị. Đồng thời yêu cầu các sở, ngành bám sát văn bản chỉ đạo; hướng dẫn và tiến độ triển khai để kịp thời tham mưu, có những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương một cách đồng bộ, nhanh chóng. Ngoài ra tăng cường sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ ở các xã để cán bộ ở cấp xã triển khai nhiệm vụ chính xác, hiệu quả./



NGÀNH Y TẾ BẮC KẠN NỖ LỰC VỚI SỰ NGHIỆP CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN

Thành Nam

Những năm qua, ngành Y tế tỉnh Bắc Kạn đã nỗ lực triển khai các giải pháp để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của người dân, từng bước phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại.



Mổ nội soi cắt tử cung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn

Bắc Kạn là tỉnh miền núi, thuộc vùng Đông Bắc Bộ, có địa hình tự nhiên không thuận lợi, giao thông đi lại khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 86%, nền kinh tế chậm phát triển, tỷ lệ hộ nghèo cao so với mặt bằng chung của cả nước. Những năm qua, ngành Y tế Bắc Kạn đã tập trung các giải pháp đồng bộ nâng cao năng lực và chất lượng khám, chữa bệnh (KCB) ở tất cả các tuyến để giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân khi phải thăm khám và điều trị tại các bệnh viện tuyến Trung ương.

Theo đó, Ngành chú trọng vào việc đầu tư mua sắm và khai thác tối đa trang thiết bị hiện có; đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ y, bác sĩ, nhất là những chuyên khoa sâu; mời các chuyên gia của bệnh viện tuyến Trung ương về chuyển

giao kỹ thuật cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh; thực hiện đề án 1816 chuyển giao kỹ thuật từ bệnh viện tuyến tỉnh cho trung tâm y tế tuyến huyện; tăng cường thực hiện đổi mới phong cách thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh; thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin từ quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế, bệnh án điện tử tới chẩn đoán, xét nghiệm, khám, chữa bệnh từ xa; đặc biệt thực hiện Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế về việc Ban hành Bộ Tiêu chí chất lượng Bệnh viện Việt Nam, hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện, khảo sát sự hài lòng của người bệnh.

Nhờ đó, đến nay năng lực KCB và chất lượng các dịch vụ y tế

ở tất cả các tuyến của tỉnh Bắc Kạn đã được nâng lên đáng kể. Tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã triển khai tốt các kỹ thuật chuyên sâu như: Phẫu thuật nội soi trong ngoại khoa (PT nội soi cắt ruột thừa; cắt túi mật; cắt u xơ tiền liệt tuyến; nội soi tán sỏi tiết niệu bằng laser); Nội soi đường tiêu hóa có gây mê; nội soi cắt polip đại tràng; nội soi tiêm xơ cầm máu trong xuất huyết tiêu hóa; Siêu âm tim; Liệu pháp surfactant trong điều trị suy hô hấp sơ sinh; hồi sức cấp cứu chống độc, lọc thận nhân tạo; Nội soi tán sỏi bàng quang; Phẫu thuật chấn thương sọ não kín; Phẫu thuật thay khớp háng bán phần; Tán sỏi tiết niệu bằng laser; Phẫu thuật cố định cột sống thắt lưng bằng nẹp vít; Quản lý và điều trị viêm gan virus B; Xét nghiệm HBV đo tải lượng Real-Time PCR; Nghiệm pháp dung nạp đường huyết, đặc biệt Bệnh viện đã thực hiện được dịch vụ kỹ thuật tách các thành phần trong máu...

Thực hiện kế hoạch hoạt động của Đề án bệnh viện vệ tinh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn đã chủ động cử cán bộ y tế tham dự các lớp đào tạo, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật của Bệnh viện hạt nhân như: Cấp cứu tim mạch (bác sĩ, điều dưỡng); Holter điện tâm đồ; siêu âm tim cơ bản; hóa trị ung thư thực quản; chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư góp phần chăm sóc người bệnh ngay tại tuyến tỉnh, hạn chế chuyển tuyến trên.



Hiện nay, 8/8 trung tâm Y tế tuyến huyện, thành phố đã được nâng cấp lên bệnh viện hạng II và đã triển khai được nhiều kỹ thuật mới trong lâm sàng như: Phẫu thuật cắt bỏ các loại u bao hoạt dịch, u phần mềm phức tạp; Phẫu thuật khâu nối gân gấp, gân duỗi các loại; Phẫu thuật cắt tử cung bán phần; Chiếu đèn hồng ngoại; mổ kết hợp gãy xương đùi bằng nẹp vít, mổ cấp cứu cắt lách; Nhổ răng khó; Nội soi gấp dị vật thực quản bằng ống cứng. Đặc biệt, kỹ thuật lưu dự trữ, bảo quản máu và truyền máu trở thành một kỹ thuật thường quy tại một số đơn vị trong Tỉnh, qua đó góp phần nâng cao chất lượng khám, điều trị cấp cứu các ca bệnh nặng, hạn chế người bệnh chuyển tuyến trên.

Trong năm 2023, ngành Y tế Bắc Kạn cơ bản thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu của Bộ Y tế, UBND tỉnh giao. Công tác khám, chữa bệnh luôn được duy trì và củng cố; chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao; phong cách, thái độ phục vụ người bệnh được cải thiện; sự hài lòng của người bệnh đối với dịch vụ y tế tăng. Công suất sử dụng giường bệnh đạt 106,9%; có 100% các cơ sở khám, chữa bệnh công lập đều đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT); 100% người bệnh có thẻ BHYT khi đi khám, chữa bệnh đúng tuyến đều được đảm bảo đầy đủ quyền lợi theo quy định hiện hành. Tính đến ngày 31/12/2023, tổng số người dân tham gia BHYT là 314.051 người, đạt 96,1%. Công tác an toàn thực phẩm, dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được củng cố và nâng cao chất lượng. Hệ thống y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và hoàn thiện. Có 100% số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; 100% trạm y tế xã có bác sĩ làm việc; 99,8% thôn, bản, tổ phố có nhân viên y tế thôn bản hoạt động...

Trong 6 tháng đầu năm 2024, ngành Y tế tỉnh đã chủ động triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Chính phủ, Bộ Y tế, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và nhiệm vụ của Ngành theo đúng kế hoạch. Hoạt động khám chữa bệnh, cấp cứu và điều trị người bệnh kịp thời; cơ bản đảm bảo thuốc, trang thiết bị y tế, vật tư, hoá chất phục vụ công tác chuyên môn. 5 tháng đầu năm, tổng số lần khám chữa bệnh đạt 245.450 lượt người, trong đó số người bệnh điều trị nội trú 24.968 lượt người. Công suất sử dụng giường bệnh duy trì đảm bảo đạt trên 85%/ tháng.

Có thể nói, mặc dù ngành Y tế Bắc Kạn phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, song cán bộ, công chức, viên chức và người lao động toàn Ngành vẫn giữ vững niềm tin, hết lòng vì sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân, từ đó có những bước chuyển mình lớn trong tổ chức chỉ đạo thực hiện các hoạt động chuyên môn, đáp ứng sự hài lòng của người dân, được Nhân dân tin tưởng và ủng hộ./.

HUYỆN PÁC NẶM: 20 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Minh Châu

Sau 20 năm xây dựng và phát triển, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn đã chuyển mình mạnh mẽ, kinh tế - xã hội phát triển, diện mạo từ trung tâm Huyện đến các thôn vùng cao có nhiều khởi sắc, đời sống tinh thần, vật chất của Nhân dân được nâng cao.



Lãnh đạo tỉnh, huyện duyệt màn diễu hành kỉ niệm 20 năm thành lập huyện Pác Nặm

Pác Nặm là huyện miền núi nằm ở phía Bắc của tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Nghị định số 56/NĐ-CP ngày 28/5/2003 của Chính phủ, trên cơ sở tách ra từ huyện Ba Bể. Ngày mới thành lập, huyện Pác Nặm hết sức khó khăn do điểm xuất phát thấp, xa trung tâm kinh tế - văn hóa của tỉnh. Kinh tế của Huyện chủ yếu là nông nghiệp, mang tính tự cung, tự cấp, năng lực, hiệu quả sản xuất thấp, dễ chịu tác động bất lợi khó lường do thiên tai; tỷ lệ hộ nghèo cao (72,79%); y tế, giáo dục còn nhiều bất cập; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hầu như chưa được đầu tư. Bên cạnh đó, tổ chức bộ máy,



đội ngũ cán bộ quản lý vừa thiếu, vừa yếu; đời sống của Nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn... Tuy nhiên, với sự chung sức, đồng lòng của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn, sau 20 năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, huyện Pác Nặm đã chuyển mình mạnh mẽ, đời sống người dân ngày càng được cải thiện.

Hàng năm, huyện Pác Nặm được phân bổ nguồn vốn thông qua nhiều chương trình, dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn, nhờ vậy cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của Huyện thay đổi đáng kể, bộ mặt nông thôn ngày một khởi sắc. Đến nay, hệ thống đường từ trung tâm xã đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt trên 84%; có 105/113 thôn có điện lưới quốc gia với tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt trên 91%; 10/10 xã có trạm y tế được xây dựng đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; trụ sở làm việc các xã được xây dựng khang trang...

Sản xuất nông nghiệp chuyển từ tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa. Người dân đã và đang từng bước mạnh dạn thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, đẩy mạnh phát triển các cây trồng có giá trị về kinh tế. Năm 2023, Huyện đã có 11 sản phẩm được công nhận OCOP đạt 3 sao. Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp của Huyện năm 2022 đạt 468 tỷ đồng, tăng 375 tỷ đồng so với năm 2004.

Các hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, Thương mại dịch vụ tiếp tục được phục hồi, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã có nhiều nỗ lực đẩy mạnh các hoạt động phát triển sản xuất đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất, đời sống của Nhân dân. Huyện đã triển khai đầu tư

cơ sở vật chất các chợ đầu mối như: Chợ trung tâm xã Bộc Bó, Chợ Bằng Thành, Chợ Công Bằng, Chợ bò Nghiên Loan... tạo điều kiện thuận lợi để trao đổi hàng hóa. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2022 đạt trên 17 tỷ đồng, tăng trên 16 tỷ đồng (tăng 22 lần) so với năm 2004. Tổng mức bán lẻ hàng hóa năm 2022 đạt trên 180 tỷ đồng, tăng 168 tỷ đồng so với năm 2004. Thu ngân sách năm 2022 đạt trên 10,7 tỷ đồng, tăng 10,36 tỷ đồng so với năm 2004. Năm 2023, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 20,329 tỷ đồng, bằng 112,94% kế hoạch, tăng 17,5% so với năm 2022; bình quân toàn Huyện đạt 9,7 tiêu chí nông thôn mới, đạt 88,2% kế hoạch, tăng 6 tiêu chí so với cùng kỳ, thôn nông thôn mới bình quân đạt 11,6 tiêu chí/thôn.

Khi mới thành lập, huyện Pác Nặm chưa có trường học đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ kiên cố hóa lớp học, nhà công vụ giáo viên mới chỉ đạt 15,4% thì đến nay, toàn huyện đã có 8 trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, 10/10 xã đạt chuẩn phổ cập xóa mù chữ, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT hằng năm đạt trên 95%; cơ sở hạ tầng, trang thiết bị trường học được đầu tư đồng bộ, đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học. Hệ thống y tế được củng cố và phát triển từ huyện đến xã; công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân được quan tâm, 10/10 trạm y tế đều đạt chuẩn quốc gia. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được đẩy mạnh... Đời sống của người dân nơi đây ngày càng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn 52,68%, giảm 20,11% so với năm 2003.

Phát huy những kết quả đã đạt được, hiện nay huyện Pác Nặm đang tập trung khai thác những tiềm năng, lợi thế để đẩy nhanh

quá trình phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân. Trong đó, một trong những tiềm năng, thế mạnh nổi trội của huyện Pác Nặm là tài nguyên đất, với tổng diện tích tự nhiên của Huyện là 47.539ha, trong đó có 45.800ha đất nông nghiệp, chiếm 96% tổng diện tích tự nhiên. Đất đai ở Pác Nặm màu mỡ, tầng canh tác dày, diện tích đất trống chưa đưa vào sử dụng còn khá lớn, đặc biệt là đất cho sản xuất nông nghiệp vụ 3 (vụ đông) chưa được khai thác triệt để.

Để khai thác hiệu quả lợi thế này, huyện Pác Nặm đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 24/3/2021 về phát triển một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế trên địa bàn Huyện giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và được cụ thể bằng Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2021 về phát triển một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế trên địa bàn Huyện giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để tập trung triển khai các công trình giao thông liên kết vùng, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, giao thương hàng hóa.

Bên cạnh đó, Tập trung các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực các chương trình MTQG để thực hiện các dự án phát triển sản xuất; đẩy mạnh phát triển sản xuất gắn liền với tiêu thụ sản phẩm; thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp để đầu tư, khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về đất đai, qua đó thúc đẩy kinh tế huyện Pác Nặm đi lên./.



Huyện Ba Bể

KHAI THÁC TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Đoàn Châu



Những năm qua, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện nhiều giải pháp để khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch của Vườn quốc gia Ba Bể, từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng trong phát triển kinh tế của Huyện, hướng tới xây dựng Khu du lịch Ba Bể trở thành khu du lịch quốc gia.

*Bản Pác Ngòi
bên bờ Hồ Ba Bể*

Tập trung đầu tư hạ tầng và quảng bá du lịch

Thực hiện Đề án Phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, huyện Ba Bể đã đẩy nhanh hoàn thiện các quy hoạch Di tích quốc gia đặc biệt - danh lam thắng cảnh hồ Ba Bể; quy hoạch các khu, điểm du lịch. Đồng thời, huy động nguồn lực đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu; cải tạo, nâng cấp, xây dựng công trình du lịch, như: Đầu tư cải tạo mặt bằng, xây dựng một số điểm ngắm cảnh, bảng biển danh thắng tại các khu vực Ao Tiên, đảo Bà Góa, thác Đầu Đẳng, động Hua Mạ, động Puông, thác Tát Mạ...

Huyện cũng định hướng xây dựng các tuyến tham quan cố định để thuận tiện trong việc tư vấn, giới thiệu cho du khách; nghiên cứu, bố trí các điểm check - in trên hồ Ba Bể để tạo điểm nhấn, phục vụ du khách đến chụp ảnh, ghi hình, góp phần tăng cường hiệu quả công tác quảng bá du lịch. Bố trí thêm các điểm vệ sinh công cộng; triển khai nghiên cứu và đưa vào thử nghiệm các trò chơi, các hoạt động, như: Đạp vịt trên hồ, bóng bay khí, bắt cá bằng dụng cụ thủ công, văn nghệ phục vụ tại bãi hội, chụp ảnh trên thuyền mành,

thuyền độc mộc. Đồng thời, triển khai nghiên cứu, bố trí nguồn kinh phí xây dựng đường đi bộ lên động Nả Phồng, khuyến khích người dân mở các dịch vụ homestay, để du khách có thể trải nghiệm cuộc sống và văn hóa địa phương.

Bên cạnh đó, Huyện phối hợp với Viettel Bắc Kạn tổ chức hội nghị giới thiệu giải pháp phát triển du lịch thông minh với các nội dung: Giới thiệu tổng quan về du lịch thông minh; số hóa tài nguyên văn hóa, du lịch huyện Ba Bể; Hệ sinh thái du lịch thông minh huyện Ba Bể và giới thiệu một số sản phẩm du lịch thông minh (Cổng du lịch thông minh, App du lịch thông minh...) nhằm giúp du khách dễ dàng tiếp cận và lựa chọn các dịch vụ phù hợp với nhu cầu khi muốn đến du lịch tại Ba Bể. Song song với đó, Huyện tích cực phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông đưa tin, bài, phóng sự giới thiệu, quảng bá về vẻ đẹp thiên nhiên, văn hóa, con người Ba Bể; tổ chức các sự kiện như: Xúc tiến tiêu thụ bí xanh thơm và sản phẩm OCOP gắn với du lịch trải nghiệm, Sắc thu hồ Ba Bể, Lễ hội Lồng tồng... để thu hút khách du lịch.

Đặc biệt, Huyện đã tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan

để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối thành phố Bắc Kạn với hồ Ba Bể, tuyến đường tỉnh 254 đoạn vòng quanh hồ Ba Bể, cũng như tuyến đường nối từ Ba Bể sang huyện Na Hang (Tuyên Quang) sắp được khởi công để nâng cao khả năng kết nối giao thông, hình thành các tuyến du lịch liên vùng, góp phần phát huy tiềm năng, thế mạnh du lịch hồ Ba Bể.

Phát triển nông lâm nghiệp gắn với du lịch

Cùng với việc quan tâm đầu tư hạ tầng và quảng bá du lịch, thời gian qua, huyện Ba Bể luôn ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với du lịch. Huyện đã thực hiện quy hoạch và phát triển các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung quy mô lớn như cây ăn quả, cây chè, vùng sản xuất lúa chất lượng cao: Hồng không hạt ở các xã Quảng Khê, Đồng Phúc, Hoàng Trĩ; vùng chăn nuôi trâu, bò tại xã Phúc Lộc, Bành Trạch, Thượng Giáo, Cao Thượng, Nam Mẫu, Đồng Phúc; vùng chăn nuôi lợn tại các xã Yên Dương, Địa Linh, Thượng Giáo; vùng nuôi thủy sản trên sông Năng, hồ Ba Bể và các xã Thượng Giáo, Khang Ninh, Nam Mẫu, thị trấn Chợ Rã...



Bên cạnh đó, huyện Ba Bể chỉ đạo thực hiện các mô hình phát triển nông, lâm nghiệp gắn với du lịch như: Mô hình sản xuất bí xanh thơm, lúa Nếp Tài, nuôi cá tầm gắn với du lịch trải nghiệm rừng trúc và thác Pù Lầu tại thôn Phiêng Phàng, xã Yến Dương; Mô hình sản xuất chè trung du gắn với du lịch trải nghiệm tại xã Mỹ Phương và mô hình trồng hồng không hạt, lúa ruộng bậc thang gắn với du lịch trải nghiệm tại khu vực cánh đồng Nà Mặn, thôn Nà Chom, xã Quảng Khê...

Để nâng cao giá trị kinh tế từ sản xuất nông nghiệp, đồng thời tạo thêm nhiều sản phẩm nông sản chất lượng giới thiệu cho khách du lịch, huyện Ba Bể đẩy mạnh thực hiện chương trình phát triển sản phẩm OCOP. Hiện nay, Huyện đã có 20 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh đạt 3 sao trở lên. Một số sản phẩm tiêu biểu đã tạo được chuỗi liên kết trong sản xuất kinh doanh, có được chỗ đứng trên thị trường như: Bí xanh thơm, trà bí xanh, thịt trâu khô, miến dong, trà giảo cổ lam, chuối sấy dẻo, lạp sườn gác bếp, khẩu mẩy vùng cao, rượu suối nguồn Nà Hai, gạo Nếp Tài... Trong đó, nhiều sản phẩm là những sản phẩm đặc hữu của địa phương mà du khách có thể mua về làm quà khi đến du lịch tại Ba Bể. Ngoài ra, Huyện đã xây dựng 02 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc sản của địa phương tại thị trấn Chợ Rã và xã Nam Mẫu để quảng bá, tạo đầu ra tại chỗ cho sản phẩm nông nghiệp.

Đặc biệt, với mục tiêu kết hợp hài hòa giữa sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới với phát triển du lịch, Huyện Ba Bể đã khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân phát triển sản phẩm du lịch gắn kết giữa môi trường thiên nhiên với văn hóa bản địa. Trên địa bàn Huyện hiện đang có 02 sản phẩm OCOP về du lịch được chứng nhận đạt sản phẩm OCOP 3 đó là Quỳnh Mai homestay, thôn Bó Lù và Ba Bể Green Homestay Đồng Hoán, thôn Pác Ngòi, xã Nam Mẫu. Hiện, tại khu vực xã Nam Mẫu có khoảng gần 60 hộ gia đình đăng ký làm dịch vụ du lịch nhà sàn homestay phục vụ nhu cầu khách du lịch trong nước và quốc tế tham quan, trải nghiệm. Nhiều gia đình đầu tư xuống để chờ khách tham quan, thưởng ngoạn vẻ đẹp của hồ Ba Bể, xây dựng các tour, tuyến du lịch trải nghiệm văn hóa, ẩm thực với đồng bào dân tộc trong vùng.

Những năm gần đây, lượng khách du lịch đến với hồ Ba Bể tiếp tục tăng cao, năm 2023 đạt trên 95 nghìn lượt khách, trong đó số khách quốc tế đạt trên 5 nghìn lượt. Huyện Ba Bể đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, thu hút 200 nghìn lượt khách du lịch trở lên, trong đó 80% khách nội địa và 20% khách quốc tế. Kinh tế du lịch đang dần trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của Ba Bể góp phần tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Huyện./

Với đặc thù của tỉnh miền núi, xa trung tâm lớn, sản xuất công nghiệp của tỉnh Bắc Kạn chưa phát triển, chưa tạo ra nhiều việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo của nhà trường, làm giảm sức hút của việc học nghề. Trong khi đó, hiện nay, việc mở rộng các hình thức tuyển sinh của các trường đại học với mức chuẩn đầu vào tương đối thấp khiến việc học đại học trở nên khá dễ dàng.

Trong bối cảnh đó, Trường Cao đẳng Bắc Kạn nói riêng và các đơn vị giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Bắc Kạn nói chung luôn nhận được sự quan tâm của Tỉnh với nhiều chính sách hỗ trợ. Bên cạnh thực hiện các chính sách của Trung ương như: Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm... tỉnh Bắc Kạn còn ban hành Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Đây là những hỗ trợ hết sức thiết thực, tạo điều kiện để con em đồng bào các dân tộc trên địa bàn Tỉnh nâng cao nhận thức, hiểu biết cũng như gia tăng cơ hội được học nghề, nâng cao tay nghề, có việc làm và thu nhập ổn định

Cùng với chính sách hỗ trợ, để thu hút học sinh theo học, Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã tập trung nâng cao chất lượng đào tạo. Thông qua các nguồn vốn trong và ngoài nước, Nhà trường đã được đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm máy móc, trang thiết bị đào tạo nghề hiện đại như: Nhà học lý thuyết, phòng tích hợp giảng dạy các nghề; Xưởng thực hành nghề Công nghệ ô tô với tổng diện tích gần 2000m²; xưởng thực hành nghề Kỹ thuật cơ khí rộng gần 1.500m²; trang trại thực hành nghề thú y trên 1000m²... đáp ứng nhu cầu thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học của các khoa chuyên môn.

Nhà trường hiện có hệ thống trang thiết bị đào tạo cơ bản đáp ứng tốt cho công tác đào tạo các ngành nghề theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH, Bộ GD&ĐT và điều kiện thực tiễn của nhà trường. Trường có 1.238 danh mục các loại máy móc, trang thiết bị đào tạo. Đi kèm với đó, đội ngũ cán bộ, giảng viên có chất lượng, thường xuyên được cử đi đào tạo, cập nhật kiến thức. Hiện, Trường có 119 cán bộ, viên chức, trong đó 109 giảng viên, giáo viên, nhà giáo có trình độ đạt chuẩn

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP CHẤT LƯỢNG CAO

Bế Ngọc Tuấn
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn

Thời gian vừa qua, Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã trải qua giai đoạn khó khăn khi vừa phải kiện toàn tổ chức, sắp xếp tinh gọn đội ngũ do thực hiện nhiệm vụ sáp nhập các đơn vị giáo dục trên địa bàn, vừa phải tập trung đổi mới chương trình, tăng cường công tác tuyển sinh, duy trì nền nếp, nâng cao chất lượng đào tạo và tăng tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm sau đào tạo



Lễ ký cam kết hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và nghiên cứu ở cấp độ đại học và sau đại học với Trường Đại học Y Trung Hoa – Đài Loan

theo yêu cầu, có nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy, có kỹ năng tay nghề cao.

Trong công tác hướng nghiệp, Nhà trường đã chủ động thành lập tổ tuyển sinh, trực tiếp đến các trường THCS, THPT trên địa bàn tỉnh thực hiện tư vấn định hướng nghề, nâng cao nhận thức cho các bậc phụ huynh cũng như con em về các ngành, nghề cũng như cơ hội việc làm và gia tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Kết quả năm 2023, tư vấn hệ Trung cấp nghề đạt 119,2% chỉ tiêu giao. Hệ Cao đẳng đạt 42% chỉ tiêu được giao.

Công tác đào tạo và liên kết đào tạo luôn là lựa chọn ưu tiên, nhất là đào tạo nghề gắn với doanh nghiệp. Trường chỉ đào tạo những gì doanh nghiệp cần ở người lao động, đảm bảo liên kết - hợp tác thường xuyên giữa Nhà trường và doanh nghiệp ở tất cả các khâu đào tạo. Trường đã xây dựng cơ chế phối hợp 3 bên: Nhà trường - Doanh nghiệp - Người học để các doanh nghiệp tham gia đóng góp những nội dung cần thiết, phù hợp với thực tiễn của sản xuất, kinh doanh. Mặt khác, Trường thường xuyên cử

viên chức theo dõi nắm bắt nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp và làm cầu nối để giới thiệu việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp. Hiện Nhà trường đã ký cam kết hợp tác đào tạo, giới thiệu ba bên với hơn 30 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Tính đến cuối năm 2023, trường có tổng số 659 học sinh, sinh viên với 26 lớp. Trong đó, hệ cao đẳng có 111 sinh viên/5 lớp; trung cấp có 548 học sinh/21 lớp; dạy học chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT cho 464 học viên/11 lớp. Năm học 2023-2024, Trường đều đạt và vượt so với mục tiêu kế hoạch. Các nhiệm vụ chính trị được giao đều hoàn thành.

Để tiếp tục phát triển, xây dựng nhà trường trở thành trung tâm giáo dục và đào tạo uy tín, có chất lượng, trong thời gian tới, bên cạnh những nỗ lực của Nhà trường, rất cần UBND tỉnh, Sở GD&ĐT; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sát sao hơn nữa công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT để các em tham gia học tập tại trường, đồng thời có cơ chế chính sách hỗ trợ học viên học các lớp nghề sơ cấp ngắn hạn./.

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC KẠN



**GIỎI CHUYÊN MÔN,
CHUẨN Y ĐỨC,
VỮNG BƯỚC PHÁT TRIỂN**



ĐC: Tổ 12, Phường Nguyễn Thị Minh Khai,
TP. Bắc Kạn, Bắc Kạn
Website: <https://bvdkbackan.com.vn/>
Hotline: 0966.631.919